

Hà Long LƯU VĂN VINH

VIỆT SỬ SIÊU LINH

Hà Long Thái Cực

Thông tin ebook

Tên sách : Việt Sử Siêu Linh

Tác giả : Lưu Văn Vịnh

Thể loại : Biên khảo

Nguồn : <http://www.fortunecity.com>

Chuyển sang ebook (TVE) : santseiya

Ngày hoàn thành : 11/11/2007

Nơi hoàn thành : Hà Nội

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục Lục

KHAI TỪ

CHƯƠNG MỘT

TỔNG QUAN VỀ PHONG THỦY ĐỊA LÝ ĐẤT VIỆT

CÁC NHÀ PHONG THỦY

CÁC THIỀN SƯ TIỀN PHONG

CÁC NGÔI ĐẤT ĐỂ VƯƠNG VÀ THẾ VƯƠNG ĐẠO ĐẤT NƯỚC

VÀI NHÂN ĐỊNH TẠM KẾT

CHƯƠNG HAI

SĂM KÝ VIỆT NAM

Sư VAN HẠNH với SĂM VỸ và TỔNG TRÌ TAM MA ĐỊA

BÀI SĂM CÂY GẠO

TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM : NHÀ TIỀN TRI CỦA VIỆT TỘC

THÁNH MẪU LIỄU HẠNH

PHỤ CHƯƠNG

TIỀN TRI TÂY PHƯƠNG VÀ ĐẠI CHUYỂN VẬN KỶ NGUYÊN MỚI

BÁC SĨ NOSTRADAMUS, MỘT TRẠNG TRÌNH TÂY PHƯƠNG, ĐÃ TIỀN ĐOÁN GÌ VỀ NĂM 1999 ?

URSULA SOUTHIEL (Mother Shipton) 1488-1561

LOUIS HAMON tức CHEIRO 1866-1936

NHÀ TIỀN TRI SỐ MỘT HOA KỶ EDGAR CAYCE đã nói gì về Kỷ Nguyên Mới ?

JEANE DIXON 1918-1997

MALACHY O ' MORGAN 1094-1148

HUYỀN KHẢI FATIMA Bồ Đào Nha - 1917

CÁC LỜI TIÊN TRI KHÁC

SO SÁNH TIÊN TRI TÂY PHƯƠNG VÀ VIỆT NAM

KHAI TỪ

Tập sách nhỏ này được soạn thảo với ba mục đích :

- 1- Bảo tồn những chuyện siêu linh ẩn hiện bên dòng Việt Sử, những sử liệu này, dù gọi là ngoại sử, dã sử, u linh hay chích quái...cũng vẫn là những khía cạnh cơ bản của con người toàn diện với chiều sâu vô thức và chiều cao siêu thức kết rề vào đại vũ trụ.
- 2- *Xâu lại* thành chuỗi những viên ngọc kỳ bí, khi tập trung trong Việt Điện U Linh Tập hay Lĩnh Nam Chích Quái (thế kỷ XIV), khi rải rác trong Đại Việt Sử Lược, Việt Sử Tiêu Án, Công Dư Tiệp Ký... Việc sắp xếp sơ thảo này quy về hai đề mục : *Phong Thủy Địa Lý* và *Sấm Ký Tiên Tri* Việt Nam, phụ thêm phần *Tiên Tri Tây Phương* để tiện việc tham khảo so sánh.
- 3 - Phần *Lược giải Sấm Trạng Trình*, xương sống của tập sách, nhằm soi sáng một quốc bảo bị thời gian 500 năm làm phai mờ thay đổi qua bao cuộc bể dâu. Phần này cũng nối lại sợi dây truyền thống 1000 năm Sấm ký từ Vạn Hạnh (thế kỷ X-XI), tới Trạng Trình và Liễu Hạnh Thánh Mẫu, đồng thời phân định chính giả, bảo trì và tôn nghi sử liệu dân gian.

Những chuyện siêu linh huyền bí thời nào và ở đâu cũng có. Chính sử tuy xác tín hơn nhưng ảnh hưởng không rộng lớn và sâu xa bằng ngoại sử, vì ngoại sử bao bọc được phần tàng thức dân tộc, phần này Freud và K. Jung gọi là vô thức , vô thức cộng thể hay sơ mẫu (*archetype*), chính là gốc rễ văn hóa, nguồn suối tâm linh, là mẫu số chung nối kết tập thể. Dùng lý luận xuyên có thể giải thích biến cố lịch sử hời hợt trần tục nhưng không giải thích được rất nhiều diễn biến phi lý của con người sinh hoạt lơ lửng giữa Thiên và Địa, chập chờn giữa Thiện và Ác, lung linh nơi " *âm dương chi giao, quỷ thần chi hội* ".

Sử quan duy lý của Hegel, biện chứng duy vật của Marx, lý tưởng chính phủ toàn cầu và tôn giáo toàn cầu (*universal state and universal church*) của Toynbee... tuy là những cố gắng tìm kiếm chiều hướng lịch sử cho nhân loại, nhưng đều là những công trình phiến diện giản qui con người vào lý trí khô cứng mà quên hẳn khía cạnh siêu lý (*irrational*) mệnh mông của tâm thức, đây mới là động cơ đẩy con người vào lịch sử và đây mới là bánh xe luân chuyển Sử mệnh của Nhân thế, một nhân thế không đơn độc trên mặt đất, không lẻ loi trong đoạn kỳ, nhưng gắn bó mật thiết với thời gian vũ trụ đa dạng, trường viễn.

Siêu linh sử quan chấp nhận khía cạnh siêu lý vào khoa học nhân văn, phân định lý số học chân chính với mê tín dị đoan, diễn giải lịch sử bằng những căn tố tàng thức chất chứa hệ quả trùng trùng của lớp lớp hành động, hết thế hệ này sang thế hệ khác, hết vận này sang vận kia. Lý trí chỉ biết tàng trữ dĩ vãng, còn Thần thức mới nhìn thấy tương lai : " *Thần* dĩ tri *lai*, *trí* dĩ tàng *vãng* " (Dịch Hệ từ), mà tương lai mới là tiếng gọi vang động kỳ diệu của lịch sử loài người " *linh u vạn vật* ".

Lặn sâu xuống tàng thức cộng thể Lạc Việt, cố mang lên vài phiến thạch Sơn tinh Thủy tinh cho các bậc thức giả xây lại ngôi đình *đông qui* dân tộc, đây là tâm nguyện chân thành của người viết tập Việt Sử Siêu Linh này.

Tiết Địa Lôi Phục Vọng Viêm Việt

Tác giả cần chí 12-1998

CHƯƠNG MỘT: TỔNG QUAN VỀ PHONG THỦY ĐỊA LÝ ĐẤT VIỆT

Khi Lý Thường Kiệt xác quyết " *Nam quốc sơn hà...tiệt nhiên định phận tại thiên thư* " (1076) thì có thể hiểu Thiên thư là bản đồ chiêm tinh ghi rõ biên giới nước Đại Việt " *Theo sách Thiên quan, từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên Ngưu đến sao Chức Nữ bảy độ là tinh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi Sửu ...* " (trích theo Việt Sử Tiêu Án).

Khi tiền nhân chọn đất để lập quốc thì không những phải lựa chọn những vùng đất tốt có thể trồng trọt sinh sống, lại cần thể hiềm trở để phòng giữ sinh tồn , phải có sông nước làm mạch, có núi non phen dậu...nhưng song song với những yếu tố vật lý nhân văn trên, cổ nhân còn tin tưởng vào thiên lý với Thiên, Địa và Nhân như một tổng thể, một Gestalt nói theo ngôn ngữ thời đại. Tổng thể này bất khả phân, vận hành trong vũ trụ cùng với chu kỳ trăng sao, khi thăng khi trầm, khi thịnh khi suy. Thế nên " *thiên lý tại nhân tâm* " và khi *tâm động* thì *quỷ thần tri* , tất cả là một đơn vị nhất nguyên xoay chuyển trong tam thiên đại thiên thể giới, kinh qua ngàn vạn năm, tiểu chu kỳ trong đại chu kỳ, lồng vào nhau , cùng xuyên qua diễn trình thành, hoại, tiêu, trưởng của muôn loài.

Lịch sử nhân loại là lịch sử dằng co giữa Thiện và Ác, giữa Âm và Dương, đây là NHÂN SỬ phản ánh THIÊN SỬ ghi bằng những vết tích đầu nhật nguyệt. Cá nhân có tàn lụi, thì sơn hà vẫn tồn tại, sơn hà có nghiêng đổ thì thiên hà vẫn chói sáng ... thời gian trần thế và thời gian vũ trụ chồng lên nhau như những búp hoa, nở rồi tàn, tàn rồi nở.

Chiêm nghiệm tượng Trời để suy diễn thế cuộc, nhìn sao hôm, sao mai, sao chổi, nghe động đất núi lửa...cũng là cách tìm cái tâm vũ trụ vang trên cái tâm của cây sậy nhỏ bé uốn mình trong giông bão. Đây là nguồn của khoa học và triết lý nhân bản nhân loại Đông Tây Nam Bắc cổ xưa. Nguồn này tách ra làm hai, một dòng đổ vào khoa học vật lý với những khám phá rực rỡ về vật chất, từ tế bào đến điện tử, một dòng đổ vào tín ngưỡng . Dòng trên thành *vật quyền*, dòng dưới thành *thần quyền*, cả hai đều rời xa tâm thức uyên nguyên " *thiên lý tại nhân tâm* ", tâm người cũng là tâm vũ trụ, soi chiếu lẫn nhau mà không đè ép.

Khi nhân hóa vũ trụ, con người có thể suy diễn rằng *núi non giống như xương cốt, sông ngòi giống như mạch máu, đất đai giống như thịt da, cây cỏ giống như lông tóc*. Người có khí lực, đất có long mạch, địa linh thì nhân kiệt, đất tốt thì cây cỏ xanh tươi...luật quân binh Âm Dương áp dụng cho vạn vật, song song với ngũ hành tương khắc được phát triển sau này. *Tiểu vũ trụ và đại vũ trụ*, nhìn từ gốc, rất giống nhau, óc nhị biên làm con người tách khỏi thiên nhiên đưa tới tình trạng vong thân (*aliénation*) trầm trọng.

Bác học Lê Quý Đôn trong Văn Đài Loại Ngữ trích bàn theo Khổng Tử Gia Ngữ : " *Người sinh ở đất dẫn thì tính tình cứng cỏi, sinh ở đất mềm thì nhút nhát, sinh ở đất dẫn đen thì tính nét tỉ mỉ, sinh ở đất nở thì đẹp đẽ, sinh ở đất thưa mỏng thì xấu xí* " và theo Hoài Nam Tử " *Sinh ở đất nhẹ thì nhanh nhẹn, sinh ở đất nặng thì chậm chạp, ở nơi nước trong thì tiếng nhỏ nhẹ, ở nơi nước đục thì tiếng thô cục...đất trung châu sinh nhiều thánh hiền* ".

Người dân Việt khi nói " *Ấn phải nước phải cái* " hoặc " *đất lành chim đậu* " hoặc " *địa linh nhân kiệt* " cũng diễn tả cái nghĩa " *thiên nhân tương ứng* " nói trên.

Khi tổ tiên Lạc Việt định cư ở vùng **châu thổ sông Hồng** cách đây hơn bốn ngàn năm, tất đã nhìn đại thể chiến lược phong thủy để tính cuộc phát triển *Bắc cự Nam tiến*, hàm ẩn trong huyền thoại quốc đạo *năm mươi con xuống biển, năm mươi con lên núi*. Muốn dân tộc đủ lực Bắc cự thì phải nằm vào long mạch tương đương với long mạch Bắc phương Trung Hoa, muốn Nam tiến thì phải có phong thủy khuynh loát nổi Chiêm Thành Phù Nam... Ngọc phả Hùng Vương ghi chép chuyện Lạc Long đi khắp nước (lúc đó mới vào đến Hà Tĩnh) tìm đất đóng đô, thấy 99 ngọn Hồng lĩnh tuy đẹp nhưng đất hẹp sỏi đá, sông ngòi nông cạn ngăn ngui, nên bỏ ra vùng trung du cao rộng. Tới ngã ba sông Thao nước đỏ, sông Lô nước xanh quần quanh ba ngọn núi đột ngột nhô cao như đầu rồng là núi Hùng, núi Trọc, núi Vặn, xếp hàng châu về linh địa có 99 ngọn đồi như 99 thốt voi từ Phú Lộc đến Thập Thành, lại thêm vài chục quả đồi thấp hơn như đàn rùa từ Việt Trì bò lên, địa thế vừa đẹp như tranh vẽ, vừa phát nở dài rộng, vua Hùng vừa ý chọn làm quốc đô.

Nhìn địa thế của nước Việt cổ tuy nhỏ bé hơn Trung Hoa, nhưng thế sông núi sắp đặt không kém khí lực : các dãy núi hình nan quạt tụ về đỉnh tam giác châu thổ **sông Hồng**, đỉnh này là khoảng Việt Trì Tam Đảo, xuống dưới nữa là Thăng Long sau này, cánh tay trái vươn lên Yên Tử Hạ Long, cánh tay phải đặt xuống vùng đá vôi Hoa Lư , Ninh Bình, Thanh Hóa. Hai con sông lớn làm mạch máu của đất nước là:

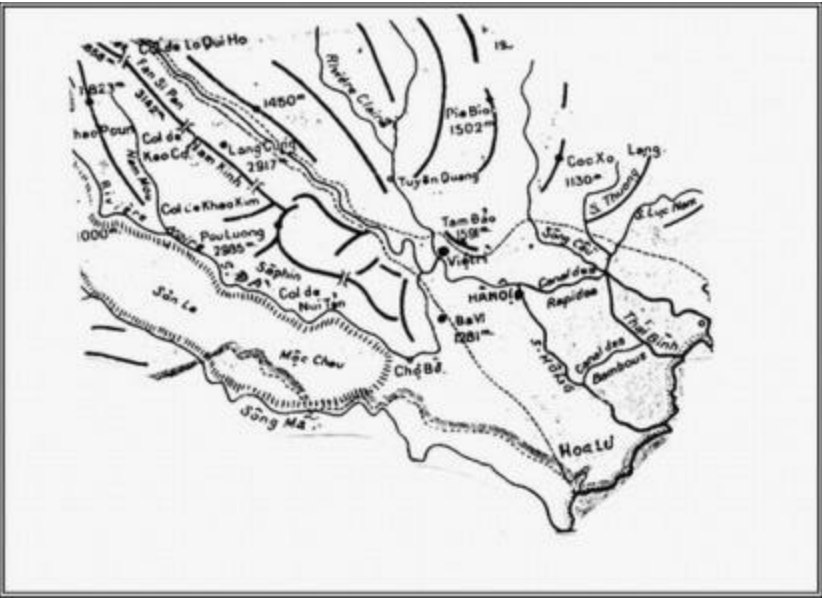
Sông Hồng dài 1200 cây số, phát tích từ 18 con sông ở Đại Lý tức Vân Nam rót vào, vòng quanh 200 dặm quần tròn như tai người nên gọi là Nhĩ Hà. Nhưng vì lòng nước dữ dội, phù sa đỏ, gây lụt lội nên cũng không phải là đất lành như Phật địa Cửu Long giang.

Sông Đà còn gọi là Hắc giang hay sông Bờ, dài 850 cây số, cũng phát tự Vân Nam là chi hữu ngạn của sông Hồng. Chạy dài theo sông Đà là dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh cao nhất hơn 3142 mét, dòng sông có nhiều thác nước khí lực rất mạnh, cùng với núi Ba Vì kết thành đại địa *hữu hổ*.

Các mạch Sông Hồng, Sông Mã, đều chảy theo hướng Đông Nam thuộc cung Thìn là Long cung, nên các dòng sông ở vị thế " *long cư long vị* ", rồng ở tổ rồng, khí lực rất mạnh mẽ lâu dài. Đặc biệt sông và núi, âm và dương, đi song song với nhau, khiến thế quân bình của khí mạch được sinh động.

Cả vùng đất cổ Việt có rất nhiều địa hình kết tụ long mạch nếu theo lý phong thủy nơi linh khí kết tụ là các ngã sông hội lại như vùng Việt Trì , vùng sông Lục Đầu, vùng Tuyên Quang, Lai Châu... có từ 3 tới 6 mạch nước hội tụ tăng cường

khí mạch hưng phát.



Tam Giác Đại Địa Tam Đảo-Ba Vì-Thăng Long Cổ thủ nước Hàn khi bàn về phong thủy trong việc chọn đất định cư cũng chú trọng tới 4 điểm : *mạch nước, thế đất, hình núi và màu sắc đất*. Đất và núi phải toát ra sinh khí, đất phải rộng nhưng kín và có mạch nước , mạch nước mở rộng quá bị thoát khí nên cửa sông cần vừa phải. Đất rộng sinh đại nhân, có đồi bao quanh hình bán nguyệt lại càng quý. Đất có sông lạch đâm thẳng vào như mũi tên phải tránh, đất nằm ép giữa núi như đất thung lũng có âm khí, ban ngày có sương mù, mặt trời lên muộn, lặn sớm, nhất định không phải đất làm nhà, dựng đô. Đồi núi lớp lớp bao quanh, nên cúi đầu về hơn là dựng đứng như đe dọa... (*Y Chung Hwan' s T'aengniji- University of Sydney*).

Xem như thế, đại địa Phong Châu, Luy Lâu (vùng Hà Bắc), Đại La Thăng Long hội hợp đủ các ưu điểm để làm đất dựng đô, riêng đất Phong Châu bên tả sông Hồng (*tả long*) làm đất tổ Hùng Vương quả là quý địa trường thế, khí sắc sinh động, thảo mộc tươi nhuận, đất cao rộng mà có núi, đồi, sông, mây lớp quần quít châu bái, đất này khi dấy phát có thể qui phục thiên hạ, ngang ngửa với đất Hoàng Hà, Dương Tử, Tần Lĩnh, Sơn đông, Côn Lôn của Hán tộc.

Sau đời Vua Hùng, thủ đô rời xuống Cổ Loa (220 trước Tây lịch) mãi tới đời Ngô Quyền (939) Cổ Loa vẫn là trung tâm đất nước. Trong những thế kỷ thuộc Hán, vùng Luy Lâu (phủ Thuận Thành, Hà Bắc) trở thành khu vực văn hóa quan trọng nhất (Sĩ Nhiếp và các trị sở từ thế kỷ thứ II). *Bạch Hạc Việt Trì-Cổ Loa- Luy Lâu* (có thể thành Long Biên cũng thuộc Luy Lâu) đều nằm ở *tay trái* sông Hồng (nếu nhìn từ Bắc xuống), Việt Trì trên cao, Cổ Loa, Luy Lâu xuống thấp hơn nhưng vẫn ở đỉnh Delta châu thổ sông Hồng và chỉ cách Hà Nội 15- 25 cây số, nghĩa là vẫn một địa hình phong thủy.

Có lẽ khi quân Nam Chiếu chiếm Giao châu thành Đại La mới được xây cất hoặc tu bổ (đầu thế kỷ IX) bên *tay phải* sông Hồng, như vậy phòng ngự vững hơn vì giặc muốn vây thành phải qua sông. Khi Cao Biền dẹp được quân Nam Chiếu (865), cho đắp thành Đại La cao rộng hơn nhiều , sau này thành Thăng Long do sư Vạn Hạnh thiết kế cũng nằm ở khu vực Đại La. Cao Biền vừa làm tướng vừa là nhà phong thủy nên việc lựa chọn Đại La làm trị sở phải vừa mang lợi điểm chiến lược, vừa mang ưu thế phong thủy. Đất **Đại La-Thăng Long** bên bờ sông Hồng lại có sông Tô Lịch bao quanh (Cao Biền cho khơi lại sông Tô Lịch), lấy Tây Hồ làm não bộ, mạn xa một bên ba ngọn Tản Viên, một bên ba ngọn Tam Đảo, đều làm án bảo vệ kinh thành, sau này núi Nùng được đắp lên trong khu hoàng thành với mục đích tụ khí mạch, nhưng cũng có người cho tên núi Nùng là núi Tản Viên.



Linh khí phong thủy nào bộ Thăng Long tại Hồ Tây theo sách Địa lý Cao Biền, có đủ Thanh long Bạch hổ kết phát Nơi đây Thánh Mẫu Liễu Hạnh từng hiển linh, Lạc Long Quân diệt Hồ tinh chín đuôi. Phía xa là ba ngọn Tản Viên, tổ sơn làm án che kinh đô. (trích theo Huard)

Khi Hoàng Phúc theo quân Minh sang cũng phải nhận đây là thế đất " *La thành bất loạn* ". Quốc đô Thăng Long thế đất " *Phượng chủ, long bàn* " tức mỏ phượng mình rồng, có thành hoàng Bạch Mã tức thần núi Nùng (núi Long Đỗ) phù trợ, tương truyền núi có khe thông xuống đất sâu tiếp nhận khí thiêng trời đất hội tụ, cung điện nhà Lý được xây trên núi này.

Đời Đinh, Tiền Lê, lấy quê hương **Hoa Lư** làm kinh đô chỉ kéo dài được hơn 40 năm ngắn ngủi (968-1010) vì Hoa Lư tuy có núi non vây bọc xếp đặt như thành quách, nhưng Hoa Lư không ở giữa khu vực sinh hoạt trọng tâm dân tộc, đất hẹp, gọi là đất sơn cùng thủy tận, không thể lâu dài.

Từ vùng phong thủy Mã-Hồng-Đà, có hướng sông, núi và châu thổ xếp đặt giống nhau, có quân bình âm dương đều đặn, phát huy được văn hóa Trung đạo nhân bản, vào tới miền Nghệ An, Hà Tĩnh lại bắt đầu một khối phong thủy khác.

Khí lực **Trường sơn** bắt đầu với 99 ngọn núi Hồng Lĩnh , kéo dài từ Nghệ An đến Đồng Hới là chẳng đầu, chẳng này vẫn tiếp tục mạch núi từ miền Bắc bộ nhưng mạch sông như sông Lam (Nghệ An) dài 600 cây số phát từ Lào chảy ra gần biển hướng lên Đông Bắc, đất hẹp. Miền này núi đá với nhiều đỉnh cao khoảng 1500 mét , Hồng Lĩnh 99 ngọn, là đại địa kết phát hùng khí, bị chiết giảm trường thế vì đất hẹp và sông nông mạch ngắn. Ngay từ Thanh Hóa cũng đã là thế đất " *cuối sông đầu núi, nhỏ hẹp, thấp trũng* ", nơi ấy trong Dư Địa Chí , Lý thị bàn " *khi loạn ở thì thích hợp, khi trị ở thì không thích hợp ... Ở Nghệ An lòng người hung hãn hơn người Châu Ái ...* " Khi Hồ Quý Ly xây Tây Đô tại Thanh Hóa (1396) Vương Nhữ Thuyết liền can gián " *bên phải bên trái núi đá sát kề, sông Mã sông Lương hợp lưu phía trước* " không phải là đất lập đô.

Bắt đầu từ Nghệ An màu đất đỏ và đen vì lớp nham thạch hỏa diệm sơn cổ đại, dấu tích này còn ở Nghệ An, Đồng Hới, Quảng Trị, Qui Nhơn, Khánh Hòa và nhất là miền Pleiku với cả trăm miệng núi lửa. Miền này như vậy có hỏa khí, chịu nhiều tai họa, cả thiên tai lẫn binh lửa, bị yêu khí trấn áp. Dân gian có câu " *Cọc Khánh Hòa, ma Bình Thuận* " , núi nhiều ác thú, rừng tụ ma khí từ thời Chiêm Thành, Chân Lạp, nên vương khí bị chiết giảm.

Từ **Đồng Hới đến Tuy Hòa** có những rặng núi cao, hướng núi chạy ngang (hoành sơn) ra biển, khi Trạng Trình chỉ cho Nguyễn Hoàng vào " *Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân* " hẳn đã biết phong thủy vùng này , về chiến lược thì đèo cao hiểm trở, dễ phòng ngự, về khí mạch có nhiều huyết quý. Bác học Lê Quý Đôn ghi theo Minh Sử : " *Thuận Hóa, Quảng Nam, Chiêm Thành làm tay hổ viễn án, còn Nam hải lại là một đại minh đường ngoài cửa quốc đô, mạch lạc hùng vĩ, hình thể bao la, thực là chỗ vương kinh thiên phủ* " (VDLN tr. 150). Tuy đây là nhận xét của người Trung Hoa từ Quảng Đông Quảng Tây nhìn xuống Nam Hải của ta mà biện luận, nhưng về phương diện đại thể phong thủy thì vẫn đúng và là một tài liệu hiếm hoi về địa lý vùng này. Phía tây Huế và Quảng Nam là rặng núi cao tới 1800 mét (Atouat), mặt Đông có Ngũ Hành Sơn và đá quý, nên đã là đất hưng phát nhiều thời từ Lâm Ấp - Chiêm Thành tới triều Nguyễn . Trà Kiệu (Simhapura) kinh đô Chăm và Văn hóa Sa Huỳnh đã từng kết tụ rực rỡ nơi đây cả bao thế kỷ. *Đất Thiên Mụ* với gò đất nổi cao như đầu rồng ngoảnh lại bên bờ sông Hương, là địa linh có Bà Tiên (Thánh Mẫu) mặc áo đỏ quần xanh báo mộng cho Chúa Nguyễn biết để lập Chùa dựng trại (1601). Đất này trước khi thành đất Thần kinh **Huế** cũng đã là trung tâm của nước Lâm Ấp (Chiêm Thành), hiểm vì mưa nhiều, ngũ hành âm dương bất quân, nên không thể thịnh phát lâu đời.



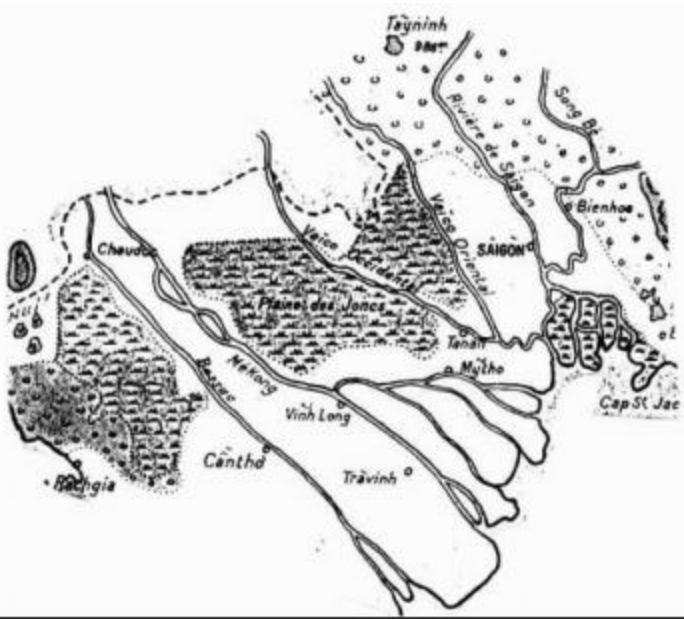
Đất Trường Sơn, núi cao, đất hẹp, long mạch có thể kết ngoài cù lao. (Bản đồ trích từ Bouault)

Từ Tuy Hòa tới **cao nguyên** Đà Lạt là vùng đất nở rộng của Nam Trường Sơn, đất đỏ vì núi lửa cổ đại tạo ra, sông nông mạch ngắn. Suốt dọc Trường Sơn *núi dốc thẳng* phía biển, thoải thoải phía Lào, sông chảy giữa thung lũng hẹp, nhiều thác, chảy ra biển Đông mà không có sông nào dài bắt vào Cửu Long. Xét về phong thủy là đất âm, độc khí, không có trường mạch, *hùng khí của núi cao* không đủ quân bình với đất hẹp và sông ngắn. Riêng miền Cao nguyên đất nở rộng, có thể ẩn tàng những đại địa như đất Tây Sơn mà Lê Quý Đôn đã nhận thấy khi vào trấn thủ Thuận Hóa (1775).

Sau khí mạch Trường Sơn, đất nước lại mở ra một đại địa mới với trường giang **Cửu Long** làm chủ mạch. Sông Cửu Long dài 4180 cây số, là một trong những con sông dài nhất thế giới, chảy qua Lào, Miên, Việt 2700 cây. Cùng với Hoàng Hà và Dương Tử Giang, sông Cửu cũng phát nguyên từ cao nguyên Tây Tạng, mang lại cho Đông dương một khí mạch tương đương với Trung Hoa. Điểm đặc biệt của dòng sông này là đổ ra biển theo *hướng Đông Nam* (giống sông Mississippi của Hoa Kỳ), *cung Thìn, tượng trưng là rồng, vì thế cổ nhân gọi là Long và Cửu là cực số thành tượng trưng*

mức tiến hóa cao tột huyền diệu (không có nghĩa là 9 cửa sông), Cửu Long từ xưa đã được nhìn bằng nhãn quan phong thủy mà đặt tên tất là trường mạch đầy khí lực của Đông Nam Á. Miền núi *Tây Ninh* (900 m.) làm tay long, miền núi *Thất Sơn* làm tay hổ , tại hai nơi này chân phát lên hai giáo phái lớn. Núi Tây Ninh đột ngột nổi lên giữa đất rộng phẳng, có khí thế giống Tản Viên, Tam Đảo, Núi Hùng ở miền Bắc, có thể là huyết kết của tả ngạn Cửu Long.

Đất **Saigon** Gia Định nằm giữa 4 con sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Sông Saigon, Sông Đồng Nai, bốn dòng sông này chảy ra biển Đông như một *vòng cung* từ Vũng Tàu tới Gò Công, là đất kết phát. Nhìn chung, ưu điểm phong thủy địa lý miền Nam là sông dài, rộng, đất phẳng, triển nở sinh lực, cây cỏ tươi nhuận, nên là đất lành ít tai ương binh lửa, gọi là Phạt địa cũng không ngoa Vì sông nước êm đềm , núi thấp, nên âm thịnh, vùng Gò Công (đất Giồng Sơn qui) đã là đất phát vương hậu triều Nguyễn.



Nếu nhìn rộng lên đất Miên, thủ đô *Nam Vang* nằm chính giữa ngã tư hai dòng sông lớn hội về là sông Cửu, sông Bassac, phía Bắc có Biển Hồ mênh mông với đại điểm Angkor Thom, Angkor Vat ở tả ngạn, khí mạch ở đây lớn mạnh không thua kém miền Nam Việt Nam, lại có thể có huyết kết tả long hữu hổ hai bờ Biển Hồ. Tuy vậy rặng núi cao nhất cũng chỉ tới 1200 m. như núi Voi gần Phú Quốc, Hà Tiên, nên khí thế không bằng đại địa quân bình âm dương Việt Trì Hồng Hà.

Chính ở đại địa long mạch Cửu Long mà hai ngàn năm trước đã phát khởi lên cường quốc Phù Nam, là cường quốc đầu tiên ở Đông Nam Á, lan rộng tới Lào, Quảng Nam về phương Bắc, bao cả miền Nam Việt Nam và Cao Miên bây giờ, lan sang Mã Lai ngày nay. Kế tiếp vương quốc Chân Lạp bành trướng lên tới Nam Chiếu, Hạ Lào, ngang ra biển Đông cũng là một vương quốc lớn mạnh một thời. Nền văn hóa Óc Eo, Angkor, mang dấu tích đế quốc Phù Nam, không thua sút văn hóa Trống Đồng của Việt Nam. Tuy Phù Nam suy tàn từ thế kỷ VI, Chân Lạp suy tàn từ thế kỷ XV, nhưng khí lực Cửu Long rất hùng vĩ mạch trường thiên kỷ, nên đại địa này còn có chu kỳ hưng phát tương lai. So sánh với Đại Việt, cường quốc Phù Nam và Chân Lạp lúc thịnh thời có thể rộng lớn và qui phục nhiều tiểu quốc hơn. Đây là nhờ khí lực long mạch Cửu Long đem lại.

CÁC NHÀ PHONG THỦY

Lịch sử Phong Thủy Việt Nam xưa nay thường bắt đầu với **Cao Biền**, một vị tướng giỏi được vua Đường cử sang Giao Châu đánh giặc Nam Chiếu (864). Đạo làm tướng thời xưa trên phải thông thiên văn, dưới phải rành địa lý, như Khổng Minh tính được ngày gió đổi hướng để dụng hỏa công, Trần Hưng Đạo biết dụng khí hậu, biết lúc thủy triều lên xuống để đóng cọc bẫy địch...cao thâm nữa, phải biết Dịch lý Độn số, Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc, để bày binh bố trận, xuất binh giờ tốt, đóng binh đất lành...

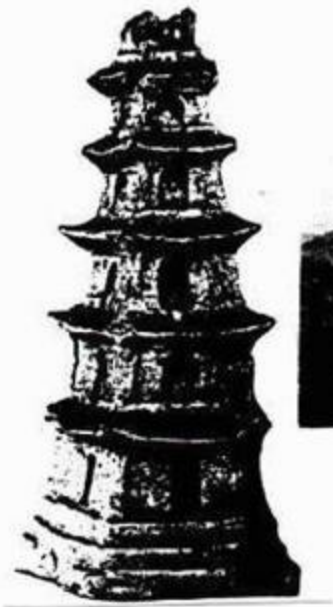
Đời Đường khoa phong thủy rất thịnh hành nên việc Cao Biền am tường khoa này cũng không phải là điều lạ lùng. Lúc đó quân Nam Chiếu đã chiếm trọn Giao Châu mười năm và đã cử Tiết Độ Sứ Nam Chiếu cai trị Giao Châu thay thế Tiết Độ Sứ Tàu. Cao Biền sang tạm đóng quân ở vùng Quảng Yên-Hà Long, đánh úp quân Nam Chiếu và quân Mán một trận giết hại 50.000 người đang lúc gặt hái, sau đó sang đánh Nam Chiếu trận nữa chém được hơn một vạn thủ cấp. Cao Biền được vua Đường phong làm Tiết Độ Sứ Giao Châu nhưng không vừa ý và tự xưng là Cao Vương. Ông cho đắp lại La Thành cao rộng hơn trước và xây 5000 gia cư. Có lẽ La Thành được gọi là Đại La từ đây và là tiền thân của Thăng Long Thành sau này. Cao Biền lại dùng " *sấm sét* " phá tan các tảng đá ngầm dưới biển để mở đường thủy từ Giao Châu sang Quảng Châu, Quảng Tây, vì thế nơi ấy gọi là *Thiên Oai Kinh*. Cao Biền thường cười đùa lớn bay lên quan sát địa hình địa vật khắp nơi, cứ theo truyền thuyết thì Cao Biền biết phép hô phong hoán vũ, dùng thuật trấn yểm những long mạch để vương phượng Nam để tránh họa cho Bắc phương Trung Hoa. Muốn trấn yểm yêu quái phương hại tới việc xây thành trì, Cao Biền lấy vàng bạc đồng sắt làm bùa nặng cả nghìn cân mang chôn xuống đất nơi lập đàn cúng, nhưng gặp những linh thần như thần sông Tô Lịch, thần Bạch Mã, tại đất Đại La thì bùa chú trấn yểm bị sấm sét giông bão làm bật tung mất hết hiệu nghiệm. Cao Biền thường lập đàn đồng thiếp xuất hồn xuống cõi Âm để diệt ma quỷ, thổ thần, ta có câu :

Lấy bẫy như Cao Biền dẫy non

để chỉ Cao Biền đang " thiếp " thì bị tỉnh dậy sớm (non) hơn dự định hoặc vì bị lính hầu bẩm báo việc công (như Ngụy Diên chạy vào đàn nhượng tỉnh làm tắt đèn cúng tế của Gia Cát Lượng) , hoặc vì hết tinh lực giao cảm với cõi Âm... Đối với các linh thần, sơn thần... Cao Biền dùng pháp thuật ghê gớm hơn : mổ bụng mười bảy gái đồng trinh, bỏ ruột gan, lấy cỏ chi độn thay vào bụng, cho mặc xiêm áo đặt ngồi trên ghế như còn sống, rồi dùng trâu bò tế lễ. Khi nào thấy xác cử động thì biết thần thánh đã phụ nhập, Biền lập tức lấy gươm chém đi để trừ khử thần nhập xác. Nhiều loại thần trung hạ đẳng đều bị Biền diệt bằng pháp thuật ấy. Nhưng khi gặp thượng đẳng thần Tản Viên Sơn thì thấy Thần cưỡi ngựa trắng đứng trên mây khạc nhổ mà bay đi. Cao Biền than rằng : " *linh khí nước Nam còn vương lắm không diệt được* " rồi có ý xin vua Đường đổi đi trấn nhiệm nơi khác.

Cao Biền rời Giao Châu vào năm 875 sau hơn mười năm hoành hành trên đất Việt để đi làm Tiết Độ Sứ Tây Xuyên, ông viết Tấu Thư dâng lên vua Đường, ghi rõ các long mạch thế đất Giao Châu, bàn về từng địa phận, từng huyệt kết từ lớn đến nhỏ, như một biên khảo có hệ thống. Cuốn này thế kỷ XV khi Hoàng Phúc cùng quân Minh sang đã mang theo để nghiên cứu đất đai nước ta, cũng vì thế sách *Cao Biền Tấu Thư* (còn gọi là *Nam Cảnh Địa Lý Chư Cát Lục*) mới được truyền lại.

Bên cạnh những huyền thoại về trấn yểm pháp thuật, Cao Biền cũng để lại nhiều công trình như cất chùa Linh Diên bên thành Đại La, chùa Kim Ngưu tại Bát Vạn Sơn (Tiên Du), xây mồ giả (nghi chửng) tại Thuận Thành (Luy Lâu), dựng tháp trên núi Đông Cứu (Hà Bắc) nơi Cao Biền từng đóng quân... Đặc biệt tại gần chùa Tây Phương, trên núi Câu Lậu, chắc có huyết quý nên Cao Biền ghi " *Câu Lậu chi sơn, huyết tại trung cấp, nên thần đã làm chùa để yểm đi rồi* " , chùa ấy có thể là chùa Thanh phong dựng ở lưng chừng núi. Núi Câu Lậu hình thù như móc câu, dân gian gọi là lưỡi câu của Thánh Tản vì núi này và 8 ngọn khác là phân chi của núi Tản thuộc Thạch Thất , Sơn Tây. Tương truyền đời Tấn (thế kỷ III-IV) có Cát Hồng tu tiên đã chọn núi này làm nơi luyện linh đan (đan sa), phải chăng địa điểm có gì linh thiêng đối với nhãn quan phong thủy địa lý thời xưa ? Ngoài ra tám vạn cây tháp nung bằng gạch đỏ (hãy còn di tích) xếp chồng lên thành một tháp lớn ở núi Tiên Du (Hà Bắc) sau được gọi là Bát Vạn Sơn, cũng do Cao Biền xếp đặt không biết để ghi công bình Nam Chiếu hay để trấn yểm linh khí 99 ngọn núi quý vùng Kinh Bắc ?



Tháp nung Bát Vạn của Cao Biền và
núi Tản với Sơn thần tối linh.

Tháp nung Bát Vạn của Cao Biền

Ngay trong thành Đại La, Cao Biền cũng dựng cột đồng trấn lên long bối (lưng rồng) để phá đứt long mạch, sau vua Lý Thánh Tông được Quan Âm Bồ Tát giáng mộng bèn cho hủy cột đồng và bùa trấn yểm ở thôn Nhất Trụ rồi dựng chùa Một Cột (Diên Hựu - thế kỷ XI) thay thế.

CÁC THIỀN SƯ TIỀN PHONG

Thật ra Cao Biền không phải là nhà phong thủy đầu tiên trên đất Việt. Trước Cao Biền hơn một trăm năm các thiền sư thuộc **Thiền Phái Mật tông** Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã am tường phong thủy, sấm vĩ, chiêm tinh, và biết trước cả việc Cao Biền sang trấn yểm long mạch nước Nam ta.

Thiền sư Định Không (730-808) từ năm 785 đã nhìn thấy " *đất trình pháp khí ...họ Lý hưng vương* " tại làng Dịch Bảng quê ông. Nhân lấy điềm rửa mười chiếc khánh, một chiếc chìm, mà đặt tên địa linh ấy là Cổ Pháp. Sư còn dặn dò đệ tử là Đinh Hương, Thông Thiện, phải canh giữ đất kết phát này vì sợ có dị nhân đến yểm phá về sau. Thông Thiện ghi lời thầy trên tháp chùa Lục Tổ và truyền lại cho đệ tử là La Quý An (852-936). La Quý An đủ tài năng để chống lại thuật yểm phá của Cao Biền vào năm 865. Khi Cao Biền đào đất Cổ Pháp 19 điếm trấn áp cho đứt long mạch đế vương thì sư La Quý An cho lấp lại cả 19 điếm để bảo vệ khí mạch. Sư biết đất Cổ Pháp huyết kết chân mạng đế vương nên đã quỳên góp đúc một pho tượng Lục Tổ bằng vàng chôn sát tam quan, rồi dặn dò đệ tử phải cất dấu cho tới thời thánh quân minh ra đời thì mới được đào lên ủng hộ chân chúa. Sư còn dặn sau này nên xây tháp (để tụ khí mạch) và cho trồng một cây gạo ở chùa Minh Châu để trấn giữ mạch. Năm trồng cây gạo, 936, sư để lại bài sấm trước khi tịch :

Đại sơn long đầu khởi

Xà vĩ ẩn minh châu

thập bát tử định thành

miên thọ hiện long hình

thỏ kê thử nguyệt nội định

kiến nhật xuất thanh.

Nghĩa :

Đại sơn đầu rồng dậy

đuôi rắn ẩn minh châu

họ Lý tất định thành

hình rồng hiện gốc gạo

tháng chuột ngày gà giờ thỏ

thấy mặt trời lên giữa mây xanh.

(*Thập bát tử* ghép lại thành chữ Lý; *Miên thọ* chỉ loại cây bông gạo, bông gòn). Bài sấm này vừa nói

về phong thủy- *đại sơn long đầu*- vừa là loại sấm đoán ngày tháng họ Lý hưng nghiệp, vừa tìm điểm lành nơi thiên nhiên - *miên thọ long hình*- để tiên tri sự việc xảy ra 70-80 năm sau (nhà Lý khởi nghiệp năm 1010).

Xem sự kiện các nhà sư Mật tông rất am tường phong thủy, sấm vĩ, chiêm tinh, lý số... có thể đưa ra giả thuyết là các khoa này không phải từ bên Tàu sang mà do các nhà sư từ Ấn Độ đem tới nhân việc tùy thời thế cơ mà hoằng pháp. Ngay cả bên Tàu có thể ngoài kinh Dịch, các khoa lý số khác cũng có thể chịu ảnh hưởng nặng nề từ Thiên Trúc, nhưng vì tinh thần quốc gia hẹp hòi đã cố che lấp đi. Thật vậy từ 2000 năm trước Tây lịch, nền văn minh Vệ Đà đã có khoa chiêm tinh rất cao cộng thêm các khoa lý số khác kể cả bói bài, xem chỉ tay, phong thủy, thôi miên (xưa kia gọi là *bí mật thuật*, người Tàu công nhận do các nhà sư Ấn đưa sang- *theo Nguyễn Đổng Chi tr.121*), ngay cả võ thuật như Thiếu Lâm có thể do Bồ Đề Đạt Ma (đến Quảng Châu năm 520 khi ngài 80 tuổi) trong 9 năm ngồi quay mặt vào tường tại chùa Thiếu Lâm mà truyền tâm pháp. Các phép thuật như đi trên mặt nước, phi thân, độn thổ, làm hồ phải nếp, làm tắc kè phải rơi của các nhà sư có thể đã bắt đầu từ pháp tu Yoga của đạo học Hy Mã Lạp Sơn mà người ta còn thấy đậm nét qua các Lạt Ma Tây Tạng và các đạo sĩ " mình trần ngồi tu trên tuyết " hoặc các võ sư Mông Cổ " mình đồng da sắt, dao chém không đứt " , pugilistes, mà Marco Polo đã thuật lại từ thế kỷ XIII. Bài kệ tiên tri của Bồ Đề Đạt Ma trước khi tịch còn phảng phất trong ngôn từ sấm ký của các nhà sư Mật Tông sau này :

Nhất hoa khai ngũ diệp

Kết quả tự nhiên thành

hoặc :

Ngũ khẩu tương cộng hành

Cửu thập vô bỉ ngã

(*Ngũ khẩu* ghép lại thành chữ *Ngô* là Ta, *Cửu Thập* là ngày 9 tháng 10 *vô bỉ ngã* là chẳng còn ta ! đúng ngày ấy Sư tịch diệt).

Số Tử Vi tương truyền do Trần Đoàn nhà Tống soạn ra (thế kỷ X) , nhưng theo La Luân thì do một nhà sư núi Hoa Sơn tên là Vạn sáng tác (*Phan Kế Bính tr.282*), Lê Quý Đôn thì cho là nhà Nho đặt ra rồi thác danh là Trần Đoàn. Nguồn gốc số Tử Vi mờ mờ như vậy là vì có sự che đậy gốc tích Ấn Độ từ các nhà sư sang truyền đạo pháp từ thế kỷ II-III.

Dem so sánh một lá số Tử Vi của " ta " với một lá số Vệ Đà miền Nam (South Indian Chart) ta thấy y hệt nhau trong cách trình bày : 12 cung xếp theo hình chữ nhật (lá số Vệ Đà miền Bắc - North Indian Chart- xếp đặt hơi khác, hai hình vuông lồng nhau cũng thành 12 cung chéo).

Figure 1. South Indian Chart.

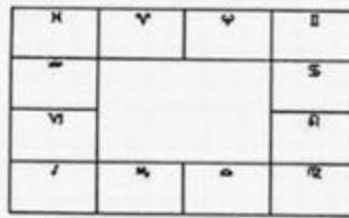
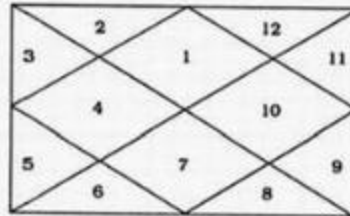


Figure 2. North Indian Chart



Nguyên khoa đầu số chiêm tinh Vệ Đà (khoảng 500 trước Tây lịch tới 300 năm sau Tây lịch) gọi là *Vedic Jyotish* (chữ *Sanskrit* có nghĩa gốc là ánh sáng, thiên văn, toán số) dựa trên Âm lịch còn truyền tới ngày nay, cùng với khoa chiêm tinh Thổ nhĩ kỳ, Ba Tư... có nhiều liên quan. Trong truyền thống Yoga, các luân xa (*chakras*) từ cuối xương sống tới đỉnh đầu đều tương ứng với các tinh tú như :

Luân xa I tương ứng với sao Saturn, Luân xa II tương ứng với Jupiter Luân xa III tương ứng với Mars Luân xa IV tương ứng với Venus Luân xa V tương ứng với Mercury Luân xa VI tương ứng với Thái Âm Luân xa VII tương ứng với Thái Dương

Từ khởi điểm đó khoa chiêm tinh *Chakric* lập lá số theo hình tròn giống như lá số của chiêm tinh Tây phương hiện tại.

Điều đáng ghi nhận là truyền thống Ấn Tuyết Sơn rất cao về toán học (ngay tiểu sử Thích Ca Mâu Ni cũng ghi ngài rất giỏi về Toán học khi mới mười mấy tuổi) trong phép làm lịch, thiên văn. Lịch Ấn tuy dựa trên Nguyệt kỳ gồm 27 ngày 43 phút, 27 ngày lại tương ứng với 27 Nguyệt hạn (*Nakshatras*), nhưng khi tính Năm thì lại dựa trên ngày Thái Dương phục phát Mùa Đông (*winter solstice*), vì thế lịch pháp Ấn vừa Âm vừa Dương (*sol-lunar*). Khoa Chiêm tinh Vệ Đà khác Chiêm tinh Tây phương ở chỗ chỉ dùng 9 Chính tinh : Nhật, Nguyệt, Mercury, Venus, Mars, Jupiter, Saturn, Rahu (Thiếu Âm Bắc), Ketu (Thiếu Âm Nam) mà không dùng tới 3 sao Uranus, Neptune và Pluto.

Các nhà sư đi hoằng pháp thường phải mượn các khoa " *huyền bí thần thông* " để qui phục người địa phương, dùng tới công phu võ thuật cao cường (có thuyết cho rằng đời Lý tướng sĩ Đại Việt có võ thuật cao nhờ luyện tập võ công từ Thiền môn nên đã có thể sang đánh Tàu dễ dàng), cũng có khi phải uyển chuyển như *phối hợp* kinh Dịch với vũ trụ quan Phật giáo (*Buddhist I Ching*) để dung thông , không câu chấp Thánh, Tiên hay Bụt...miễn là giác ngộ và giác tha, tên tuổi nhiều khi cũng không để lại mà còn cố ý xóa mờ, cho nên đời sau rất khó truy tầm dấu tích. Các đền đài trụ tháp vĩ đại như Angkor, như Borobodur bên Nam Dương (thế kỷ VIII) kiến tạo hình vũ trụ ba chiều, xác định khoa chiêm tinh, phong thủy... đã có trong văn minh Phật giáo từ lâu.

Bán đảo Ấn-Trung (*Indo-China*) nằm giữa hai nền văn minh rất cổ và rất lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, thật ra đều phát từ nguồn Hy Mã Lạp Sơn. Ba con sông Hoàng Hà, Dương Tử, Cửu Long , các rặng núi cao Côn Lôn, Tần Lĩnh... đều từ cao nguyên Tây Tạng đổ xuống... cho tới các rặng Hoàng

Liên Sơn, Trường Sơn...cũng bắt " long mạch " tự đây. Cho nên việc tiếp nhận ảnh hưởng từ hai nền văn minh đó là một diễn trình thâm hóa sáng tạo tự nhiên của xã hội trong môi trường gần gũi liên bang láng giềng. Từ thế kỷ I, II, trung tâm tôn giáo Lạc Dương, Bành Thành đời Hán đã được thiết lập thờ cả Lão lẫn Phật, trung tâm Luy Lâu tại Thuận Thành, Giao Chỉ đã có tăng đoàn, các nhà sư Thiên Trúc lui tới các trung tâm đó hẳn mang theo không những kinh điển mà còn mang theo các môn khác như thiên văn, lịch pháp và lý số, vốn là những bộ môn không thể tách rời. Có tài liệu cho thấy thời đó, các đất Hồ, Việt không theo lịch Tàu mà theo lịch Ấn (xem *Nguyễn Lang* tr.41). Như vậy khó có thể tin rằng mãi tới thế kỷ X Trần Đoàn mới đặt ra khoa Tử Vi (*Lê Quý Đôn trong VDLN cũng luận rằng Hi Di Trần Đoàn không viết sách Tử Vi Đẩu Số, sách này xuất hiện vào đời Minh*), là vì đời Tống, Lương, Tùy, Đường, các khoa lý số, phong thủy, chiêm tinh... đã phát triển sâu rộng, nên thế kỷ VIII, IX mới có được những tay nghề như sư Định Không, La Quý An, và Cao Biền. Sau này, thế kỷ XV với Trạng Trình, thế kỷ XIV với Hoàng Phúc của nhà Minh... đều có liên hệ rất nhiều với nhà chùa.

Từ Sư Định Không tới Sư Vạn Hạnh là một thời gian dài non 300 năm (730-1018) và sau Sư Vạn Hạnh (xem phần Vạn Hạnh) phải đợi 500 năm nữa mới lại có một thiên tài lý số là Trạng Trình phát sinh trên đất Việt (xem phần Trạng Trình).

Trước Trạng Trình 100 năm, trong 20 năm thuộc nhà Minh, một phong thủy sư nổi danh của Tàu là **Hoàng Phúc** đã đến quan sát địa lý nước ta vào khoảng 1407-1427. Hoàng Phúc xuất thân Tiên sĩ, mang chức Thượng Thư, giữ việc Bố chính và Án Sát trong chiến dịch cai trị đồng hóa Việt Nam. Hoàng Phúc bắt khắp nơi lập đền miếu thờ bách thần, thổ thần, sơn thần, thần sông, thần gió... bên cạnh văn miếu. Lập Tăng cương ty và Đạo kỳ ty để truyền bá đạo Phật và Lão cùng với đạo Nho... Ngay tại Đông Quan (Thăng Long), Hoàng Phúc cũng lập nhà học để chiêu dụ nhân tài, nơi đây Nguyễn Trãi đã gặp Hoàng Phúc sau khi đi tiễn cha là Nguyễn Phi Khanh bị bắt về Tàu cùng với cha con Hồ Quý Ly. Sử liệu cho thấy Hoàng Phúc đã can thiệp để Nguyễn Trãi không bị quân Minh hạch tội, và trong thời gian từ 1407-1416 đã bị quân Minh giam lỏng ở Đông Quan. Sau này khi cùng Lê Lợi kháng chiến thành công, Nguyễn Trãi bắt được Hoàng Phúc và đã đối xử tử tế với Hoàng Phúc, một kẻ thù trí thức đã biệt đãi mình khi trước. Truyện kể lại rằng Nguyễn Trãi biết Hoàng Phúc có biệt tài về phong thủy nên đã mời Hoàng Phúc tới xem đất Nhị Khê là quê quán của dòng họ Nguyễn. Hoàng Phúc nhìn ra vườn sau nhà ở Nhị Khê rồi từ tốn nói : " *Số tôi có phúc dày nên có hạn cũng chỉ bị hạn ít ngày, chứ gò đất sau nhà ông, đâm vào trong nhà thế kia, thì ông sẽ bị mang họa mấy đời !* " Quả đúng như lời Hoàng Phúc, ít lâu sau các quan quân nhà Minh đều được thả về Tàu để giữ giao hảo hai nước, còn Nguyễn Trãi thì 15 năm sau (1442) bị chu di tam tộc vì vụ Thị Lộ. Khi nghe Hoàng Phúc nói về gò đất đâm vào nhà, Nguyễn Trãi không dám tin hẳn và không cho phạt đi như lời Hoàng Phúc khuyên vì nghi bị họ Hoàng thâm gạt.

Nguyên Hoàng Phúc khi sang đất Việt đã mang theo cuốn Địa Lý của Cao Biền đời Đường để làm bản đồ nghiên cứu địa hình địa vật nước ta. Thời xưa, sách Địa Lý đúng là một tài liệu quân sự, ghi rõ hình thể sông, núi, đồi, gò, cao điểm, hạ lưu, mạch núi, thời tiết...nên Hoàng Phúc đã tới những tới những linh địa mà Cao Biền đã ghi nhận. Một trong những linh địa ấy là Tam Đảo gần đền Hùng. Núi Tam Đảo gồm ba ngọn cao thẳng đột khởi gần như đối xứng với ba ngọn Ba Vì (Tản Viên) bên kia sông Hồng, hợp với Thăng Long, thành ba đỉnh tam giác đều. Tam Đảo tay long, cao hơn Ba Vì 300 mét (1591m) với ngọn cao nhất là Phù Nghĩa, ngọn giữa cao vót gọi là Kim Thiên hay Thạch Bàn có bia Cao Biền dựng, ngọn bên tả là Thiên Thị. Trên đỉnh núi có ngôi chùa Đồng đúc toàn bằng đồng rất cổ, sườn núi có chùa đá khắc chữ Địa Ngục Tự, suối nước vàng chói từ khe cửa chảy ra nhập vào suối

Giải Oan. Trên tầng núi khá cao, khoảng 3 dặm, có một khoảng đất bằng phẳng, với ba nền đất dài, tám phiến đá vuông và một tấm bia lớn khắc vồn vẹn bốn chữ lớn " *La Thành Bất Loạn* " bên cạnh có dòng chữ nhỏ " *Minh Thượng Thư Hoàng Phúc cẩn đề* ".

Cả Cao Biền lẫn Hoàng Phúc, hai danh thủ Phong thủy Trung Hoa, cách nhau hơn 500 năm đều dựng bia ở Tam Đảo, vậy có thể suy diễn là về phương diện địa lý hẳn nơi đây kết long mạch đặc biệt. Điều này tác giả Vũ Trung Tuy Bút, Phạm Đình Hồ, từ thế kỷ XVIII đã luận giải như sau :

" ...Mạch núi Côn Lôn chạy vào (Trung Hoa) chia làm ba cán Long : một đằng theo sông Hoàng Hà chạy về phía Bắc, ... một đằng theo núi Mân Sơn chạy về phía Đông,...một đằng theo sông Hắc Thủy chạy về phía Nam...phía Đông sông Hắc Thủy là những tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây và Lão Qua kéo dài tới tận núi Tiểu Côn Lôn lại biệt làm một chi thiếu tô. Chi này chạy sang nước ta lại chia làm ba :

Chi bên hữu chạy qua sông Đà Giang là những tỉnh Hưng Hóa, Sơn tây, Sơn Nam, rồi chạy vào Nghệ An, Thanh Hóa, cho đến Thuận, Quảng thì tản ra các cù lao gần biển...

Chi bên tả thì qua Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên rồi qua đến biển là Hồng Đàm, đảo Đại Nhân...

Chi giữa thì tự núi Tam Đảo trở xuống, mệnh mông liên tiếp thành ra những tỉnh Thái Nguyên, Kinh Bắc, Trung Đô, Hải Dương, Sơn Nam ... " (tr. 46-47).

Tác giả kết luận " *địa thế nước ta, toàn thể cũng giống Trung Hoa, chỉ có nhỏ hơn mà thôi* ".

Nhìn tổng quát như vậy ba ngọn Tam Đảo là chi giữa, làm tổ sơn cho toàn châu thổ Hồng Hà, là mạch xuất phát đồ khí lực vào Thăng Long, trong khi núi Ba Vì thuộc chi hữu mà Nguyễn Trãi, tác giả Du Địa Chí và mọi nhà lý số, đều gọi là tổ sơn của cả nước. Tại sao lại có hai quan điểm không đồng nhất về tổ sơn ? Theo suy luận , núi Ba Vì hình tròn như cái lọng , sườn núi thoải thoải, đó là hình núi thuộc Kim, núi Tam Đảo thẳng đứng cao ngất, đỉnh phẳng lẫn đất đá, cây cối um tùm.. xây được chùa Đồng, như vậy có thể là hình dạng Mộc . Cao Biền biết Sơn thần núi Tản rất thiêng nên không dám xâm phạm, còn ở Tam Đảo không thấy nói tới sơn thần (mặc dù có vườn Tiên rất linh thiêng cầu đảo rất ứng, tương truyền thờ Quốc Mẫu là một Âm Thần, Trần Nguyên Hãn có lần ngủ đêm nghe Thần hiển linh nói về Lê Lợi và Nguyễn Trãi kháng Minh), hoặc có thể Cao Biền đã dùng pháp thuật chế khắc được nên mới dám dựng bia xây thành ? Và lại, thế kỷ IX, khi chống quân Nam Chiếu ở Vân Nam đồ xuống, thì Tam Đảo là một cao điểm chiến lược ở tuyến đầu che cả miền châu thổ sông Hồng. khi Hoàng Phúc sang đất Việt, ông phải nhận là " *La Thành Bất Loạn* " để tán dương cái thế đất quân bình Âm Dương, Long Hồ của Đại La. Thời Minh các núi Tam Đảo, Tiên Du... tổng cộng 21 quả núi danh tiếng của An Nam, được nhà Minh tế tại giao đàn cùng với sông núi Trung Hoa (đời Hồng Vũ nhà Minh, Đại Nam Nhất Thống Chí). Nhưng khi nhìn tới bối cảnh của Tản Viên thì thấy tổ sơn này tụ long mạch của cả một rặng núi dài và cao là rặng Hoàng Liên Sơn song hành với sông Đà khí lực mạnh mẽ, lại nằm ở vị thế kín đáo , nên có phần trường viễn hùng hậu hơn Tam Đảo.

Sau Hoàng Phúc và Trạng Trình, mấy trăm năm sau mới lại xuất hiện các nhà Địa Lý danh tiếng như Tam nguyên Lê Quý Đôn (1726-1784), Tiến sĩ Hòa Chính, Tả Ao Nguyễn Đức Huyền... cả ba đều ở vào đời Lê Trịnh. Lê Quý Đôn là một nhà bác học nên không bỏ qua bất cứ môn nào mà không bàn luận

ghi chép, kể cả môn chiêm tinh, lịch pháp, phong thủy... tập Vân Đài Loại Ngữ cho ta các tài liệu của Tàu bàn về phong thủy nước Nam (phần Khu Vũ Loại), sách Phủ Biên Tạp Lục soạn năm 1776 khi ông làm Hiệp Đồng Kinh Lý Quân Sự hai đạo Thuận Hóa, Quảng Nam, biên chép địa dư, phong tục miền đất đang trong. Chính trong thời kỳ này ông đã nhìn thấy cuộc đất phát Tây Sơn và đã dâng sớ mật tấu lên Chúa Trịnh phải đề phòng ngôi sao đang lên Nguyễn Huệ. Ông cũng là tác giả một tập phú đoán Tử Vi được truyền tụng rộng rãi nhưng không thấy ghi trong Văn Học Sử. Những câu nô nức như :

" Trai bắt nhân Phá Quân Thìn Tuất

Gái bạc tình Tham Sát nhàn cung "

là của Lê Quý Đôn làm ra. Cứ xem luận bàn của ông thì thấy các khoa lý số chiêm tinh đòi hỏi một đầu óc thông minh toán học mới thông hiểu nổi, vì thế khi lỗi học từ chương khoa cử choán hết đầu óc kể sớ, thì các khoa này bị bỏ rơi thành các môn bói toán độ nhật cho hàng thứ dân mù lòa hoặc các nhà Nho lơ vắn.

Xưa kia, các môn phong thủy, chiêm tinh, lý số... là môn cao học của hàng " quân sư " chiến lược gia khai quốc như Khương Tử Nha, Quản Trọng, Tôn Tẫn, Trương Nghi, Trương Lương, Gia Cát Lượng... Tới đời Minh (1368-1644) Chu Nguyên Chương lập nên đế nghiệp nhờ đạo sĩ quân sư họ Lưu (Liu Po Hun), vị đạo sĩ quân sư này dựa trên chiêm tinh để bày binh bố trận đánh Mông Cổ. Sau khi thành công, Minh Thái Tổ cho giết ngay các công thần, tuy đạo sĩ họ Lưu trốn thoát, nhưng các đạo sĩ khác đều bị tiêu diệt và suốt 50 năm Đạo học phương thuật bị khai trừ khiến từ đây các khoa " huyền bí học " phải tản mát vào dân gian để tồn tại. Môn phong thủy địa lý rơi từ " quân sư chi học " xuống nghề tầm long để đất nhỏ nhặt, cuối đời Minh các sách về khoa phong thủy thiên về hình thể đất đai, bàn nhiều về âm phần -để mộ , dương cơ - cất nhà , mà không bàn luận về đại thế sách lược non sông nữa. Từ đời Thanh trở đi (1644-1911), thấy rõ ảnh hưởng của Phật giáo Lạt Ma trong khoa phong thủy như " *tiên tích đức, hậu tầm long* ", lấy sao bản mệnh phối với nghiệp và phúc đức của đương sự để chọn đất và chú trọng tới giờ giấc sinh khắc mà khởi công đắp nền hoặc hạ huyệt. Cũng như Đông Y, lương sư thì ít mà lang băm thì nhiều, nên các khoa cổ học mỗi ngày một tàn lụi đi, đến nỗi quần chúng phải mĩa mai :

Hòn đất mà biết nói năng

Thì thầy địa lý hàm răng không còn !

Có lẽ vì sự đứt đoạn giữa Cổ học (thời Kim Tự Thập, thời Maya, thời Vệ Đà, thời Phục Hi...) với Đạo học (hơn 2000 năm nay), nên căn bản tinh lý của cổ học bị phai mờ và thất truyền. Cho tới hiện tại người ta vẫn chưa giải thích được những bí mật kỳ diệu của khoa kiến trúc Kim Tự Thập vậy mà những môn " huyền bí học " khác lại bị phỉ báng ngay là mê tín dị đoan lạc hậu, thì quả là thiếu thẩm định khách quan, cũng không khác chi gặp lang băm rồi kết luận tất cả Đông Y Dược là vô giá trị !

Nhưng hậu quả của sự thất truyền là từ sau Trịnh Trách chỉ còn thấy hai người là Hòa Chính và Tả Ao, cả hai nhà phong thủy này tuy có danh tiếng nhưng chuyên về dương cơ âm phần, để mồ để mả, mà không còn tầm học cao rộng của môn " *quân sư chi học* " nữa. Tiến sĩ Hòa Chính và Tả Ao đều sang Tàu học được nghề địa lý. Hòa Chính dường như có viết sách lưu truyền nhưng không thấy để lại

nhiều giai thoại như Tả Ao.

Nhà địa lý Nguyễn Đức Huyền người làng **Tả Ao**, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ. Tương truyền khi học xong nghề thầy, ân sư người Tàu thử tài môn đệ trước khi " tốt nghiệp " : ông thầy chôn 100 đồng tiền xuống mô hình bãi cát rồi bắt Tả Ao cắm kim vào đúng lỗ mỗi đồng. Tả Ao châm đúng giữa 99 đồng, chỉ có hơi lệch một đồng. Thầy Tàu than : " *Thôi nghề của ta từ nay truyền sang nước Nam rồi !* "

Một trong những giai thoại nổi tiếng nhất của Tả Ao là chữa thế đất cho làng Hành Thiện ở Nam Định : thầy đi tới làng Hành Thiện thấy đất làng hình con cá chép bơi ra biển, phù sa mỗi ngày một bồi thêm đất làm làng hưng phát, chỉ hiềm con cá chép *không có mắt* nên không phát khoa danh. Dân làng nghe thầy nói bèn hậu đãi trà rượu và khăn khoản xin thầy đặt lại hướng làng. Thầy Tả Ao thấy dân làng tử tế liền chỉ cho làng đào một cái *giếng lớn làm mắt cho con cá chép*, từ đây dân làng bắt đầu phát khoa danh, nhất là họ Đặng. Thầy Tả Ao đi xem đất suốt từ Nghệ Tĩnh ra các làng mạc ở khắp miền Bắc và trong gia phả của nhiều gia đình còn ghi lại những công trình địa lý phong thủy của thầy. Nhiều chuyện khôi hài do quần chúng thêm thắt như chuyện thầy Tả Ao thấy dân làng kia rất xấu tính mà lại xin thầy để kiểu đất nào có thể " *đề đầu thiên hạ*", thầy liền tìm cho làng một kiểu đất khiến dân làng dần dần theo nghề " *húi tóc* " có thể " *đề đầu vít cổ thiên hạ* " đúng như ý nguyện !

Tương truyền thầy đang đi chơi ngoài bãi biển thấy sóng gió nổi lên ầm ầm biết là hàm rồng năm trăm năm mới há mồm một lần ở biển Đông, liền chạy về nhà mang cốt mẹ ra định ném xuống hàm rồng, nhưng vì thương tiếc chần chờ nên hàm rồng đóng lại, biển khép êm sóng lặng như trước !

Lúc sắp chết, thầy dặn con cháu khiêng mình ra miếng đất đã định trước là đất địa tiên " *nhất khuyến trục quần dương* " (một con chó đuổi đàn dê), nhưng không kịp đành dừng lại nửa đường phân kim lựa cho chính mình một miếng đất phúc thần đời đời ăn hương hoa mà thôi.

Xem cách tìm đất của thầy Tả Ao và tập sách Địa Lý Tả Ao để lại, thì thấy đó là khoa phong thủy thời Minh, Thanh, giới hạn vào việc tầm long phân kim tìm huyệt trường, thiên về Hình gia học (*đất hình con voi, con cá, lục long tranh châu, phượng hoàng ẩm thủy...*) và Pháp gia học (âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa) hơn là khoa Nhật gia học (dựa trên tương quan giữa tinh tú và địa phận để đoán thời gian đất kết phát). Hình gia học giản dị dễ hiểu hợp với đầu óc Tàu, Việt.. thiên về trực giác, tưởng tượng. Pháp gia học uyên bác hơn đòi hỏi thông hiểu Dịch lý, không phải nhà Nho nào cũng nắm vững biện chứng bát quái .Nhật gia học dường như rất ít người thông suốt và đây là khoa chiêm tinh tiên đoán thịnh suy cả trăm, cả ngàn năm, mà một số đầu óc cực kỳ thông minh như Gia Cát, Vạn Hạnh, Trạng Trình... mới rút ra được những tương quan phức tạp toán học, giải được những hàm số giữa thiên thể biến dịch theo đa chu kỳ với địa thế sông núi khí mạch. Ở thời đại chưa có máy tính, chưa có điện toán, tính vận hành của 120 vị sao như số Tử Vi, ứng hợp tùy biến số Nam, Nữ, Năm sinh, Tháng đẻ, Giờ sinh, phương hướng...có lẽ phải làm tới cả trăm con tính ! không phải ai cũng có thể hiểu được và làm được chính xác (xem phần Trạng Trình).

CÁC NGÔI ĐẤT ĐẾ VƯƠNG VÀ THẾ VƯƠNG ĐẠO ĐẤT NƯỚC



Mộ Vua Hùng thứ VI (phá giặc Ân) trên đền Thượng núi Hùng .

Đời vua **Hùng** được đại địa Phong Châu Bạch Hạc bền vững ít nhất ngũ bách niên, qui phục thiên hạ, vỗ về trăm họ yên vui, con dân hưng phát đời đời, mãi tới thế kỷ III trước TL mới suy

vi . Lạc Long Quân vị vua đầu của Lạc Việt mở nước bằng bốn Vĩ tích : diệt Ngư Tinh biển Đông (trị Thủy), phá Mộc tinh Xương Cuồng giả dạng cây Chiên đàn ngàn năm (khai Rừng phá núi), lấy Âu Cơ từ phương Bắc mang về Nam (chống Bắc phương), triệt Hồ tinh chín đuôi giả dạng Bạch Y Tản Viên Quốc Thần dụ dỗ thiếu niên trai gái sa đoạ vào hang Cáo (diệt yêu tinh ma quỷ). Nhà Thục tiếp nối rời đô xuống Cổ Loa được có 50 năm thì mất. Sau hơn một nghìn năm, mãi tới đời Ngô Quyền (939-944) mới giành lại được độc lập, quốc đô lúc này vẫn ở Cổ Loa.

Phải chờ tới năm 968 **Đinh** Bộ Lĩnh mới thật sự dựng lên Đế nghiệp tiếp nối sự nghiệp vua Hùng. Truyền thuyết phong thủy kể rằng vua Đinh được ngôi huyệt kết đế vương " *mã đầu đời kiếm hữu sát* " bột phát nhưng không bền. Nguyên động Hoa Lư có một cái đầm ban đêm ánh hồng quang bốc lên chiếu thẳng vào sao Thiên Mã, thầy địa lý Tàu đi dò long mạch từ Tuyên Quang, Hưng Hóa xuống tới phủ Đại Hoàng thấy sông sâu nước xoáy mạnh biết dưới đầm kết huyệt quý liền nhờ cậu Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống xem xét, khi lặn xuống đáy cậu sờ thấy hình một con ngựa đá đứng dưới đầm liền lên nói lại với thầy địa lý, thầy cả mừng đưa cho Bộ Lĩnh một nắm cỏ bảo lặn xuống lần nữa đưa bó cỏ non nhử vào mồm ngựa xem sao. Bộ Lĩnh lặn xuống đưa bó cỏ trước mồm ngựa liền thấy nó há miệng ngoạm lấy. Khi lội lên nói rõ chuyện thầy Tàu biết chắc là huyệt đại quý *thủy mã* đang linh liền trọng thưởng cho Bộ Lĩnh rồi hẹn ngày khác trở lại. Bộ Lĩnh rất tinh khôn liền trở về nhà mang bó xương cha vắn để trên gác bếp rồi bí mật lặn xuống táng vào mồm ngựa. Từ đấy mỗi ngày Bộ Lĩnh một khôn lớn mạnh mẽ phi phàm, đánh đâu thắng đấy. Ít năm sau thầy Tàu trở sang thấy Đinh Bộ Lĩnh đã trở thành thủ lĩnh

anh kiệt biết ngay là họ Đinh đã đoạt ngôi huyệt quý, thầy rất căm tức liền dựng mưu trả thù. Thầy nói với Bộ Lĩnh là ngựa phải có gươm mới toàn mỹ nên bảo Bộ Lĩnh lặn xuống đặt một thanh gươm bên cổ ngựa. Bộ Lĩnh không nghi ngờ liền lặn xuống đâm gươm lên cổ ngựa. Quả nhiên từ đấy Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp hết 12 sứ quân xưng là Vạn Thắng Vương rồi lên ngôi Hoàng đế. Được đúng 12 năm thì cả hai cha con đều bị ám sát chết vì kiếm để đầu ngựa tắt sinh sát khí !

Câu chuyện sau khi tước bỏ huyền thoại, có thể còn lại điểm đất Hoa Lư có hình con ngựa gọi là "*thủy mã huyệt*", sau này mộ vua Đinh đặt trên núi Mã Yên có nghĩa là trên yên ngựa. Cũng có thể các đời vua Đinh, Tiền Lê (Lê Hoàn), Hậu Lê (Lê Lợi), Chúa Trịnh, Nguyễn, đều phát xuất ở miền đất gần nhau : Hoa Lư, Lam Sơn, không cách xa sông Mã (cũng lại là ngựa), đều gốc người Mường, nên hưởng long mạch sông Mã chăng ?

Tới đời **nhà Lý** thì khoa phong thủy đã rất thịnh hành qua các nhà sư Mật tông. Đất Cổ Pháp do sư Đinh Không đặt tên là đất phát Đế vương lâu bền, nhà Lý với tám vị vua (Lý Bát Đế) là triều đại liên tục dài nhất trong Việt sử sau đời Hùng, được 215 năm (1010-1225). Có hai thuyết ngoại sử về đại địa họ Lý : một là ông thân sinh Lý Công Uẩn ngã xuống giếng trong khu rừng Báng bị chết, sau mỗi đụn lên thành ngôi huyệt đại phát ; hai là bà mẹ Lý Công Uẩn đi quanh quẩn trong rừng Cổ Pháp hốt nhiên chết, kiến mỗi xông lên kết thành mả cao 7 thước được chỗ đất tốt chung linh. Khi lên ngôi vua về yết lăng, Lý Thái Tổ trông thấy cây cối xanh tốt, loài chim bay liệng cảm động rơi nước mắt, Vua sai đo quanh mỗi bên vài mươi thước làm cấm địa, sau gọi là Thọ lăng (*Việt Sử Tiêu Án*). Có lẽ chuyện bà mẹ chữa hoang nhẩy xuống giếng tự tử sau khi sinh Công Uẩn thì hợp tình lý hơn, dù sao ngôi huyệt ở giếng trong rừng Báng là một huyệt kết , có tám gò ở chung quanh nở ra như hình *hoa sen tám cánh* nên nhà Lý truyền được tám đời vua. Công Uẩn được sư Lý Khánh Vân nuôi (xưa nay con hoang mang gửi gắm nhà chùa là chuyện thường, ngoại truyện lại nghi là một sa môn tư tình làm bà Phạm thị mang thai, có thuyết nói sa môn nặng nghiệp ấy chính là sư Vạn tức Vạn Hạnh !), sau lại được theo học với sư Vạn Hạnh nên trở thành một vị vua hiền đức. Có thể tin rằng sư Vạn Hạnh có ân tình sâu nặng với nhà Lý nên đã để đất tái phát cho họ Lý sau một ngàn năm (xem phần Sấm Vạn Hạnh), "*Lý đi rồi Lý lại về*" là câu đồng dao chỉ có thể truyền ra sau khi Vạn Hạnh để đất *Bảo sơn thiên tử xuất*. Chữ Lý gồm ba chữ *thập, bát, tử*, hợp thành, Lý Công Uẩn ở ngôi 18 năm (thập bát) 1010-1028, sinh ra ở chùa Ứng Tâm nên chùa có tên nôm na là Chùa Dận (dận đẻ !), tại làng Đình Bảng bây giờ.

Sách Đại Việt Sử Lược là cuốn sử cổ nhất của Việt Nam, được viết vào đời Lý, chép nhiều chuyện rùng rợn xuất hiện trong cung bên cạnh việc rùng rợn hiện với mây ngũ sắc khi thiên đô ra Thăng Long. Đời Lý Nhân Tông (1066, mẹ là Nguyên phi Ý Lan) vua là con cầu tự, sử chép ngài có tướng "*Nhật giác long nhan*" tức xương trán nổi lên như hình chữ nhật, hai tay buông dài quá đầu gối, là tướng thiên tử. Trong đời vua Lý Nhân Tông, 56 năm ở ngôi, vua làm lễ tắm tượng Phật (giống như pháp môn Tây Tạng), tế núi Tản Viên (tổ sơn), lại có đại danh tướng Lý Thường Kiệt phạt Tống, bình Chiêm (số Tử Vi Lý Thường Kiệt có sao Thái Dương bị Triệt nên là số hoạn quan), Chân Lạp triều cống... là một thời đại vinh quang của Đại Việt. Vua Nhân Tông không có con nên lập cháu là Dương Hoán làm Thái Tử, ngày Dương Hoán chào đời là ngày sư Đạo Hạnh hóa thân, nên có chuyện cho rằng Thái tử là Từ Đạo Hạnh hóa sinh.

Tiếp theo nhà Lý là nhà **Trần**, một dòng họ xuất thân từ nghề đánh cá, trên sông nước từ vùng duyên hải Hạ Long đến Nam Định, trước ở vùng An Sinh, Đông Triều (sau này các vua Trần trở về đây tu

hành tại núi Yên Tử), sau rời xuống Tức Mặc, gần cửa Tuần Vương, ngã ba sông Cái, huyện Mỹ Lộc. Theo truyền thuyết, một thầy địa lý Tàu đi tầm long từ tổ sơn Tam Đảo, qua đất Thăng Long rồi xuống phương Nam, thấy gò đồng tụ tập biết là đúng hướng nhưng rồi không thấy vết tích long mạch đâu nữa ! Thầy địa lý đi tiếp đến một con sông mạch nước chảy xiết , qua bên kia sông thấy một ngọn núi đột ngột hiện lên, thầy vui mừng nói " *ai ngờ đất đế vương lại lạc xuống quãng bình điền !* ". Sau đó thầy để cuộc đất quý ấy cho Nguyễn Cổ nhưng Nguyễn Cổ là người bất nhân lật lọng đem trói thầy địa lý ném xuống sông để khỏi trả 100 quan tiền. Đúng lúc ấy thuyền đánh cá họ Trần tình cờ đi qua vớt lên được. Để cảm ơn cứu mạng thầy địa lý mang mộ tổ họ Trần táng thay vào. Đây là đất phát đế vương, mặt trước minh đường ngã ba sông mênh mông mặt nước, đằng sau gối vào voi phục, hai bên cờ kiếm la liệt , huyết nằm vào đúng phương vị " *Thổ phúc tàng kim* ", ngôi phượng Cần trông chữ Tôn, kiểu đất này thầy địa lý đoán rằng " *Phân đại yên hoa đối diện sinh, tất dĩ nhan sắc đắc thiên hạ* " nghĩa là " son phấn yên hoa bày trước mặt, hẳn vì sắc đẹp lấy giang sơn " (*Công Du Tiệp Ký tr. 75*). Mãi ba đời sau, đất mới ứng phát ra Trần Cảnh có tướng mũi rồng mắt phượng, Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng rồi lên ngôi mở đầu nghiệp vua 188 năm (1225-1407). Người sau nói long mạch họ Trần bị đứt vì mang đào một con sông từ cửa sông Cái xuống tới xã Đại Đường ; cuối cùng vua Trần Nghệ Tông nằm mơ thấy Xích Chủy (chữ Nho tên Hồ Quý Ly là xích chủy có nghĩa là mỏ đỏ) sẽ đoạt ngôi vua vì Nghệ Tông sinh năm Dậu là Bạch kê (gà trắng) tất bị mỏ đỏ hồ tinh cắn chết !

Họ Trần phát ra những nhân vật xuất chúng như Hưng Đạo, Quang Khải, những ông vua hiền triết (philosopher kings) như Thái Tôn, Nhân Tôn...biết đem cái bình dị thực tế của lớp dân đánh cá lồng vào cái cao siêu của đạo pháp đại hùng đại lực, nên trước đại thắng Mông Cổ, sau chiếm gần hết Chiêm Thành bằng đạo binh nhân nghĩa gọi là đô " *Tỏa Kim Cương* " vừa hàm ý sắc bén của kim cương vừa hàm ý lan tỏa Phật pháp kim cương thừa. Chính vua Nhân Tôn đã đi chân đất mà giảng giải *Thập Thiện* cho dân chúng, lại lập nên thiền môn *Trúc Lâm Yên Tử* khai phát và quy kết tinh thần dân tộc. Vua còn nạp phi con gái pháp sư người Tây Tạng, một vị sư " *đã 300 tuổi, có thể đi trên mặt nước, thu lục phủ ngũ tạng lên ngực...* ", đời vua Minh Tông cũng có sư Bồ Đề Thất Lý từ Ấn qua , vị này cũng có thể ngồi nổi trên mặt nước... Xem như thế tới đời Trần, thiền phái Mật Tông, Yoga vẫn còn ảnh hưởng và Phật giáo chưa bị Tống Nho làm suy yếu lệch lạc như thời Hậu Lê trở về sau.

Một vấn đề luân lý thường được nêu ra về nhà Trần là vấn đề loạn luân, trong họ lấy lẫn nhau để giữ cơ nghiệp không cho lọt vào họ khác, thậm chí Trần Thủ Độ ép cả vua Thái Tông lấy vợ của anh đang mang thai để chắc chắn có người nối nghiệp. Có thể họ Trần rất tin số Tử Vi và chắc có người tinh thông khoa này nên sắp xếp việc vợ chồng theo lý số , bất chấp liên hệ gia tộc, miễn là hợp tuổi để sinh quý tử. Khoa Tử Vi nhà Trần còn truyền đến bây giờ, môn phái này đoán số rất chính xác, dựa trên vòng sao Thái Tuế, Lộc Tồn... để tính đại tiểu sự.

Đức Trần Hưng Đạo, người anh hùng được thờ cúng ngay từ lúc còn sống (đền Sinh Từ) cho tới sau khi chết, như một bậc Thánh, sinh ngày 8 tháng 4 năm Mậu Tuất, giờ Ngọ, và qui thần vào ngày 20 tháng 8, năm Canh Tý (1300). *Số Tử Vi* của ngài Hỏa mệnh, Thân Mệnh đồng cung ở Mùi, vô chính diệu, đắc Nhật Nguyệt chiếu Mệnh, hội Thiếu Âm Thiếu Dương, thêm Tả Hữu Khoa Quyền Khôi Việt, Thanh Long, Long Đức, là số siêu nhân, đứng giữa trời đất thanh thiên bạch nhật, uy quyền chỉ huy vạn dặm, tuyệt đỉnh thông minh.

Tới đời Lê, từ thế kỷ XV (1428-1527) tới vua Lê chúa Trịnh chúa Nguyễn (1674-1775) thế kỷ XVII-XVIII, đất nước chuyển sang một đại chu kỳ 500 năm, lúc thịnh lúc suy, loạn lạc nhiều hơn thái

binh, vương đạo vẫn còn nhưng thánh đạo thì hết, anh hùng vẫn phát sinh nhưng trường thế thì mất, cuộc đất Việt Trì Tam Đảo châu thổ sông Hồng bước vào chu kỳ suy và cuộc đất Nam phương bắt đầu thịnh.

Lê Lợi, Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn... đều là người thiểu số Mường, một bộ tộc rất gần gũi với người Việt, không khác gì người Việt cổ thời Hùng Vương, cũng có huyền thoại một bọc trăm trứng, cũng có trống đồng, cũng có chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh và cũng thờ Thánh Tản Viên. Vùng tập trung người Mường kéo dài từ miền núi Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa tới Nghệ An, Quảng Bình... Phùng Hưng, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành đều gốc người Mường, cho nên người Mường là người Lạc Việt ở vùng núi non, còn người Việt là người Lạc Việt ở đồng bằng, cả hai đều chung một nguồn gốc lịch sử khởi đi từ vua Hùng. Tằng tổ Lê Lợi là Lê Hối vốn làm nghề thầy cúng, đi chơi núi Lam Sơn thấy đàn quạ bay lượn tụ họp, cho là đất tốt liền dời nhà đến đấy. Tổ Lê Lợi tên Đinh, bà tổ tên Quách (Đinh, Quách, Bạch, Hoàng...là những tên thông thường trong tiếng Mường), thân mẫu họ Trịnh. Lê Lợi là con út, khi chưa sinh thường có con cọp đen gần làng, khi sinh ra rồi thì con cọp đen biến mất, mọi người cho Lê Lợi là hóa thân của con cọp đen ! Trong sách Lam Sơn Thực Lục, Nguyễn Trãi ghi " *vua Lê vai tả có bảy nốt ruồi, lông lá đầy người, tiếng như chuông lớn, ngồi như hổ...* " có lẽ tướng lông lá như vậy nên mới có chuyện hổ thành người chăng ? Nhưng đất phát lên đại nghiệp lại nằm ở xứ Phật Hoàng, động Chiêu Nghi, hình quả ắn, tả có núi Chí Linh,, trong có gò Tiên Ban, trước có nước Long Sơn, Long Hồ nước xoáy...nhà sư họ Trịnh từ Ai Lao để cho họ Lê miếng đất quý đó, lại đoán rằng đất này con cháu phải phân cư, nếu cải táng thì sẽ trung hưng năm trăm năm nữa. Trong giai đoạn kháng chiến chống quân Minh đầu tiên với 635 thủ hạ, Lê Lợi từng bị giặc đuổi phải chạy trốn vào bụi rậm, cầu xin " *một vị thần áo trắng* " (một người đàn bà mặc áo trắng, tay đeo xuyến vàng, thoa vàng, mới chết, hiển linh thành con chồn trắng làm lạc đường chó săn của quân Minh), lại vớt lưới được lá gươm " *thuận thiên* " và nhặt được cán vừa liền nhau, có lẽ là thanh gươm trời cho rồi sau này bị Thần Rùa đớp lại tại Hồ Hoàn Kiếm, Thăng Long.

Vua Lê Lợi sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu, giờ Tí, Kim Mệnh. *Số Tử Vi* Mệnh Thân đồng cung ở Dậu, vô chính diệu, có Bạch Hổ tọa thủ (phải chăng vì vậy có chuyện nói ngài là con hổ hóa thân ?), Thái Tuế ở Quan chiếu lên, Tứ Linh, Thanh Long Hóa Kỵ Âm Dương ở Quan Lộc, thêm Song Lộc Quyền hợp chiếu, đắc cách sát tinh độc thủ, anh hùng, không thọ (49 tuổi) và không hiền từ.

Như vậy nhà Lê cũng bắt đầu với những huyền sử truyền kỳ dân tộc : một nhà sư để đất dấy phát, một vị nữ thần áo trắng (Quan Âm ?, Thánh mẫu ?...), một thần Kim Qui. Chỉ tiếc rằng công nghiệp của ông vua khai sáng triều đại này bị lu mờ vì chuyện giết hại hầu hết các công thần gốc tích châu thổ sông Hồng như Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, ngay cả quân sư Nguyễn Trãi cũng bị tống giam, sau lại thả ra nhưng không được tin dùng. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc có sự căng thẳng mang màu sắc địa phương, giữa nhóm triều đình hầu hết là gia tộc họ Lê, gốc Mường, ít học, võ biên, và nhóm sĩ phu miền Hồng Hà. Mãi tới đời Lê Thánh Tôn, một ông vua hiền tài do chính Nguyễn Trãi lập kế nuôi dưỡng, bảo vệ cả mẹ (Ngô Thị Ngọc Dao) và con (Tư Thành) trong chùa chiền và thuyền bè tại vùng vịnh Hạ Long để tránh khỏi sự truy lùng của nhóm Thị Anh và Thái Tử Bạng Cơ, nên nhà Lê mới lại thuần hóa vào dòng sinh mệnh châu thổ sông Hồng và sau 38 năm tại ngôi vua Lê Thánh Tôn đã để lại một ấn tượng tốt trong dân chúng và sĩ phu khiến cuối đời Lê, dù suy yếu mà vẫn trung hưng lên được. Tuy vậy sau này xảy ra vụ Kiêu binh (thế kỷ XVII), bọn lính Thanh Nghệ cậy công làm càn, là chuyện đã manh nha từ khoảng cách giữa hai khối dân từ hai địa vực khác nhau ấy. Vụ tru di tam tộc Nguyễn Trãi không những vì lòng ghen giữa mấy người đàn bà mà còn mang nặng thù hận

của nhóm thân tộc địa phương họ Lê với bậc khai quốc trưởng thượng, nó không xảy ra ở một hai đời mà còn xảy ra ở nhiều đời vua Lê khác. Xét chung, triều Lê không có vương đạo như triều Lý, Trần và về sau đức độ còn thua kém cả nhà Mạc.

Cuối đời Lê, các ông vua Quý như Lê Uy Mục, vua Lộn như Lê Tương Dực, làm cho sứ thần nhà Minh (vốn biết tướng số) phải phê bình :

An Nam tứ bách vận vu trường thiên ý như hà giáng quý vương !

nghĩa là : Bốn trăm năm vận nước Nam lâu dài sao ý trời lại giáng xuống quý vương ?

và biết trước loạn vong sẽ tới. Sứ thần nhà Minh nói vào khoảng năm 1505-09 , đã biết trước vận quân vương Việt Nam dài độ 400 năm nữa tức là vào khoảng 1900 là lúc mất nước vào tay Thực dân Pháp. Bốn trăm năm này không phải là hồng vận quốc gia, vì trời giáng quý vương với trư vương ! lời nói có vẻ tiếc cho nước Nam. Nhưng 99 năm sau Lê Lợi, một kết tập cuối cùng của đất sông Lô núi Tản chung quanh nhà Mạc và Trịnh Trình lại mở ra một sách lược mới cho dân tộc nhằm phục hoạt lại tinh thần Lý, Trần.

Mạc Đăng Dung đoạt ngôi của vua quý vua lộn không phải là chuyện bất nhân, hay quá lắm, cũng chỉ như Trần Thủ Độ lấy ngôi vua nhà Lý cho nhà Trần. Nhưng vì họ Mạc là quan võ, xuất thân từ nghề đánh cá (giống họ Trần) nên bị khối quan văn Tống Nho khinh thường và chống đối : nhà Lê, dù vua Lê Thánh Tông rất anh minh, đã đi lạc sang Nho giáo độc tôn, quên cái gốc "*văn ôn võ luyện*" từ đời Hùng đến Đinh, Lê, Lý, Trần, để chìm đắm vào cái học khoa bảng từ chương "*tiên học lễ hậu học văn*" làm sa đọa cả hàng ngũ trí thức.

Nhưng gốc tích Mạc Đăng Dung là gốc văn học chói lọi của Trịnh nguyên Mạc Đĩnh Chi, mà chính Mạc Đĩnh Chi lại là dòng dõi Trịnh Nguyên Mạc Hiển Tích nguyên Lại Bộ Thượng Thư triều Lý. Như vậy về huyết thống Mạc Đăng Dung không có gì thua kém nhà Lê. Mạc Đĩnh Chi (tổ 7 đời của Mạc Đăng Dung) có bà mẹ đi qua khu rừng cây um tùm vùng Chí Linh, Hải Dương, bị con khỉ lớn hiếp nên đẻ ra ông mặt mũi xấu xí như khỉ, thân phụ tức quá vào rừng giết được con khỉ đực, sau thấy xác khỉ bị mối đùn lên thành một cái mồi rất lớn biết là đúng huyết phát nên khi chết dặn con cháu táng mình vào chính mộ con khỉ đó. Về sau Lương quốc Trịnh nguyên Mạc Đĩnh Chi cũng được táng ngay ở chân mộ khỉ đực, bên cạnh mộ của hai ông bố ! Khi đi sứ sang Tàu, Mạc Đĩnh Chi tuyệt đích thông minh linh lợi nên vua Tàu nhà Nguyên phải khen tặng cho ông chức lương quốc Trịnh nguyên, sứ thần Hàn quốc phải phục và mời ông sang chơi nước Hàn, lại tìm một cô gái nước Hàn gả cho ông làm thiếp. Nhìn tướng mạo quan Trịnh quá xấu, người Tàu quyết tìm ra ẩn tướng, và họ đã theo dõi ông vào tận cầu tiêu để khám phá ra ẩn tướng là cục phân Mạc Trịnh Nguyên hình vuông như quân cờ ! Họ lại gửi thầy địa lý sang xem mộ tổ tiên họ Mạc và khi tới mộ "*khỉ đực*" thì thầy địa lý nói đây chính là ngôi đất kết phát ! chỉ tiếc là thủy không tụ mấy, thiếu hồ thủy, nên *phát quý chứ không phát phú*.

Trong thời gian đi sứ Tàu, văn quan Trung Quốc ra câu đối :

An, nữ khứ : thi nhập vi gia

Chữ *An* bỏ chữ *nữ* thay chữ *thi* là heo vào thì thành chữ *gia*.

Ông đôi lại :

*Tù, nhân xuất : **vương** lai thành quốc*

Chữ *Tù* bỏ chữ *nhân*, cho chữ *Vương* vào thì thành chữ *quốc*.

Người Tàu dựa vào Mai Hoa Bốc chiết tự mà đoán rằng con cháu sau này tất có người làm vua, nhưng vì chữ **vương** viết chữ đơn () nên giữ nước không được bền.

Khi Mạc Đăng Dung lên ngôi, phong ông tổ Mạc Đĩnh Chi làm Linh Khánh Đại Vương, xây điện Sùng đức lên nền nhà cũ, lại đắp đàn cao để vua quan tế lễ. Khi còn là một anh chàng đánh cá, dung mạo Mạc Đăng Dung rất phi phàm nên bà mẹ Nguyễn Bình Khiêm vốn giỏi tướng số phải đoán là người thanh niên đó sau này công danh tốt bậc. Chữ Mạc theo chữ Nho có chứa chữ Đông nên bài Sấm của sư Vạn Hạnh có câu :

Chấn cung kiến nhật

tức : Phương Đông mặt trời mọc

chỉ nhà Mạc lên ngôi thiên tử (xem phần Vạn Hạnh). Nếu đúng ý như vậy thì nhà Mạc là một triều đại có vận số sau nhà Lê, mà ngay nhà Nguyễn về sau cũng không được sấm Vạn Hạnh nhắc tới.

Nhà Mạc làm vua tại Thăng Long được 65 năm, chạy lên Cao Bằng được 75 năm nữa, tổng cộng 140 năm, không phải là ngắn ngủi. Nhà Lê bị dứt tới 65 năm, quanh quẩn ở một vùng Thanh Hóa từ 1543-1592, vậy mà các sử sách sau này lại coi là chính thống liên tục, thì quả là bất công cho nhà Mạc. Nếu lại nói Mạc Đăng Dung tự trói mình để cầu hòa với nhà Minh là nhục quốc thể (như Trần Trọng Kim kết án trong VN Sử Lược), thì lúc đó ông không phải là vua, chỉ là Thái Thượng Hoàng dùng khổ nhục kế dâng mấy động núi tượng trưng để tránh họa xâm lăng do chính nhà Lê sang Tàu cầu cứu ! Hành vi đó không nhục nhả tai hại bằng việc vua quan Lê Chiêu Thống sang van lạy nhà Thanh viện binh sau này ! Hơn nữa nhờ *tránh voi* mà nhà Mạc mang lại yên ổn cho đất nước, chỉ vì nhóm thủ cựu phò Lê và phe địa phương xứ Thanh cát cứ gây loạn tranh dành liên miên nên nhà Mạc mất hẳn cơ hội phục hồi một Đại Việt theo truyền thống Lý, Trần. Nhà Mạc biết trọng người hiền như Nguyễn Bình Khiêm, biết giữ gốc dân bản thực dụng bình dân qua việc xây cất các đình làng trên toàn quốc, đào tạo nhân tài với tỷ lệ nhiều nhất trong lịch sử Nho học Việt nam : 22 khóa thi Đình với 485 vị Tiến sĩ trong 65 năm, khôi phục chùa chiền trong tinh thần Tam giáo đồng tôn (mà nhà Lê đã đánh mất) , đã có thời thịnh trị " *của rơi không ai nhặt* " như đời anh quân Mạc Đăng Doanh (1530-40) v.v..

Những đời sau, Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn, rồi Triều Nguyễn, không thấy nhiều tư liệu về mô tả phong thủy. Họ **Trịnh** được ngôi đất " *phi vương phi bá, quyền khuynh thiên hạ*" nhưng chỉ được 8 đời rồi sẽ bị tai họa. Nguyên ngôi đất này là cái hổ, mẹ Trịnh Kiểm bị dân làng trừng phạt ném xuống vì Trịnh Kiểm mỗi ngày đều đi ăn trộm gà để nuôi mẹ. Bà mẹ bị chết tình cờ lại nằm đúng huyệt phát !

Lọt vào giữa Trịnh, Nguyễn, có ngôi sao **Nguyễn Huệ** rực lên ít năm, có người như Lê Quý Đôn cho là được đất phát ở Tây Sơn, Bình Định, nhưng 4 đời trước họ Nguyễn Tây Sơn gốc họ Hồ ở Nghệ An, vậy có thể vẫn thừa hưởng long mạch đất Hồng Lam, long mạch vùng này vốn không lâu bền.

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ sinh ngày 5-5-Nhâm Thân, giờ Tuất, *số Tử Vi* Kim mệnh. Thất sát và Thái Tuế đường đường đóng tại Mệnh, thêm Tử Phủ, Tham Phá, Tứ Linh, Quyền, Mã... hợp chiếu, là số thành công vũ bão, Phúc bị Tuần, Đà La, Hóa kỵ, Mệnh Song Hào, nên không thọ.

Họ Trịnh phát xuất từ Bồng Thượng, miền trung du Thanh Hóa, Trịnh Kiểm từng đánh thuốc độc giết bố vợ là Nguyễn Kim, lại tàn nhẫn giết luôn anh vợ là Nguyễn Uông, sau này con cháu dường như tàn mát về làng Cự Đà gần Hà Nội, đình làng này có hai pho tượng quay lưng vào nhau nên tương truyền người trong làng không thân thiết tương trợ. Họ **Nguyễn** được đất ở Gia Miêu Thanh Hóa, tổ họ này là Nguyễn Kim, người đứng ra tìm con cháu nhà Lê để phục hưng triều đại, vợ Nguyễn Kim người Hải Dương cùng quê với Trạng Trình, nên Trạng Trình đã nể tình chỉ đường sống cho con Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng vào đất " *Hoành sơn* " dung thân để tránh lưới gươm của Trịnh Kiểm. Biết rằng phong thủy vùng này có thể hưng vượng một cõi nên họ Nguyễn đã nghe Trạng Trình kéo nhau vào Thuận Quảng lập nghiệp. Một chi họ Mạc chạy trốn Lê Trịnh cũng theo vào, con gái Khiêm Vương Mạc Kính Điển trở thành bà Chúa Sãi (1613-35). Mãi tới ông vua cuối cùng là Bảo Đại long mạch họ Nguyễn mới tận. Năm 1945 Bảo Đại kể lại " cây xà ngang nóc điện tự nhiên gãy đổ rơi xuống " là điềm rất độc, báo hiệu một triều đại chấm dứt và chấm dứt luôn nghìn năm quân chủ Việt Nam.

Từ sau 1945, sử Việt đi vào giai đoạn chuyển tiếp, giai đoạn nhiễu nhương chiến tranh, mạt pháp. Đứng về phương diện phong thủy lý số, vẫn tiếp tục khí mạch độc loạn đi về phương Nam từ đời Lê : ông CT Hồ Chí Minh (1954-69) gốc Nghệ An cùng các phò tá đều đa số phát tích từ đất Trường Sơn, miền Nam các ông TT Ngô Đình Diệm (9 năm), TT Nguyễn Văn Thiệu (9 năm) người Quảng Bình, người Phan Thiết, đều khởi từ khí mạch vùng núi, đất hẹp sông ngăn, nên không được lâu bền. Ông Nguyễn Văn Thiệu ở đuôi chót Trường Sơn, là huyết phát cuối cùng của giải đất này, chấm dứt một chu kỳ long mạch Nam tiến trên đất Chiêm Thành cũ. Từ sau, long mạch đất Việt lại khởi sang một chu kỳ khác, phương hướng khác, báo hiệu đại hồng vận " thiên tử xuất tại Bảo Sơn Bảo Giang ", phục hoạt vương đạo Hùng Vương Viêm Việt .

VÀI NHẬN ĐỊNH TẠM KẾT

1- Từ đời Hùng Vương tới 1945, các triều đại đều xuất phát từ miền Sông Mã (Thanh Hóa) trở ra miền Bắc. Hai đời vua rất ngắn Hồ Quý Ly (6 năm), Hồ Thơm (tức Nguyễn Huệ, 4 năm), nếu kể thêm Hồ Chí Minh nữa (15 năm), thì cả ba đều mang họ Hồ, đều phát tích từ Nghệ An, và đều vào thời ly loạn mạt pháp.

2 - Đời Hùng Vương, Lý, Trần, được đại địa kết phát ở miền đất sông Hồng, có đủ sông dài, núi cao, đất rộng, âm dương quan bình, nên cơ nghiệp lâu dài, đạt vương đạo , là thời đại căn bản huy hoàng của dân tộc.

3 - Từ thế kỷ XVI tới thế kỷ XX, chu kỳ 500 năm, mạch phát về phương Nam, loạn nhiều hơn bình, dữ nhiều hơn lành, ác sát lực (*force du mal*) của bọn Mộc tinh, Ngư tinh, Hồ tinh nổi lên vào thời mạt pháp, đúng như Trạng Trình tiên đoán : " *Ngã bát thế chi hậu, binh qua khởi trùng trùng* ". Đã bình đao thì chết chóc, đã chết chóc thì oán oán trùng trùng, ma khí vây bủa, tộc Việt phải trả giá cho những chiến dịch diệt Chiêm, tuyệt Chân Lạp, Phù Nam, để rồi đánh Tây, hay đánh Tàu, rút cuộc máu Việt cũng thấm ngập cả đất Việt, xác Việt cũng nằm kín Trường Sơn và biển Đông ! Cuộc chiến cuối thế kỷ XX vừa qua với 3 triệu con Rồng cháu Tiên bỏ mạng, là *dấu chấm hết của một đại chu kỳ tai họa*. Với số lượng bom thả xuống tập trung vào xương sống Trường Sơn, các mạch đất (cả thiện lẫn ác) vùng này bị triệt phá, long mạch phải đứt đoạn. Trong 4000 năm lịch sử, nội chiến Trịnh, Nguyễn và Quốc, Cộng, là hai thương tích sâu nhất trên cơ thể dân tộc, gây ra bởi những người đi lệch khỏi truyền thống dân bản hữu lễ Hùng Vương.

4 - Thiên, Địa, Nhân, cả ba đều có vận kỳ. Sao có chu kỳ dài, ngắn, mạch có mạch trường mạch đoản, người có vận tốt vận xấu, nước có lúc thịnh lúc suy. Chu kỳ ngắn 60 năm (nhà Mạc), dài 180 năm (nhà Lý, nhà Trần), dài hơn là 360 năm, 500 năm, 1000 năm... như họ Hùng. Đại kỳ 500 năm đang chấm dứt để nhân loại và Việt Nam tiến bước sang đại vận mới. Đại vận mới, nhìn theo phong thủy, hoặc phải khởi từ miền Cửu Long, hoặc từ miền Núi Tản Sông Đà, là hai vùng còn khí lực mãnh liệt để đẩy phát, chưa bị chấn yểm của Cao Biền và của bom đạn.

5 - Trong trường kỳ lịch sử, ta không sợ Bắc phương Hán tộc mà nên đề phòng long mạch tái phát của dân Phù Nam, Chân Lạp tức dân Miên ngày nay. Đất Cao Miên có đại địa Cửu Long Biển Hồ, đã từng có văn minh Angkor, đã từng là đế đô của cường quốc đầu tiên Đông Nam Á là Phù Nam, đất này còn có chu kỳ đẩy phát.

6 - Nếu nước Việt gồm thâu cả dòng Cửu Long , Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn làm âm dương song hành, cao nguyên Pleiku, Đà Lạt và bình nguyên miền Nam làm đại minh đường nhìn ra biển Đông, thì mới có đại thế để trở thành một đại cường quốc, ngồi vào ghế Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, nếu không, ta chỉ có thể thành cường quốc vùng Đông Á mà thôi.

7- Xuất phát từ mảnh đất Giao Châu, có long mạch đại địa ngang với Trung Hoa, nước Việt nằm ở thế **hợp tung hơn là đối kháng**, cùng với Hàn quốc, Nhật Bản, làm tứ trụ Viễn Đông, phát huy nền **văn**

minh cầm đầu nhân bản liên quốc, Bắc hòa, Nam tiến. Cuộc Nam tiến đã xong, ta phải hồi tâm về truyền thống *Hữu Lễ Văn Ôn Vũ Luyện* mà đời Hùng, đời Lý, đời Trần đã thấp đuốc mở đường.

8 - Cuộc Nam Tiến hoàn thành với diện tích đất nước gấp hai đất cũ, với sự sát nhập các sắc dân với văn hóa đa diện, không thể không chấp nhận tình trạng phân hóa địa phương. Muốn tìm thế hòa bình nội bộ lâu dài, phải áp dụng câu kinh tuyệt tác của Bụt : " *Cách chặn giữ đàn bò hay nhất là thả chúng trên cánh đồng mênh mông* ". Nói khác đi, phải địa phương tự trị phân quyền, phải dựa trên địa lý thiên nhiên và văn hóa khu vực để chia làm các Châu, Bộ với hệ thống quản trị dân chủ. Từ Nam Sông Mã vào đến Hoành Sơn , Thừa Thiên, không thể gạt bỏ văn hóa Chăm, càng vào phía Nam, càng không thể phủ nhận vết tích lâu bền của Phù Nam, Chân Lạp với Tiểu Thừa và Ấn Độ Giáo kết hợp. Người Việt phát xuất từ Bắc bộ, quanh châu thổ sông Hồng sẽ chuyển hóa theo những yếu tố văn hóa xã hội mới- khoảng 300 năm- đang đi vào chu trình tổng hợp nòi giống. Có thể thì các long mạch kết phát ở địa phương nào cũng mang lại quả tốt cho toàn quốc, bằng không thì mạch phát ở Đông có thể làm hại cho Tây, huyết kết ở Bắc e gây họa cho Nam ...

9 - Nhìn trên bản đồ Thế giới, nước Mỹ và Viễn Đông gồm Tàu, Việt, Hàn, Nhật nằm ở vị thế đối chiếu, cách nhau 12-13 múi giờ, nên đã có liên hệ và đã xảy ra nhiều xung đột luận theo Dịch lý : chiến tranh Mỹ-Nhật, Mỹ-Hàn, Mỹ-Việt và xung đột Mỹ-Tàu. Khi bom nguyên tử giết hại hơn 100,000 người ở Nhật năm 1945, thì những năm sau Mỹ cũng trả mạng gần đúng con số đó ở Hàn và Việt ! Bàn về phong thủy nước Mỹ, cụ Dương Thái Ban, một nhà địa lý nổi danh (mất tại Hoa Kỳ khoảng thập niên 80) nhận định như sau : Ngũ đại hồ kết tụ khí mạch cực lớn, sông Mississippi chảy ra biển hướng Đông Nam thuộc cung Thìn (long cung), giống sông Cửu Long, hùng vĩ như rồng lượn. Thủ đô Hoa Thịnh Đốn bên dòng Potomac, sông mạch cuộn nhiều vòng như vành tai giống sông Nhị Hà bên ta, chỉ hiếm vì mưa nhiều (hơn 150 ngày một năm), âm dương ngũ hành bất quân, nên cũng như Huế, không lâu bền ngàn năm bằng đất Thăng Long, Trường An, Paris.

Cột đá thề trên Đền Hùng nơi Thục Phán thề bảo vệ xã tắc tôn miếu vua Hùng, một nửa cột đá mang về Cổ Loa.

CHƯƠNG HAI: SĂM KÝ VIỆT NAM

Người xưa rất trân trọng việc bói toán bốc phệ : đặt ra cả chức quan Thái Bốc chuyên về lý số chiêm tinh giải điềm... Thời thượng cổ bên Tàu, nhà vua có việc gì nghi ngờ lớn thì trước tự suy xét, sau hỏi khanh sĩ, thứ nhân, không giải được thì " *muru cập bốc phệ* " tức hỏi tới quỷ thần để biết cát hung. Cả hai loại quan cổ vẫn cho triều đình là *Chúc* quan, coi việc chiêm tinh lý số, và *Sử* quan, coi việc ghi chép ôn cố tri tân. Sử lo việc người với người, Chúc lo việc người với Trời. Truyền thống này còn tồn tại ở vài nước quân chủ như Bhuttan, Tây Tạng ... gần đây.

Bốc phệ đặt trên Dịch lý âm dương ngũ hành : lý này áp dụng cho vạn vật, người là tiểu vũ trụ tương quan đồng nhất thể với đại vũ trụ, trăng sao gió khí... tương quan này lại dựa trên chiêm nghiệm của Sử : có sao chổi thì có binh biến, có động đất thì ắt có nguyên thủ từ trần...điềm trời, thể đất, mạch sông... chính là chiều kích mở rộng của con người sinh tử trong vũ trụ. Quan điểm này nhìn vạn vật toàn diện và hợp với vũ trụ quan khoa học hiện đại.

Muốn bốc phệ thì phải có phương pháp. Phương pháp ấy là lý số : " *Cực số tri lai, chi vị chiêm* " (dùng số tính đến cùng là bói). Mỗi nền văn minh đều có khoa lý số riêng, Do Thái có khoa Kabbalah, Ấn Độ có khoa Chiêm tinh Vệ Đà (Jyotish), Trung đông có khoa Chiêm tinh Chaldée là nguồn chiêm tinh lý số Tây phương hiện thời.

Bốc phệ tiên tri nhiều khi phải kín đáo, " *thiên cơ bất khả lậu* " vì lời tiên tri có thể ảnh hưởng rộng lớn, thuận hay nghịch với vua quan, phe phái quần hùng. Thế nên nhà bốc phệ phải nói lời xa gần, dùng mật ngôn ẩn ngữ để người khác suy đoán ra. Đây là lý do phải dùng Sám để tiên tri, Sám ký (ghi lời Sám), Sám vĩ (bàn lời Sám), vừa có tác dụng bảo mật, vừa có tác dụng bảo tồn lời tiên đoán, khó bóp méo thay đổi. Lời Sám lại dễ truyền khẩu, bia miệng vẫn tro tro nghìn năm hơn giấy bản và bia đá !

Trong Lịch sử Việt Nam, có ba bậc Tiên tri siêu quần là Vạn Hạnh, Trạng Trình và Liễu Hạnh Thánh Mẫu. Cả ba vị đều để lại những lời Sám và tiên tri liên quan tới tương lai vận nước. Chương này lược giải những lời tiên tri đó.

Sư VẠN HẠNH với SÁM VỸ và TỔNG TRÌ TAM MA ĐỊA

Nhà sư dựng nước của ba triều Đinh, Lê, Lý, là người đầu tiên để lại những lời Sám tiên tri biến cố lịch sử dân tộc, những lời sám này có trước Sám Trạng Trình khoảng 500 năm.

Sư Vạn Hạnh họ Nguyễn, không rõ sinh năm nào, nhưng mất vào năm 1018 dưới Triều vua Lý Thái Tổ. Về sau vua Lý Nhân Tông 10/72-11/27 truy tặng một bài kệ thâu tóm thân thể tư tưởng Vạn Hạnh như sau :

Vạn Hạnh dung tam tế chân phù cổ sám kỳ hương quan danh Cổ Pháp trụ tích trấn vương kỳ

tạm dịch :

Vạn Hạnh thông ba cõi chính hợp lời sám xưa quê hương tên Cổ Pháp chống gậy giữ kinh kỳ

Vạn Hạnh chẳng những *dung thông* ba cõi quá khứ, hiện tại, tương lai, *dung hợp* Phật, Không, Lão, lại còn *dung hóa* pháp môn Tổng Trì Tam Ma Địa thành lời Sám, như một khế cơ huyền vi vào việc trị nước an dân vào buổi đầu của thời đại độc lập quốc gia.

Thuở nhỏ Sư tu ở chùa Lục Tổ , thuộc dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, tinh thông Tam Tạng, Bách Luận, Bát Nhã, Hoa Nghiêm...chú trọng về Mật Tông " *bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền* " giản dị, gọn, nhẹ, rất hợp với tâm tính của khối dân xứ nóng Đông Nam Á. Sư lại chuyên về khoa Tổng Trì Tam Muội , nói ra lời nào là thành lời tiên tri được người đời tin tưởng.

Nguyên Kinh Tổng Trì được chính Tỳ Ni Đa Lưu Chi dịch tại chùa Pháp Vân vào khoảng 580-594. Nhà sư Đa Lưu Chi từ Thiên Trúc sang Trung Hoa rồi sang Việt Nam tu 14 năm là sư tổ thiền phái Mật tông tại đất Việt với nhiều thế hệ thiền tăng xuất sắc như sư Pháp Hiền (thế hệ II), Định Không (thế hệ VIII), La Quý An (thế hệ X), Vạn Hạnh và Đạo Hạnh (thế hệ XII), Minh Không (thế hệ XIII)...

Sau giai đoạn Đại thừa *Bát Nhã*, tới Đại thừa *Duy thức* là những cao điểm phát triển của của đạo Bụt nghiêng về trí huệ cao siêu, tới giai đoạn Đại thừa *Mật giáo* là chặng đường lan tỏa, sâu vào tầng thức cộng thể, rộng vào siêu lực ẩn tàng trong tâm thức, mệnh môn bao bọc các tín ngưỡng thần linh khắp cõi mà không chấp vọng. Vì thế từ thế kỷ thứ IV tới thứ VIII Mật giáo đã phát triển nhanh chóng vững vàng thành Kim Cang Thừa lan ra khắp Viễn Đông, từ Tây Tạng sang Trung Hoa, Việt Nam...

Tổng Trì tiếng Phạn là Đà La Ni, có nghĩa là *duy trì thiện pháp và ngăn ngừa ác pháp phát sinh*. Một trong bốn loại Đà la ni (*pháp, nghĩa, chú, nhẫn*) là *thần chú* , một cánh cửa mở ra từ thiền siêu thức, một gạch nối từ tâm thức bay lên cõi phi- phi- tưởng, với những mật ngữ như ngôn ngữ giao cảm giữa những loài khác nhau trên những quốc độ khác nhau của tam thiên đại thiên thế giới.

Thần chú của Mật tông với hiệu lực linh nghiệm đã là thần lực gia hộ Triều Đinh, Lê và Lý. Cả trăm trụ bia đá vùng Hoa Lư còn ghi khắc kệ và chú từ thế kỷ thứ X, các cột kinh này lấy chú " Phật đỉnh Tôn thắng Đà La Ni " làm chủ yếu như " muôn nghìn ánh sáng làm chúng sinh kinh động mà

giác ngộ ", người niệm chú này sẽ được tăng tuổi thọ và được chư thần Bồ tát phù hộ.

Ngay từ thế kỷ thứ VIII các nhà sư Mật tông Ấn đã sang Trung Hoa và đã dùng Mật ngôn thần chú phù trợ Triều vua Đường. Trong những thế kỷ sau, IX, X, XI... trung tâm Luy Lâu vùng Kinh Bắc đã là nơi qua lại gặp gỡ của các danh tăng Ấn, Hoa, Chiêm Thành...lại thêm các nhà sư Việt sang Ấn du học như Sùng Phạm (thế hệ XI Tỳ Ni Đa Lưu Chi) du học chín năm, sau về chùa Pháp Vân truyền dạy đệ tử là Đạo Hạnh. Đạo Hạnh rất giỏi pháp thuật thần thông, đã từng tụng đủ 1 vạn 8 ngàn lần Đại Bi Tâm Đà La Ni, dùng gậy quăng xuống dòng nước chảy xiết, gậy dựng đầu lộn ngược, nhờ đó diệt được tà sư Đại Diên là kẻ đã giết cha mình, sau dốc chí tu tập, pháp lực càng cao, có thể điều phục muông thú, cầu mưa cầu gió, niệm chú trị bệnh. Đệ tử của Đạo Hạnh là Minh Không cũng có phép thổi một niêu cơm cho cả thuyền quân ăn không hết, có phép " *rút không gian* " chốc lát đưa thuyền từ xa tới kinh thành chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông (1136) đang bị chứng hóa ra hổ, lông lá đầy người, kêu gào ghê rợn...

Vạn Hạnh cùng thế hệ tu học với Đạo Hạnh, hẳn không lạ gì những pháp thuật thần thông ấy. Cùng với sư huynh Pháp Thuận, hai vị quốc sư này đã dùng sấm vĩ, độn số, phò trợ vua Lê Đại Hành trong việc trị quốc. Chính sư Pháp Thuận đã giả làm người lái đò đối đáp thi văn với sứ thần nhà Tống là Lý Giác. Khi sư Pháp Thuận mất (991) thì vua Lê Đại Hành chỉ còn Vạn Hạnh để tham vấn việc nước. Ngay từ năm 980 sư Vạn Hạnh đã đoán trước " *nội trong ba bảy ngày quân Tống sẽ rút lui* ", quả nhiên vua Lê dụng mưu ly gián, quân Tống phải rút vì nội biến. Tự đây vua Lê Đại Hành rất kính trọng Sư và khi nhà vua muốn đánh Chiêm Thành để cứu sứ giả (Từ Mục) ta về cũng tới hỏi Sư trước, Sư nói trận này đánh tất thành công không phải do dự. Quả nhiên việc bình Chiêm thành công lừng lẫy, vua Chiêm là Parame bị chém tại trận.

Sau khi bậc anh quân thắng hà, Ngọa Triều Lê Long Đĩnh tàn bạo bệnh hoạn, Sư Vạn Hạnh đã vì nước vận động đưa người hiền Lý Công Uẩn lên ngôi. Thuở thiếu thời Lý Công Uẩn tới học ở chùa Lục Tổ và gặp Sư Vạn Hạnh tại đây, Sư thấy họ Lý tướng mạo phi phàm đã lấy làm lạ biết là bậc chân nhân thiên tử. Sư dùng nhiều phương pháp như viết chữ " *thiên tử* " trên lưng một con chó trắng ở làng Cổ Pháp rồi truyền rộng lời đoán rằng chó tượng trưng năm Tuất, bậc thiên tử sinh vào năm Tuất (Lý Công Uẩn sinh năm Giáp Tuất 974) và xuất hiện vào năm Tuất (Canh Tuất 1010) sẽ mang lại thanh bình thịnh trị.

BÀI SÂM CÂY GẠO

Khi cây gạo (do thiền sư La Quý An trồng ở chùa Minh Châu năm 936 để trấn giữ) bị sét đánh tróc vỏ, một bài sấm hiện ra và được ghi vào chính sử như sau :

1 - Thụ căn yếu yếu

Mộc biểu thanh thanh

Hòa đao mộc lạc

Thập bát tử thành

2 - Đông a nhập địa

Dị mộc tái sinh

Chấn cung kiến nhật

Đoài cung ẩn tinh

3 - Lục thất niên gian

Thiên hạ thái bình

Dịch nghĩa :

1- Gốc cây thăm thăm

Ngọn cây xanh xanh

Cây hòa đao rụng

Mười tám hạt thành

Sư Vạn Hạnh tự đoán rằng : *Căn* là gốc tức là vua, *diểu* đồng âm với *yếu*, là vua chết non. *Mộc biểu* là ngọn cây tức bày tôi, *thanh thanh* là xanh, đồng âm với *thịnh*, như vậy là một quân thần sẽ phát lên.

Hòa đao mộc , ba chữ hợp lại thành chữ *Lê*, vậy là *Lê* rơi rụng. *Thập bát tử*, ba chữ hợp lại là chữ *Lý*, như vậy là họ *Lý* tất thành.

2 - Cành Đông vào đất

Cây khác lại sinh

Cung Đông trời mọc

Cung Tây âm tinh

Đông A kết lại thành chữ Trần, *nhập địa* là vào đất của nhà Lý. *Dị mộc tái sinh* tức nhà Lê khác lại sinh. Câu này tiên đoán sau họ Lý đến họ Trần, rồi nhà Hậu Lê (Lê Lợi).

Chấn cung (Đông) *xuất nhật* là thiên tử xuất ở phương Đông, phương Tây lại có một ngôi sao còn ẩn dạng. Có sách bàn là nhà Mạc xuất ở phương Đông (Hải Dương) vì chữ Mạc chứa chữ Đông, Tây sơn ẩn ở phương Tây.

Trong Đại Việt Sử Lược không thấy 2 câu *Đông A nhập địa, dị mộc tái sinh*, nhưng trong Việt Sử Tiêu Án (Ngô Thời Sĩ) và nhiều tài liệu khác lại chép hai câu ấy. Có thể vào thời Lý không dám chép lời tiên đoán sau Lý họ Trần sẽ vào, và đời Trần lại không dám chép câu sấm họ Lê khác tái sinh thay thế họ Trần !

Cung Đông có thể chỉ nhà Mạc xuất từ miền Đông, nhưng Đoài cung là phương Tây *sao ẩn* mà đoán là nhà Tây sơn thì gượng ép vì vào thế kỷ X-XI vùng Tây sơn còn thuộc Chiêm Thành ! Phải đoán là một vị sao còn ẩn ở phương Tây tức vùng Sơn Tây núi Tản sông Đà, sau này Trịnh cũng nhìn thấy một *Ngưu tinh cư chính cung*, xuất ở khảm phương và hướng Tây (*Đoài phương thực có chân nhân...*), như vậy không còn nghi ngờ gì nữa. Hai câu này và hai câu cuối tác giả Việt Sử Tiêu Án cũng cho là " *có ý huyền diệu gì khác, không chịu nói lộ hết ra* ". Đã là lời Sấm thì làm sao nói rõ ràng như văn xuôi được !

3 - Khoảng sáu bảy năm thiên hạ thái bình

Phần nhiều các sử liệu giải là sáu bảy năm sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi (1010), khoảng 1016-1017, thiên hạ sẽ thái bình. Giải như vậy mất ý nghĩa rộng lớn của một bài Sấm mà Ngô Thời Sĩ (nhà Nho này vốn không ưa Sấm ký , cho là mê hoặc làm hại) cũng phải viết là " *Sét đánh vào cây thành bài Sấm chỉ có 40 chữ mà đủ hết cả hưng vong của các đời trong thời gian hơn ngàn năm* ". Nếu đã đủ hết hưng vong ngàn năm thì hai câu cuối phải hiểu dính liền với câu *Đoài cung âm tinh*, và *lục thất niên gian* có thể phù hợp với câu Sấm Trịnh Trình : " *tới chiều lục thất xuất thánh nhân* ". Nếu giải *lục thất* là chữ Nguyễn thì rất gượng ép và không hợp vì *lục thất niên gian* rõ ràng muốn nói lên mốc thời gian. Nhưng nếu bài Sấm thu tóm lịch sử ngàn năm tại sao không nói đến triều Nguyễn ? Có lẽ Nguyễn cũng như Trịnh chỉ là hai nghiệp Chúa thuộc nhà Hậu Lê, cho dù sau này Nguyễn Gia Long có lên ngôi cũng không đủ ứng hợp với một vận hội tinh đầu riêng biệt chẳng ?

Cứ xem bài Sấm ngắn gọn hàm chứa cả ngàn năm lịch sử này cũng đủ thấy Vạn Hạnh là một nhà tiên tri của dân tộc, có tầm nhìn không phải " ngũ bách niên " mà là " thiên niên ". Sư có thể nhìn cuộc thịnh suy từ đời Đinh (968-980) cho tới hiện đại hơn nghìn năm. Căn cứ trên Việt Sử Lược khi Vạn Hạnh nói bài Sấm ấy với Lý Công Uẩn thì Sư đã ngoài 70 tuổi : " *Gần đây tôi thấy bài Sấm lạ, biết nhà Lê đương xuống mà nhà Lý đương lên... nay tuổi của tôi đã hơn 70, chỉ sợ không kịp thấy sự thịnh trị...* " (ĐVSL 113). Năm ấy là năm 1009, mãi tới năm 1018 Sư mới hóa, vậy Sư thọ khoảng 90 tuổi. Vì tấm lòng đối với họ Lý và Đạo pháp chân thành như vậy nên truyền thuyết cho rằng Sư đã tìm đất kết long mạch tái phát cho nhà Lý hưng khởi một ngàn năm sau- vào thời gian hiện đại 2000- để " *Lý đi rồi Lý lại về* " là điều có thể tin được. Hơn nữa với thiên nhãn nhìn cả ngàn năm, lại đủ tài phong thủy sấm vĩ, độn số, chắc hẳn Sư không thể không thấy cuộc thịnh suy và đã tìm ra đại địa Bảo sơn Bảo giang rồi cho xây trụ tháp trấn giữ long mạch. Năm trăm năm sau Trịnh Trình cũng nhìn thấy đại

địa ấy và viết Sấm tiên đoán.

Thật ra, trước Vạn Hạnh 200 năm, Sư Định Không cũng đã nhìn phong thủy làng Cổ Pháp và tin tưởng là một bậc chân nhân họ Lý sẽ xuất hiện, Sư viết như sau :

Địa trình pháp khí phẩm chất tinh đồng Trì Phật pháp chi hưng long lập hương danh chi Cổ Pháp pháp khí xuất hiện thập khẩu đồng chung Lý hưng vương, tam phẩm thành công

Dịch nghĩa :

Đất dâng pháp khí phẩm chất tinh đồng đưa Phật pháp đến thời rồng lên làng Cổ Pháp đặt lấy tên pháp khí xuất hiện

mười miệng chuông đồng

Họ Lý hưng vương, tam phẩm thành công.

(khi Sư dựng nền chùa làng Đình Bảng, đào được 10 chiếc khánh và một chiếc lư hương, mang ra sông rửa, một chiếc khánh chìm xuống nước. Sư bàn : mười chiếc khánh là *thập khẩu* hợp lại là chữ *Cổ*, một chiếc chìm đi là *thủy khứ*, hợp lại là chữ *Pháp*, vậy đặt tên linh địa này là Cổ Pháp).

Khi Vạn Hạnh nói bài Sấm tiên đoán vận hưng long của nhà Lý với Lý Công Uẩn, Lý Công Uẩn sợ tiết lộ nên cho người dấu Sư Vạn Hạnh vào núi Tiêu Sơn. Ngày Lý Công Uẩn lên ngôi Sư Vạn Hạnh đang ở chùa Lục Tổ đã nói trước " *khoảng một ngàn ngày nữa, Công Uẩn sẽ được cả thiên hạ* ", rồi Sư lại viết một bài kệ treo bên đường đi rằng :

Cổ Lê chìm biển Bắc

Hạt Lý nảy phương Nam

Bốn phương binh đao hết

Khắp nước hưởng bình an

Mọi người vào Hoa Lư thăm dò thì đúng như vậy, ai nấy đều lấy làm lạ về tài tiên tri của Sư (thời xưa từ Cổ Pháp tới Hoa Lư tuy cách xa có 100 cây số nhưng đường đi khó khăn chắc phải mất hàng ngày). Trong bài sấm khác, Sư cũng đoán trong ba tháng nữa Lý Công Uẩn sẽ lên ngôi :

Cái tam nguyệt chi nội

Thân vệ đăng trụ xã tắc

Lạc trà ấn quốc tự...

(trong vòng ba tháng

Thân Vệ lên làm chủ xã tắc

cây đa in chữ *quốc...*)

Ngoài ra các lời Sấm khác cũng có thể do chính Sư viết như " *Bát phương hội Nữ thường xuất quân* " (Sao Nữ hiện tám phương trời thì vua xuất), hoặc " *Chính Bắc Phù Cầm dương bạch hổ, an lạc nam nữ thường vô khổ..*" (hướng Bắc đất Phù Cầm bạch hổ đứng, trai gái an lạc hết khổ tai..).

Trải qua ba triều Đinh, Lê, Lý, Sư Vạn Hạnh đã cống hiến trọn đời cho dân tộc và Đạo pháp hành nghiệm. Ngay cả việc rời đô từ đất Hoa Lư *chật hẹp, vận số ngắn ngủi* ra Thăng Long với *thế đất rồng quán hổ phục, ở giữa Đông Tây Nam Bắc, muôn vật rất thịnh và phồn vinh*, Sư là nhà chiến lược đặt trường kế non sông . Chính Sư đã viết ra những lời Sấm đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà 500 năm sau Trạng Trình đã dùng làm khởi điểm cho tập Sấm ký. Vừa là thầy dậy dỗ Lý Công Uẩn từ nhỏ, vừa làm quốc sư cho vị vua sáng nghiệp nhà Lý , Sư Vạn Hạnh đã tận dụng kiến văn và trí huệ tới mức siêu đẳng, nghĩa là vận động lịch sử bằng cách đi vào đáy sâu tàng thức quần chúng, từ đó đẩy lên lòng tin vào hồng vận hưng long của triều đại, khi quần chúng đã tin, nhân tâm đã định, tức là đạt 80-90% thành công.

Năm 1018 Sư già không bệnh mà hóa, trước khi hóa Sư chỉ dậy cho đệ tử : " *Các con nên trụ ở đâu ? thầy không trụ ở nơi có thể trụ mà cũng không trụ ở nơi không thể trụ* " , đây là triết lý hành nghiệm không nương tựa vào đâu ngoài mình mà *phải tự mình thấp đuốc lên mà đi*, rồi Sư đọc bài kệ :

*Thân như điện, ảnh, hữu hoàn vô vận một xuân vinh, thu hựu khô nhậm vận thịnh suy vô bố úy
thịnh suy như lộ thảo đầu phô*

tạm dịch : Thân như chớp nhoáng, hữu rồi vô cây cỏ xuân tươi, thu tàn khô theo vận thịnh suy đừng lo
sợ thịnh suy : đầu cỏ hạt sương phô

Câu " *nhậm vận thịnh suy vô bố úy* " kết tinh tinh thần Tam giáo, sống theo vận trời, nhìn thịnh suy như chu kỳ thiên nhiên tất yếu mà không lo sợ, an nhiên tự tại hành nghiệm. Đây chính là khởi điểm của 500 năm quân chủ nhân quốc (X- XIV) bằng chủ đạo *Nhập thế tích cực trong tinh thần xuất thế cao thượng* vậy.

TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM : NHÀ TIÊN TRI CỦA VIỆT TỘC

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, cách đây khoảng 500 năm, trên thế giới xuất hiện hai nhà tiên tri lừng danh là *Trạng Trình* bên Việt Nam và *Nostradamus* bên Pháp. Thời đại này Tây phương nổi lên phong trào Tin Lành, bên Tàu nẩy ra tân Nho thuyết của Vương Dương Minh, bên ta phát sinh Thánh mẫu Liễu Hạnh, bắt đầu thực sự Nam Tiến mở đầu khúc rẽ lịch sử văn hóa trọng đại nhất kể từ ngày lập quốc.

Nguyễn Bình Khiêm là một nhân vật lịch sử độc nhất trong sử Việt làm cổ vấn một lúc cho ba bốn phe đối nghịch nhau : Mạc, Lê, Nguyễn, Trịnh. Ông vượt lên như một Tiên ông trên non cao mây trắng nhìn xuống bàn cờ người, thương tình chỉ cho nhân thế đua chen vài nước cờ tiến thoái sinh tồn tạm thời, mặc dù trong đôi mắt tiên tri ông đã nhìn thấy rất xa lẽ được thua " *ngũ bách niên tiên, ngũ bách niên hậu* ".

Ông sinh năm 1491, cách đây 507 năm. Ông sinh sau Nguyễn Trãi 111 năm, trước Nguyễn Du 274 năm, kém Mạc Đăng Dung 8 tuổi và cùng quê với ông vua xuất thân đánh cá này.

Tại Cổ Am, Hải Dương (nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng) từ lúc sinh ra tới năm 13 tuổi (1481-1504), Nguyễn Bình Khiêm được sống yên ổn dưới triều thịnh trị Hồng Đức và Lê Hiến Tông. Từ lúc lớn lên trong 23 năm liên tiếp (1504-1527), nhà Lê mặt vận thay đổi tới 6 ông vua, toàn là *vua Quý* giết bà nội (chính cung vua Lê Thánh Tông), giết cận thần , như Lê Uy Mục, hay *vua Heo* như Lê Tương Dực, hoang dâm bạo ngược , đến nỗi sứ thần nhà Minh phải gọi là Quý Vương và Trư Vương, lại còn than hộ nước Việt là " *thiên ý như hà giáng quý vương* " ! (ý trời sao lại giáng vua quý !).

Tương truyền ông thông minh từ nhỏ, lên một tuổi đã biết nói, lên bốn đã thuộc thơ và kinh sử do bà mẹ hay chữ và giỏi tướng số chỉ dạy. Bà mẹ đặc biệt này là con gái Thượng Thư Bộ Hộ Tiến sĩ Nhữ Văn Lạn, kén chồng mãi tới năm 30 tuổi gặp ông Văn Định thấy có tướng sinh đại quý tử nên mới chịu kết duyên vợ chồng. Có thuyết nói rằng bà gặp anh đánh cá Mạc Đăng Dung ở bến đò và tiếc rẻ là không có duyên với con người có tướng cách đế vương này ! Bà lấy chồng với hy vọng sau đẻ con đạt ngôi cửu trùng, ngay từ đêm tân hôn bà đã dặn trước chồng là khi nào trăng lên đến đầu ngọn tre mới được động phòng, nào ngờ ông Văn Định động phòng hơi sớm nên bà thụ thai không đúng giờ tốt, vì thế tuy sinh quý tử nhưng không đạt được tột đỉnh thiên tử !

Cũng có truyện kể lại rằng thuở nhỏ Bình Khiêm trông rất khôi ngô tuấn tú, khi đang tắm với lũ trẻ ở sông Hàn, một người thầy tướng Tàu đi thuyền qua nói rằng " *cậu này đáng lẽ tướng làm vua, nhưng vì nước da hơi thô nên chỉ làm tới Trạng nguyên Tế tướng* ! "

Lúc còn bé ẵm, Bình Khiêm đã biết thốt lời " *mặt trời mọc ở phương Đông* " khiến mọi người đều kinh ngạc. Có lần Từ Thục phu nhân đi vắng, ông Văn Định chơi đùa với con , đọc : " *Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung* ", Bình Khiêm liền đọc tiếp : " *vén tay tiên, hót hót rung* ". Khi trở về nghe chồng kể chuyện, Từ Thục phu nhân không vui, trách rằng : " *mặt trăng là khí tượng bầy tôi, sao ông*

lại dậy con như thế ! ". Rất có thể với biệt tài tướng số, biết trước vận số nhà Lê 40 năm sau đời Lê Thánh Tông sẽ suy tàn, phương Đông (Hải Dương) có khí tượng đế vương, nên bà đã cố tạo ra một ông vua theo giờ giấc sinh đẻ chẳng ?

Người mẹ có giấc mơ làm Mẫu hậu mất sớm, người con tên Khiêm , tự là Hanh Phủ, theo quẻ Dịch : *Khiêm tôn thì hanh thông*, sau này tuy không làm vua nhưng làm thầy mấy ông vua và là chiến lược gia chỉ đạo cho dân tộc : *Bắc hòa, Nam tiến*.

THIỆU THỜI

Thuở nhỏ học ở quê nhà, cha từng sung chức Thái học sinh, mẹ lâu thông kinh sử, lý số, chắc hẳn ông đã đã được rèn luyện kỹ lưỡng. Khi lớn lên, ông vào Thanh Hóa (cách Cổ Am độ 150 cây số) học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, nguyên Lại Bộ Thượng Thư. Trước khi chết ông thầy họ Lương truyền lại cho người môn sinh đầy năng khiếu lý số cuốn Thái Ất Thần Kinh là một cuốn sách lý giải Kinh Dịch của Dương Hùng đời Hán, cuốn sách hiếm này khi đi sứ Tàu, Lương Đắc Bằng đã tìm được.

Nguyễn Bình Khiêm tuy học giỏi nổi tiếng trong giới nho lâm nhưng ông đã bỏ không dự khoa thi 1523 và 1526 vì vào thời hỗn loạn cuối triều Lê, bỏ khoa đầu tiên của nhà Mạc vì thiên hạ còn chưa phục tùng, mãi tới năm 1534-35, đời vua Mạc Đăng Doanh thịnh trị vương đạo nhất triều Mạc, ông mới dự thi và đậu Trạng Nguyên. Năm ấy ông đã 44 tuổi.

THỜI XUẤT CHÍNH : KHÔNG PHẢI 8 NĂM MÀ 30 NĂM !

Đỗ đầu thi hương, thi hội, thi đình, Tam nguyên Nguyễn Bình Khiêm được bổ nhiệm Đông Các hiệu thư (sửa chữa văn thư), sau thăng Tả Thị Lang Bộ Hình, Bộ Lại, kiêm Đông Các Đại Học Sĩ (Tam phẩm). Trong 8 năm tại triều (1535-1542) ông từng dâng sớ xin chém 18 lộ thần. Năm 51 tuổi đời vua Mạc Phúc Hải, ông cáo quan về quê. Ít năm sau triều đình lại vời ông ra làm Thượng Thư Bộ Lại, Thái Phó, phò giúp vua nhỏ Mạc Phúc Nguyên (1546-61), cùng với Mạc Kính Điển là chú vua và là cột trụ chống đỡ nhà Mạc.

Trong khoảng 55 tới 73 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm tuy không ở hẳn kinh đô Thăng Long, nhưng vẫn cáng đáng nhiều việc triều chính, lúc bàn quốc sự, lúc đi đánh giặc, nhà Mạc tôn kính ông như quân sư, phong ông làm Trình Tuyền Hầu (vì thế dân gian mới gọi là Trạng Trình). Mãi tới ngoài 70 tuổi ông mới hoàn toàn quy ẩn nơi quê nhà.

THỜI QUY ẨN VÀ TRIẾT LÝ SÁNG TẠO " TRUNG TÂN "

Ông về quê năm 1563, sống đời tiên thoát tục trong Am Bạch Vân, bắc cầu Trường Xuân, Nghênh Phong, làm nơi nhàn tản nhìn trăng hóng mát. Ông lại khuyên dân làng trồng cây bô đề để lấy bóng dâm, mở chợ làm nơi buôn bán, tu sửa đình chùa... Ông cùng học trò dựng quán Trung Tân nơi bến Tuyết giang, cho khắc văn khuyến Thiện trên bia đá, bài bia này nói lên triết lý tư tưởng cao siêu của Trạng Trình :

"... Toàn kỳ thiện giả vi trung, bất toàn kỳ thiện giả tắc phi trung dã... Tân giả tân dã, tri sở chỉ vi yếu tân, bất tri sở chỉ tắc mê tân dã... Trung chi sở tại, tức chí thiện chi sở tại... "

nghĩa là : " vện toàn điều Thiện là Trung, không vện toàn điều Thiện thì không phải là Trung... Tân là cái bến, biết chỗ dừng lại là bến chính, không biết chỗ dừng lại là bến mê...Nghĩa chữ Trung chính là ở chỗ Chí Thiện... "

Có lẽ trong nghìn năm Nho học mới thấy một nhà Nho giải nghĩa chữ Trung Dung một cách giản dị, đầy đủ và sáng tạo như vậy. Cốt tủy của Trung phải là Thiện, không có lòng Thiện thì biết đâu là chỗ Trung, chỗ đúng tiết, chỗ " juste milieu " mà dừng lại ! *Tâm bất chính thì lạc vào bến mê, tâm giác ngộ thì biết bờ bến để neo thuyền, tư tưởng này phẳng phát tư tưởng " Đáo bỉ ngạn " tức tới được bến của nhà Phật.* Nguyễn Bình Khiêm đã nối Nho vào Phật Lão, mang lại cho nhà Mạc cái vinh dự tiếp tục tư tưởng Tam Giáo Đồng Tôn mà nhà Lê độc tôn Tống Nho đã đánh mất, và đánh mất nặng nề truyền thống dân bản khai phóng của Lạc Việt.

Ở tuổi thất thập cổ lai hy, Trạng Trình có phong thái của một Lã Vọng Khương Tử Nha ngồi câu bên bờ sông Vy, một Gia Cát Lượng nằm ngâm thơ chân núi Ngọa Long :

Ngư ông bắt ngọ Đào nguyên khách

khởi thức hưng vong thế cổ kim !

Tương truyền cụ Trạng thường cùng các nhà sư già đi thăm các nơi danh lam thắng cảnh, nay Yên Tử, Đồ Sơn, mai Ngọa Vân, Kim Hải...học trò trước sau đông tới ba nghìn người. Cụ có ba phu nhân , 7 trai và 5 gái.

Năm 1585 tuổi già lâm bệnh, biết mình khó qua, cụ Trạng 95 tuổi còn dâng sớ xin vua " ... *thần tính độ số thấy vận nước nhà đã suy, vận nhà Lê đến hồi tái tạo, ý trời đã định, sức người khó theo. Song nhân giả có thể hồi thiên ý, xin nhà vua hết lòng tu nhân phát chính, lấy dân làm gốc, lấy nước làm trọng, trong sửa sang văn trị, ngoài chuyên cần võ công, may ra giữ được cơ nghiệp tổ tiên, thì thần chết cũng được thỏa lòng* ". Nhà Mạc cử cột trụ Triều đình là hoàng thân Khiêm Vương Mạc Kính Điển cùng các quan về tế lễ, sai lập đền thờ, cấp ruộng tự điền trăm mẫu, vua Mạc Mậu Hợp lại đích thân viết chữ đề lên đền thờ : " *Mạc Triều Trạng Nguyên Tể Tướng Từ* ". Bảy năm sau khi Trạng Trình mất, 1592, nhà Mạc cũng mất theo, tuy còn giữ đất Cao Bằng thêm được 4 đời nữa.

Xem thế Trạng Trình đã dốc lòng phò Mạc và nhà Mạc cũng hết mực cung kính cây cỏ thụ che chở triều đại suốt 60 năm.

Một trăm năm sáu năm sau, 1741, Tiến sĩ Vũ Khâm Lân nhân đi đánh giặc và đắp đê tới thăm đền thờ Trạng Trình, viết tựa cho tập gia phả của họ Nguyễn Bình vào đời thứ tám (*ngã bát thế chi hậu, bình qua khởi trùng trùng !*) đã xúc động mô tả kiêu đất " *Nghiễn trì thủy ảnh* ", tức mặt hồ nghiêng, ánh nước long lanh, là đất phát sinh bậc đại nhân, đầm nước sâu hơn một trượng, bốn năm vụng đất trên khoảng vài trăm mẫu, chỗ thất chỗ phình, khi lặn bóng, khi nắng vàng tỏa ánh.

ĐẠO HỌC CỦA BẠC QUÂN SƯ : MÔN PHÁI BẠCH VÂN AM VỚI QUYẾT SÁCH TAM PHÂN THIÊN HẠ

Từ cổ xưa, trước khi rơi vào cái học Tống Nho khoa cử độc tôn, tầm chương trích cú, người trí thức theo Đạo học, học để hành, hành tàng theo đạo. Đạo học là Đại học, quan đề quán, bao quát mà vẫn

quì về một mối (Uni- versity). Trạng Trình và các môn đệ của ông như Trạng Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ (tác giả Truyền Kỳ Mạn Lục), Nguyễn Quyện (danh tướng nhà Mạc), Trương Thời Cử, Trạng Giáp Hải, Lương Hữu Khánh... *tập hợp thành một môn phái Đạo học, Đại học chi đạo, tiếp nối truyền thống Lý, Trần, học cả Nho lẫn Phật, Lão, cả Tứ Thư Ngũ Kinh lẫn các môn lý học, huyền học, binh thư, phong thủy địa lý...* Trạng Trình phân phối môn đệ thân hữu đi mọi hướng đất nước : Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh... vào với nhà Lê trung hưng ở Thanh Hóa, Nguyễn Đình Thân, người cùng quê Hải Dương, đi với Nguyễn Hoàng vào Hoành Sơn, Trạng Giáp Hải, Nguyễn Quyện và chính mình phò Mạc tại quốc đô Thăng Long cho tới gần hết thế kỷ XVI.

Sở học của Trạng Trình có lẽ được chính bà mẹ nuôi dưỡng uốn nắn từ nhỏ : học để làm vua, không làm vua thì cũng làm thầy vua, đây là truyền thống " đế vương chi học " cao siêu của của bậc đại nhân :

Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ

Du nhàn ngã thị địa trung tiên

Mà muốn vậy thì trên phải thông thiên văn, dưới phải rành địa lý, mưa gió nắng bão phải biết trước như Gia Cát , Trương Lương, chiến lược chiến thuật đều tinh thông nên có thể xếp đặt thiên hạ như bàn cờ , nhà Mạc một phần, Lê Trịnh một miếng, họ Nguyễn một phương...thế *Tam quốc này chính Trạng Trình và môn đệ phân định thi hành*, mặc dầu Trạng Trình cũng như Gia Cát, biết là mình đang cố lấy nhân lực để cưỡng mệnh trời, thế loạn mà muốn trị cũng giống như " *con ngao to đội núi đồi trời cao* " . Cho nên dù có than :

Cổ lai nhân nghĩa tri vô địch

Hà tất khu khu sự chiến tranh

dịch :

Nhân nghĩa xưa nay là vô địch

Sao vẫn khu khu việc chiến tranh

vẫn phải cang đáng thiên mệnh, tận kỳ tính, lo toan chuyện dân chuyện nước.

Từ Bạch Vân Am Trạng Trình dùng cái nhìn chiến lược và phong thủy để mở ra mặt trận Nam phương cho Nguyễn Hoàng : vừa thực hiện việc mở rộng bờ cõi, vừa lấy thế hiểm mà dung thân, ông thôi thúc Phùng Khắc Khoan vào Thanh Hóa với nhà Lê vì sau này, 1598, chính họ Phùng đi sứ sang Tàu đã dàn xếp chấp nhận để yên cho họ Mạc ở đất Cao Bằng. Chính Trạng Bùng là người theo chí thầy viết tập *Sấm Văn* và tập *Chu Dịch Quốc Âm Ca Quyết* , việc ông hai lần gặp Liễu Hạnh Thánh Mẫu hiển linh, lần đầu ở Lạng Sơn, lần sau ở Tây Hồ, là một khúc mắc lớn. Có thể chính hai thầy trò, đều tinh thông lý số , đều viết Sấm, đã nhân chuyện linh thiêng mà dựng nên một tín ngưỡng bình dân, lấy hình ảnh một bà Mẹ dân tộc làm mái che bên cạnh Phật, Lão, đang bị Nho đè xuống ?

Dù sao, không thể phủ nhận khả năng thần toán của Trạng Trình mà sứ nhà Thanh Chu Xán sau này phải

nhận là " *An Nam lý số hữu Trình Tuyên* ". Rõ ràng nhất là bài văn tế của Tiên sĩ Đinh Thời Trung khóc thầy và xác định tài lý số của thầy :

Một kinh Thái Ất thuộc lòng

Đốt lửa soi gan Dương Tử

... Một mình lý học tinh thông

Hai nước anh hùng không đối thủ...

Đạo thống Thánh nhân tự tiên sinh mà truyền ra

Bờ cõi Thánh nhân duy tiên sinh là thấu đáo

....Đuốc ngọc chưa tàn ba ngọn

Văn viết đã xong...

Như vậy quả có Thái Ất, Thái Huyền của Dương Hùng làm luận giải cho Kinh Dịch và quả có chuyện thầy trò từng ngồi đoán số gieo quẻ với nhau. Bên cạnh những lời cổ vắn như *Hoành sơn nhất đá, vạn đại dung thân* cho Nguyễn Hoàng, *Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản* và *Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, nên tìm giống cũ mà gieo mạ*, cho Trịnh Kiểm tiếp tục phò Lê, hay dặn dò *Cao Bằng tuy thiếu, khả diên số thế* (đất Cao Bằng tuy nhỏ nhưng cũng ở được mấy đời) cho con cháu nhà Mạc, thơ văn Trạng Trình cũng xác nhận lý số sấm ký là một khía cạnh trong Đạo học của Trạng :

Thái cực nhất chu đàm luận liễu

Tri ngô thấu đắc Dịch chi thâm

Dịch :

Thái cực một vòng đàm luận suốt

Biết tôi Dịch lý thấu thâm sâu

Quẻ Phục " *thiên địa chi tâm* " trong kinh Dịch được nhắc tới nhiều lần :

Bác vãng tĩnh quan tri tất Phục

Nhất dương dĩ nghiệm Địa Lôi trung

Dịch :

Quẻ Bác qua, lặng yên xem Phục đến

Một Dương nghiệm thấy giữa Địa Lôi

(Quẻ Phục sau quẻ Bác, gồm Khôn trên và Chân dưới, năm hào Âm đè ở trên, một hào Dương bắt đầu mọc ở dưới để Phục lên, vạn vật suy mãi cũng phải nẩy ra thịnh, đen mãi cũng có hồi đỏ, ánh sáng ở cuối đường hầm, đó là tâm của trời đất không nở để cái gì suy mãi).

Hay câu :

Tĩnh quan vạn vật sinh sinh ý

Ứng kiến vô cùng thiên hạ tâm

Dịch :

Lặng xem vạn vật sinh thông

Thấy lòng trời đất mênh mông vô cùng

Khi ra làm quan, ông đã biết trước :

Quý thể khí tài tuy tạm xuất

Hưng vương lương tá dĩ tiền tri

Dịch :

Thế cuối tài hèn tuy tạm xuất

Vua lên tôi giỏi biết trước ra

Nhất là hai câu thơ sau đây :

Từ thuở *hai dê* sinh đặt ra

Than ôi tuổi tác kẻ ban già

nói về năm Ất Mùi (Ất là can thứ hai, dê là năm Mùi) đậu Trạng Nguyên khi đã 44 tuổi (1535 đời minh quân Mạc Đăng Doanh), rất giống ngôn từ dùng trong Sấm ký. Mãi tới cuối thế kỷ XVIII, đời Tây Sơn, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp (1723-1804) còn lặn lội ra thăm đền thờ Trạng Trình và viết trong Thi Cảo là cụ Trạng đã " *Phiến ngụ toàn tam tính* " tức khuyên lời ngụ ý bóng gió để ba họ được an toàn.

Một vài chuyện sau đây có thể xác tín vì đã được ghi lại trong trong gia phả, trong Công Dư Tiệp Ký, hoặc truyền khẩu từ xưa :

Quẻ " Thiết Đoản Mộc Trường " (Sắt ngắn gỗ dài)

Một ngày cuối năm ba mươi Tết, cụ Trạng và một người học trò từ xa đến lễ thầy, hai thầy trò đang ngồi đàm luận thì có người gõ cổng xin vào. Cụ sai gia nhân ra nói hãy chờ một chút, trong lúc đó cụ

và người học trò cùng bấm quẻ xem người gõ cổng đêm ba mươi Tết có chuyện gì.

Hai thầy trò cùng bấm được quẻ "*Thiết đoản mộc trường*", tức ứng vào vật *sắt ngăn gỗ dài*, cụ hỏi :

- Anh đoán xem là người gõ cổng có việc gì ?

Người học trò trả lời :

-Thưa thầy, *sắt ngăn gỗ dài* thì chỉ có cái mai, chắc có người vào mượn cái mai đào đất.

Cụ nói :

- Tôi đoán khác anh một chút, người gõ cổng đến mượn búa chứ không phải mượn mai.

Khi mở cổng cho người hàng xóm vào thì đúng là vào mượn búa chứ không phải mượn mai mượn xẻng.

Cụ giải thích cho trò :

- Anh bấm quẻ đã đúng nhưng luận chưa cao. Đêm ba mươi Tết đến mượn búa để bở củi nấu bánh chưng chứ giờ này ai còn đến mượn mai đào đất !

Vớt xác được phú quý

Bùi Sinh là người học trò nghèo trong làng, Trạng Trình đoán sau này sẽ được phú quý. Mãi tới tuổi 70 Bùi sinh vẫn không giàu không sang, bèn đến hỏi lại thầy mình. Cụ Trạng cười không nói gì, rồi bỗng nhiên một hôm cụ gọi Bùi Sinh lại bảo rằng : "*Hãy mang thuyền đánh cá ra cửa bể Vạn Ninh, tới giờ ấy...hễ thấy gì trôi trên nước cũng vớt lên, sẽ được trọng thưởng*". Bùi sinh nghe lời ra bến Hồng Đàm ngồi đợi, quả nhiên một hồi giông bão nổi lên rồi thấy một xác người dạt vào, nhìn kỹ là xác một người đàn bà ăn mặc quần áo Tàu gấm vóc sang trọng. Bùi sinh vớt lên, sau này mới biết là xác mẹ Tổng Đốc Quảng Đông đi chơi ngoài biển bị bão bật sang phương Nam. Viên Tổng Đốc Quảng Đông cho người tìm về hướng biển Nam, khi tìm thấy liền trọng thưởng Bùi sinh rất hậu, rồi Bùi sinh lại được nhà Mạc phong quan tước vì hành vi ngoại giao tốt đẹp !

(Có chỗ thuật hơi khác là bà mẹ Tổng Đốc hãy còn sống, Bùi sinh cứu lên và nuôi dưỡng cho tới khi người Tàu sang đón về, có chỗ lại nói là vớt lên xác một công chúa Tàu...).

Những giai thoại khác như "*Minh Mệnh Thập Tứ, Thăng Trứ phá đền*" hoặc "*Cha con thằng Khả đánh ngã bia tao*", hoặc lấy số Tử Vi cho cái quạt...có thể do người sau thêm dệt, không có giá trị tiên tri sấm ký.

Bài Sấm đích thực là Sấm Trạng Trình

Một ngày thu năm Nhâm Dần (1542) đang tựa án đọc sách, chợt thấy mây ngũ sắc hiện ra, Trạng liền gieo quẻ bói xem thời vận nước nhà, lúc ấy đời vua thịnh trị nhất triều Mạc là Mạc Đăng Doanh mới mất, Trạng bốc được quẻ *Càn, động hào Sơ cửu*, liền đoán :

Liên Mậu, Kỷ, Canh, Tân can qua sinh sắc biến

nghĩa là loạn liên tiếp vào năm Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi (1548-49-50-51), rồi cụ lại giảng tiếp cho học trò là Trương Thời Cử rằng :

Bốc đắc Càn thuần quái

Sơ cửu thoái tiềm long

Ngã bát thế chi hậu

Bình qua khởi trùng trùng

Ngưu tinh tụ Bảo giang

Đại nhân cư chính trung

Dịch nghĩa :

Bói được quẻ thuần Càn

Hào sơ cửu rồng lui ẩn

Tám đời sau ta

Bình biến khởi trùng trùng

Sao Ngưu tụ Sông Quý

Đại nhân ở chính giữa

(Có bản chép câu 5 là : *Tinh tụ Bảo giang thượng* nghĩa là Sao tụ trên Sông Quý).

Bài này chính là chìa khóa để mở mật ngữ và ẩn nghĩa trong toàn bộ Sấm Trạng Trình, một bài Sấm không ai phủ nhận được giá trị chân xác may mắn được truyền lại, trong khi tập Sấm đã bị tam sao thất bản, thù dệt thêm bớt qua 500 năm.

Bói được quẻ Càn (Trời), thấy rồng lui ẩn, hồng vận chân chúa chưa xuất hiện, tám đời sau, khoảng 1735 khi Tiến sĩ Vũ Khâm Lân tới thăm hậu duệ đời thứ 7 và thứ 8 của Trạng Trình tại chính nền nhà xưa, đúng là thời loạn liên tiếp giữa các phe Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn...Cho tới triều Nguyễn Gia Long cũng chỉ được hơn 60 năm lại bị Thực dân xâm lăng, mà trong 60 năm đó, loạn lạc vẫn liên miên tại miền Bắc bộ (riêng hai đời Minh Mệnh, Thiệu Trị 1820-1847 đã có tới 250 vụ loạn) , cho tới thập niên 1980 mới tạm gọi là yên ổn. Phải đợi tới khi sao Ngưu, chủ tinh của bậc đại nhân xuất hiện trên Bảo giang thì đất nước mới lại phục hưng, đại hồng vận non sông mới rục rờ.

Bài Sấm trên cho thấy Trạng Trình đã dùng tới Dịch lý và phải cộng thêm với Chiêm tinh (Thái Ất, Thái Huyền ?) mới tính ra được thời " *sao tụ* " trên Bảo giang và " *tám đời sau bình qua* ", mà một

quẻ Dịch thường không " *động* " cho một quãng thời gian dài cả 500 năm như vậy.

Thái Ất, Thái Huyền hay là Chiêm Tinh Tuyệt Sơn Hy Mã ?

Trạng Trình đã viết Sấm, không nghi ngờ gì nữa, nhưng viết Sấm bằng nguồn gốc lý số nào, đây còn là một nghi vấn .

Lý số học Đông phương phần lớn dựa trên Kinh Dịch, từ Âm Dương Ngũ Hành, tới Bát quái, 64 quẻ...theo đó mà luận, từ Nho, Y, Lý, Số, cho tới làm lịch... đều không ra ngoài Dịch lý. Muốn kỹ càng chi tiết hơn, với các công thức áp dụng cho tiện việc tính toán (ví lý số là một môn Toán học Thiên văn), phải dùng thêm các sách luận giải về Kinh Dịch, trong đó Thái Ất Thần Kinh là một.

Nguyên Thái Ất Thần Kinh còn gọi là Thái Ất Kim Tiên là một tập sách có từ đời Đường (thế kỷ VI-VIII có thể là sách Thái Ất Kim Kỉnh Thức Kinh của Vương Hy Minh) rất cao siêu nên được gọi là Kinh, mà Kinh này cũng lại bắt nguồn từ sách Thái Ất từ đời Chiến Quốc (481-249 trước Dương lịch). Thái Ất là tên một vì sao lớn, có chu kỳ 40 năm một vòng, đi qua đâu thì giáng an lành mưa thuận gió hòa, có người cho là thuộc bộ Càn tức là sao Bắc thần hay Bắc đẩu, cũng có thể là sao Thái Tuế theo khoa Tử Vi.

Một học giả đời Minh là Viên Đàm lại cho rằng sách Thái Ất Thần Kinh chính là sách Thái Huyền của Dương Hùng đời Hán (năm 53 tr.DL). Dương Hùng tuy dựa theo Kinh Dịch mà viết ra Thái Huyền, nhưng ông chi tiết hóa và công thức hóa thành một bộ sách áp dụng vào lý số nên sau này các nhà thuật số đều lấy đó làm cứ điểm.

Dịch thì lấy Âm Dương làm gốc, Huyền thì lấy *một, hai, ba*, làm gốc cho mọi biến hóa trong trời đất :

" *Huyền có hai đạo, một là lấy 3 mà sinh, lấy 3 mà khởi là Phương, Châu, Bộ, Gia ; lấy 3 mà sinh là chia khí Dương ra làm 3, chồng lên 3 lần, đến chín Doanh là cùng cực...* " (Nho Giáo - Trần Trọng Kim). Mỗi Gia lại biến ra 3 Thủ, mỗi Thủ lại có 9 Tán. Dịch thì có 6 hào hợp thành 384 hào, Huyền thì có 9 Tán, hợp lại làm 729 Tán (Phương 3 x Châu 3 x Bộ 3 x Gia 3 x Tán 9 = 729). Như thế Thủ tương đương với Quẻ, Tán tương đương với Hào của Dịch. Áp dụng vào lịch pháp thì lấy hai Tán làm một ngày, một Tán ngày, một Tán đêm, cộng vào thành 364 ngày rưỡi ($729 : 2 = 364.5$), nên phải thêm 2 Tán Cơ và Doanh vào cho thành 365 ngày 1/4.

Xem thể sách Thái Huyền là của đạo gia, dựa trên Đạo Đức Kinh, *nhất sinh nhị, nhị sinh tam* mà diễn luận.

Sau Dịch, đến Huyền, tới thế kỷ XI đời Tống, lại thêm Thần của Thiệu Ung (1011-1017) với sách Hoàng Cực Kinh Thế, luận cả về Dịch lẫn Huyền. Thần giống như Đạo, là Thiên lý, là Tính, dầu biến dịch thế nào cũng vẫn không tiêu hoại (tương tự như Phật tính), nên phải Phục tính để đạt tới Thần, Thần lan khắp vạn vật, mọi sinh linh đều có trong bản chất. Thiệu Ung chia cuộc biến hóa của vũ trụ ra làm Nguyên, Hội, Vận, Thế. Mỗi Nguyên là 129600 năm, gồm 12 Hội. Mỗi Hội có 10800 năm, gồm 30 Vận. Mỗi Vận có 360 năm, gồm 12 Thế. Mỗi Thế là 30 năm (một Thế hệ).

Cuộc Thịnh, Suy, Tiêu, Trưởng cứ thế tuần hoàn, mỗi Hội ở một quẻ Tỵ, Sửu... Trời sinh ở Hội Tỵ, Đất thành ở Hội Sửu (Trâu cày ruộng), Người sinh ở Hội Dần (mạnh mẽ như hổ)...Đời Nghiêu

Thuận là cuối hội Ty (dương trường âm tiêu) nên cực thịnh, sang hội Ngọ, dương tiêu âm trường không còn cực thịnh nữa, là hội thể gian hiện tại, ta đang ở cuối hội Ngọ.

Xem thể Thiệu Ung nối kết Dịch với Đạo, với Phật (lúc đó đạo Phật đã rất thịnh ở bên Tàu) và toán pháp hóa để tạo thành khoa lý số, cùng với Chu Đôn Di và nhất là Trần Đoàn (số Tử Vi).

Trạng Trình, có bà mẹ rất giỏi về lý số, có thầy trao truyền sách Thái Ất, tất phải tinh thông *Dịch, Huyền và Thần*. Đây là ba môn căn bản lý số mà từ đời Lý, Trần, các nhà sư Mật tông như Định Không, Vạn Hạnh có thể đã xử dụng để làm Sám. Những sách này không phải bí truyền mà vì cao siêu quá nên ít nho sinh chịu nghiên cứu, chỉ có một số ít đầu óc thông minh, có năng khiếu thiên văn toán số, mới lĩnh hội được. Cũng như bên Tây phương thế kỷ XVI-XVII những sách về thiên văn vật lý của Kepler, Copernic, Newton... rất ít người đọc và rất ít người nắm vững.

Vấn đề ở đây là ngay những sách Thái Huyền, Hoàng Cực, Tử Vi... đời Hán, đời Đường, đời Tống... đã chịu ảnh hưởng tới đâu của Mật tông Phật giáo Tây Tạng và huyền học Vệ Đà Ấn Độ do con đường Tơ Lụa (*Silk Road*) và đường biển phía Nam mang sang ? Nhìn bố cục lá số Tử Vi của Trung Hoa giống như in lá số chiêm tinh của Nam Ấn Độ, xem cách tiên tri của các nhà sư đời Đinh, Lê, Lý... không những thấy dấu vết của Dịch lý mà còn thấy dùng phương thức khác để đoán Tên người, đoán Nơi chốn, đoán Tinh đầu hội tụ vào một điểm chuẩn xác trong thời gian và không gian... những tính toán chuẩn xác này vốn là ưu điểm của khoa chiêm tinh Ấn và khoa chiêm tinh Tây phương (xem phần Sám Vạn Hạnh). Có thể suy diễn là Trạng Trình và các môn đệ tinh thông lý số của ông như Trương Thời Cử, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan... đã dùng các tài liệu của Tàu và không thể không nghiên cứu các Sám ký lưu truyền trong nhà chùa. Ta thấy Trạng Trình rất thông đạo Phật, hay cùng các nhà sư già đi thăm các nơi danh thắng nhất là vùng Yên Tử trung tâm Thiền phái đời Trần, lại thêm có gạch nối rõ ràng giữa Sám Vạn Hạnh và Sám Trạng Trình về điểm Thánh Xuất với " *Lý đi rồi Lý lại về* ", và Trạng Bùng quê quán Sơn Tây hẳn không thể không quan tâm tới " *núi Tản sông Đà* " là những địa danh được nhắc tới nhiều lần trong tập Sám.

Sám Trạng Trình như một sứ điệp lịch sử

Sám Trạng Trình đầu tiên chắc được giữ kín đáo trong một nhóm môn đệ thân cận như Phùng Khắc Khoan, Trương Thời Cử, Nguyễn Dữ..., với số môn đệ đào tạo trong hơn 50 năm, lên tới 3000 người, thơ văn sám ký của ông thầy hẳn đã được sao chép hoặc ít ra cũng được truyền khẩu, chưa kể cả vua, quan và quần chúng đều đã biết rất nhiều về tài tiên tri của Trạng. Tập Sám đã đi vào mọi giới và mọi nơi, kể cả vào Thuận Quảng với nhóm di dân mang theo cảm nang " *Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân* " và có thể có cả người của Trạng Trình gửi theo lớp viễn chinh ấy.

Có thể đặt giả thuyết là Trạng Trình chỉ bốc quẻ, giảng truyền cho môn đệ chứ không viết xuống thành tập. Bài Sám giảng cho Trương Thời Cử kể trên là một thí dụ điển hình. Sau đó các cao đồ mới sao chép lại thành tập, đặt ra thành lời thơ năm, sáu chữ... rồi lưu truyền. Tập *Sám Văn* và *Chu Dịch Quốc Âm Ca Quyết* của Phùng Khắc Khoan cần phải được tìm kiếm và nghiên cứu (nếu còn lưu truyền), hai thầy trò rất tương đắc đến độ có thuyết cho là hai anh em cùng mẹ khác cha mặc dầu Phùng Khắc Khoan kém Trạng Trình tới 37 tuổi ! Có chuyện kể rằng Trịnh Kiểm cho người ra tận Hải Dương vắn kể " *Phục Lê diệt Mạc* ", Cụ không trả lời chỉ sai người nhà vớt chiếc chiếu ra sân. Sứ giả về Thanh Hóa kể lại, triều thần không ai hiểu ý, chỉ có Phùng Khắc Khoan là hiểu ngay ý thầy : *phải đánh mau như cuốn chiếu* (*Tịch quyền trường khu*, theo binh pháp).

Tám đời sau, Vũ Khâm Lân viết tựa cho Gia phả họ Nguyễn Bình không thấy nhắc tới tập Sấm Ký. Lý do là Sấm ký, lý số, vốn bị các nhà Nho cho là "ngoại thư", hơn nữa nhắc tới một ông Trạng quân sư của nhà Mạc, bị nhà Lê gạt tên ra khỏi văn miếu, không phải là dễ dàng ở thế kỷ XVIII dưới thời Lê-Trịnh, vì thế Vũ Khâm Lân mới phải nhắc khéo là Trạng Trình tuy sinh trên đất Mạc nhưng cũng đã góp công đào tạo rất nhiều nhân tài phục vụ cho nhà Lê như Trạng Bùng, Lương Hữu Khánh... Nhưng không phải vì thế mà Sấm Trạng bị thất truyền, mấy ngàn môn đệ đã reo rắc lời thầy khắp nơi, nó được kính cẩn gìn giữ trên "bia miệng trơ trơ", trong tâm não của giới nho lâm, được phát triển và bàn bạc thêm theo đúng ý Mạc Triều Trạng Nguyên Tể Tướng, một ngôi sao Bắc đẩu mà lịch sử Việt Nam tới nay cũng chỉ có một.

Điều chắc chắn là Sấm Trạng Trình đã có ảnh hưởng sâu rộng trong giới tranh bá đồ vương ngay từ thời thế kỷ XVII. Năm 1671, có đảng Bạch Sỉ được thành lập để phò Lê diệt Trịnh, tên *Bạch Sỉ* lấy từ Sấm Trạng Trình, chỉ danh bậc đại nhân sẽ xuất hiện. Đời Gia Long, đầu thế kỷ XIX, Lê Duy Hoán khởi nghĩa ở Thanh Hóa, làm lá cờ thêu chữ " *Phá Diên* ", lấy từ câu " *Phá diên Thiên tử giáng trần* " của Sấm Trạng Trình, Lê Duy Hoán tuổi Thân, *phá diên* chiết tự có thể thành chữ Thân ! Thời đầu thế kỷ XX, có nhóm thần *Tản Viên* ở miền Bắc Việt !

Cho nên lời Sấm còn truyền tới ngày nay là lời Sấm truyền khẩu hoặc sao chép từ giới sĩ tử học trò Trạng Trình, tới thế kỷ 18-19 có nhà nho viết xuống thành tập, thành bài không nhất định, rồi lại dùng thơ lục bát để diễn ý. bên cạnh những câu " *chính truyền* ", còn có các câu sấm " *diễn nghĩa* ", rồi tất nhiên xen những câu *giả mạo* với dụng ý tuyên truyền nhất là vào thế kỷ XX hiện tại.

Độc Sấm Trạng Trình

Sấm cũng như Kinh, đòi hỏi người đọc một vài tiêu chuẩn tâm thức giúp cho việc lĩnh hội. Người viết Sấm như Trạng Trình khi bốc quẻ đã phải hết sức tập trung và thành tâm thì quẻ mới ứng, chưa kể kỹ thuật tính toán suy diễn đòi hỏi rất nhiều tâm huyết.

Người viết Sấm thuộc loại Thánh nhân, người đọc Sấm cũng cần tĩnh tâm để đốt lửa soi gan kim cổ. Phá chấp kiến, vượt ngã mạn, trực chỉ nhân tâm mà kiến cái " *Huyền* " của lịch sử.

Sấm Trạng Trình luận giải về Lịch sử dân tộc 500 năm sau tức là vào hiện đại. Nhìn dân tộc như một khối sinh động trôi trong thời gian, thịnh suy theo chu kỳ tinh đầu *thiên địa nhân* nhất thể, Trạng Trình không phải chỉ đoán *sự* mà còn để cái *tâm* vào cuộc thăng trầm của dân tộc mà ông suốt đời thao thức, tận tụy. Thế nên hậu thế đọc Sấm chẳng những để tìm hiểu cái *sự biến* mà còn cảm thông cái *sự tâm*, thì mới quán chiếu nỗi phần nào nỗi lòng nặng trĩu của tiền nhân truyền lại.

Trong tâm nguyện đó, chúng tôi luận giải lời Sấm sau đây, với chiếc chìa khóa do cố bác sư Ba La (1870 ? -1973) khẩu truyền để khai mở những ẩn ngữ và mật ý.

Phần Sấm Chữ Nho

1 - Mẫu thân tam thập lục tuế

Hậu sinh thiên tử Bảo giang môn

Bậc thiên tử xuất ở Bảo giang, mẫu thân sinh ra ngài lúc 36 tuổi. Khi sinh ra đã cách trở song thân. Câu sấm truyền khẩu khá phổ biến, tương hợp với nhiều đoạn khác về địa danh Bảo giang, tức sông Đà giang. Phần sấm chữ nôm cũng có câu tương tự :

Tiền sinh cha mẹ đà cách trở

Hậu sinh thiên tử Bảo giang môn

2 - *Thiên sinh thiên tử ở hỏa thôn*

Một nhà họ Lý phúc sinh tôn

Trời sinh thiên tử ở *hỏa thôn* (?), dòng dõi phúc đức con cháu nhà Lý. Tên thôn làng thánh nhân trong có chữ *hỏa* (Hán tự) hoặc hỏa cũng là phương Nam, tức Viêm bang chỉ nước Nam ta. Vua Tự Đức sửa họ Lý thành họ Nguyễn vì là họ Triều Nguyễn Gia Long (theo cụ Ba La). Triều Nguyễn rất hẹp hòi thiên cận như đặt ra lệ tam bất (không phong chức Hoàng hậu, Tể Tướng, Trạng Nguyên) vì sợ lạm quyền . Suốt thời các vua Nguyễn, không một người nào ở đất Bắc làm tới nhất phẩm tứ trụ, mặc dầu tổ tiên họ Nguyễn vốn xuất từ miền Bắc ! Nạn kỳ thị địa phương này kéo dài tới thời Bảo Đại mới tạm dứt. Các nhà phong thủy bàn rằng từ thế kỷ 16 tới 20, các long mạch đi vào phương Nam đất cũ của Chiêm Thành, Chân Lạp vong quốc, ma khí nặng nề, nên dân tộc chịu nhiều khổ ách tai ương.

3 - *Dục thức thánh nhân hương*

Quá cầu cư Bắc phương

Danh vi Nguyễn gia tử

Kim tịch sinh Ngưu lang.

Muốn biết hương quán thánh nhân, hãy qua cầu về phương Bắc, con cháu họ Nguyễn (Lý), ánh sáng vàng sinh Ngưu lang.

Họ Lý sau khi bị Trần Thủ Độ " *nhỏ cỏ phải nhỏ cho tận gốc* " (1225), đã phải trốn tránh, có hoàng thân vượt biển trốn sang Cao Ly như Hoàng tử Lý Long Tường, những người còn lại phải cải sang họ Nguyễn như Tiến sĩ Nguyễn Tư Giản (1823-1890), nhà văn Nguyễn Triệu Luật thời tiền chiến là dòng dõi hoàng tộc nhà Lý, hoặc bị truy nã phải đổi họ đổi tên ra họ Bàng như tổ tiên thi sĩ Bàng Bá Lân...Kim tịch có thể chỉ hướng Tây , và Ngưu có thể là ngôi sao bản mệnh của thánh nhân.

Có bản chép :

Danh vi Nguyễn gia tử

Tinh bản tại Ngưu lang

cùng nghĩa với câu trên, tinh bản càng rõ ý sao Ngưu bản mệnh.

4 - *Thủy trung tàng bảo cái*

Hứa cập thánh nhân hương

Mộc hạ châm châm khẩu

Danh thế xuất nan lường

Giữa có nước tàng lộng quý, mới tới được quê hương thánh nhân. Tên thánh nhân " *mộc hạ châm châm khẩu* " là lỗi chiết tự của cổ nhân, chữ châm gồm chữ *kim* và chữ *thập* Kim chỉ phương Tây (*Đoài phương phúc địa giáng linh ...*), thập chỉ danh " *có thầy Nhân Thập đi về* ". Nhân Thập là thánh Tản, năm chữ nhân và một chữ thập thành chữ Tản. Ba chữ *mộc*, *hạ*, *khẩu*, không chiết tự được vào nghĩa nào, cụ Ba La chỉ cho biết tên nhưng không giải thích thêm . Chữ *khẩu* và chữ *thập* có thể thành chữ *điền* trong câu " *phá điền thiên tử giáng trần* " .

Bảo cái là lộng quý tức núi Tản hình cái lộng (Tản Viên), *thủy trung* có thể là núi Tản bên bờ sông Đà giang, hoặc đỉnh non Tản có ao nước (nay chỉ còn ao nhỏ róc rách nước từ vách núi chảy xuống). Nghĩa sau hợp lý hơn. Thánh nhân xuất thật khó lường (*nan lường*). Có bản chép về đoạn này như sau :

Dục thức thánh nhân hương

Quá kiều cư Bắc phương

Dục thức thánh nhân danh

Mộc hạ châm châm khẩu

cũng không khác nhau về ý nghĩa.

5 - Bảo giang Thiên tử xuất

Bất chiến tự nhiên thành

Phân phân từng bách khởi

Nhiều nhiều xuất Đông chinh

Thiên tử xuất ở sông quý, không cần chiến chinh cũng thành công, bậc quân tử khởi nghiệp (từng bách cây cao bóng cả chỉ bậc thánh nhân quân tử) xuất phát về hướng Đông mà chinh phục lòng người. Bảo giang tức sông Đà, Sơn Tây, từ Tây sang Đông là hướng *quần tiên khởi nghĩa chẳng phân hại người*.

Trạng Trình là bậc Trạng Nguyên, không mơ hồ Đông Tây Nam Bắc, cụ ngồi ở Bạch Vân Am (Hải Dương, Hải Phòng bây giờ) nhìn về Tây là núi Tản, hoặc lấy cứ điểm là kinh thành Thăng Long để định hướng cũng vậy. Không thể nói phương Tây là miền Tây Nam Phần Việt Nam được.

Có bản chép : *phân phân từng bách khởi* không hợp nghĩa. Hai câu đầu người Việt Nam không mấy ai không thuộc lòng , sấm Trạng Trình có thể gọi là cuốn Sách Ước của dân tộc, ăn sâu vào tàng thức mọi người.

6 - *Bảo sơn thiên tử xuất*

Bất chiến tự nhiên thành

Lê dân đào bão noãn

Tứ hải lạc âu ca

Thiên tử xuất từ núi quý, không dùng binh vẫn đạt thành, dân đen đều vui mừng no ấm (**bão** bộ thực mới có nghĩa no ấm, bộ thủ nghĩa là ôm ấp, không thích hợp) , bốn biển an lạc thanh bình.

Bảo sơn, Bảo giang là đất kết phát bậc thánh nhân. Núi Tản làm cái án che độc khí phương Bắc cho thành Đại La (Thăng Long sau này), là đầu rồng long mạch tụ hội, đột ngột nổi cao 1300 mét trên đồng bằng. Sông Đà là tay hổ hùng mạnh đổ từ vùng Vân Nam xuống cùng đại thế Hy Mã Tây Tạng truyền về nước Việt. Cự Ba La cho rằng bậc thánh nhân này có thể thống lĩnh cả Trung Hoa, ít nhất là phần đất cổ xưa của Bách Việt. Như thế mới hết nghĩa của *chữ tứ hải*.

Xét theo đại thế phong thủy, Trung Hoa có núi cao sông dài hơn nước Việt nhỏ bé, nên Trung Hoa ở thế đại cường thiên hạ. Tuy vậy long mạch Dương Tử Giang đang bị cắt phá vì công trình xây cất đập nước, con rồng lớn Trung Hoa trong thiên kỷ tới có thể vì thế yếu đi, sẽ bị đại địa kết phát Bảo sơn Bảo giang khuynh loát. Lịch sử theo luật tiến hóa thăng trầm, không nước nào mạnh mãi, không nước nào yếu mãi. Long mạch cũng theo định luật đó, thời kết phát, thời suy vong.

7 - *Mại dĩ lê viên dưỡng*

Khởi nguyệt bộ đại giang

Hoặc kiều tam lộng ngân

Hoặc ngụ kim lăng cương

Xét đại ý thánh nhân khi chưa xuất hiện, sinh sống nơi vườn tược (lê viên dưỡng), lúc vui với trăng nước bên sông , lúc hóng mát bên cầu, bờ đê, lúc trú ngụ ở Kim lăng cương... Kim cương chỉ vùng núi phương Tây.

Câu này được nhắc lại trong phần chữ nôm : *Vua còn cuốc nguyệt cây mây...*

8 - *Nhân nghĩa thù vi địch*

Đạo đức thực dĩ đương

Tô truyền nhị thập ngũ

Vận khai ngũ diên trường

Nhân nghĩa đạo đức của thánh nhân không ai có thể đương đầu chống lại, ngài ở ngôi thiên tử hai mươi lăm năm, để lại đại hồng vận cho dân tộc năm trăm năm.

Hai triều đại vương đạo lâu dài nhất trong sử Việt là Lý và Trần cũng chỉ trên dưới 200 năm. Thánh nhân khai sáng nghiệp 500 năm phải được long mạch trường thế tương đương với họ Hồng Bàng. Thánh Tản là con rể vua Hùng và đã làm vua một thời gian ngắn trước khi họ Hùng chuyển sang họ Thục. Thánh nhân là hóa thân của thánh Tản, lấy đức mà trị dân, đưa dân tộc trở lại vinh quang thịnh trị của thời Hùng vương lập quốc.

9 - *Thiên dữ thần thực thụy*

Thụy trình ngũ sắc quang

Kim kê khai lựu diệp

Hoàng cái xuất quý phương

Trời đất thánh thần cùng báo điềm lành, mây ngũ sắc hiển hiện, gà vàng mở lá lựu, long vua xuất hiện phương quý.

Ca dao có câu :

Nhất cao là núi Tản viên

Núi thất cổ bông mà lại có thánh sinh

hoặc đồng dao :

Bông bông bông núi thất cổ bông mà có thánh sinh

Câu sấm này lại nhắc tới long vua (*hoàng cái*) tức Tản viên, ở quý phương tức phương vàng (kim) là phương Tây. Trong chữ *lựu* có chữ *điền*, *khai lựu diệp* cũng có nghĩa như *phá điền thiên tử giáng trần*, cổ nhân muốn gợi ý thánh Tản xuất. *Phá chữ điền lộ ra chữ thập* , là thấy danh " *nhân thập* " trong câu " *có thầy nhân thập đi về, tả phù hữu trì, cây cỏ làm binh* ".

10 - *Quần gian đạo danh tự bách tính khổ tai ương ma vương sát đại quý hoàng thiên tru ma vương*

Bọn gian tà ăn trộm chữ nghĩa làm trăm họ khổ sở, ma vương giết đại quý, nhưng trời cao sẽ tiêu diệt ma vương.

Câu đầu dường như ám chỉ bọn gian tà giả nhân giả nghĩa, bày đặt ý thức hệ , diễn trò điên đảo tưởng, miệng nói bình đẳng bác ái, lòng lại tham tàn độc ác. Hai câu cuối rất phổ biến, nhiều người thuộc lòng. Tuy vậy lời sấm ứng vào giai đoạn lịch sử nào thì không được rõ, vì từ sau đời Trịnh, suốt 400 năm nhiễu nhương biến loạn làm than, lịch sử quay cuồng đủ mọi phường ma quỷ bá đạo, trăm họ chỉ còn biết nhìn Trời cao mà cầu khẩn. Có người cho rằng đại quý là Tây thực dân, ma vương là Cộng sản, nay tổ Nga Cộng đã bị tru diệt là ứng với lời sấm.

Đây là một trong những đoạn sấm hay và có giá trị văn chương, chỉ tiếc rằng không có liên hệ với câu khác để định thời điểm. Mới đọc có cảm tưởng như một nhà nho nào đặt ra vào thời hiện đại, khoảng

1945-50, nhưng lời sấm này đã có chép trong bản 1930 của Sở Cuồng (Nam Ký thư xã -Hà Nội) và bản Đại La (1948), và lại hai câu cuối truyền khẩu trong dân chúng từ nhiều thế hệ.

11- *Bắc hữu kim thành trắng*

Nam tạc ngọc bích thành

Hỏa thôn đa khuyến phệ

Mục dã dục nhân canh

Bắc có thành vàng trắng lệt, Nam tạc thành ngọc xanh, xóm lửa vang chó sủa, mong người canh tác cánh đồng quê.

Đoạn này lại nhắc tới *kim thành* (kim là phương Tây) và *hỏa thôn* là thôn làng thánh nhân (*thiên sinh thiên tử u hỏa thôn*) .Có thể đoán là năm Tuất (khuyến)- 2006- thánh nhân xuất chăm sóc muôn dân, ứng hợp với câu :

Canh Tân tàn phá

Tuất Hợi phục sinh

Canh Thìn , năm 2000, Tân Ty, 2001, là hai năm đại loạn thế giới theo nhiều chiêm tinh gia Tây phương. Tuất , Hợi (2006-2007), thế gian sẽ phục sinh an bình trở lại. Thánh nhân xuất vào năm Tuất để phục hưng bốn phương cũng hợp với Quẻ Phục là quẻ Dịch mà Trạng Trình thường nhắc tới trong Bạch Vân Thi Tập.

Hai câu : Bắc có kim thành, Nam tạc thành ngọc bích, không rõ nghĩa. Có người gượng đoán là Nam, Bắc Việt đều có đất quý, thiết tưởng là chủ quan thời đất nước chia hai.

Hai chữ *hỏa* và *khuyến* đều liên quan chiết tự với tên Thánh nhân.

12 - *Nam Việt hữu Ngưu tinh*

Quá thất thân thủy sinh

Địa giới Xỉ vị BẠCH

Thủy trâm nhĩ bất kinh

Nam Việt có sao Ngưu, quá thất thân mới sinh, địa giới răng chưa trắng, nước chìm tai chẳng kinh.

Lại nhắc tới sao Ngưu chủ tinh của thánh nhân, *quá thất thân* : có thể ám chỉ thời xuất thánh như câu " *lục thất nguyệt gian* " trong đoạn sấm khác, hoặc nếu chữ thất là bảy thì tạm hiểu là ngoài bảy mươi tuổi, hoặc là một cách tính độ sao Ngưu xuất lộ vào *vận thất khai* (?).

Hai câu sau là câu đối : *Địa giới* đối với *thủy trâm*, *xỉ* đối với *nhĩ*, *vị bạch* đối với *bất kinh*. Ở đây

đưa ra một tên khác của thánh Tản là Bạch Sĩ, trong chữ Sĩ (rắng) có 4 chữ *nhân*, *ám chỉ Nhân Thập tức thánh Tản*, chữ Bạch (trắng) là ẩn ngữ chỉ danh. Trong bài thơ tiên tri của chúa Liễu giáng cũng có câu : *non xanh mà mọc trắng rắng cũng kỳ*, đều hàm chứa tên thánh nhân. Cụ Ba La cho biết tên nhưng không nói rõ cách chiết tự hoặc ghép chữ, chưa thấy ai tìm ra cách cắt hoặc ghép đúng .

13 - *Phú quý hồng trần mộng*

Bần cùng bạch phát sinh

Anh hùng vương kiếm kích

Manh cổ đồ thái bình

Công danh phú quý như giấc mộng hồng trần, lúc bần cùng mới bạch phát sinh ra, bậc quân vương anh hùng lập chiến công dựng nghiệp lớn, kẻ mù lòa lại được thấy thái bình âu ca !

Bạch phát sinh là ba chữ chìa khóa trong đoạn này, chữ *bạch* nhắc tới Bạch Sĩ, *bạch phát* hàm ý bạch ốc phát công danh. Bần cùng : chú ý chữ *cùng* có bộ *huyết* .

Đoạn này dùng ẩn ngữ với tứ thơ cao siêu, vừa nói lên thân thể thánh nhân từ bạch ốc phát sinh, coi phú quý như giấc mộng, vừa dùng ảnh tượng người mù thấy cảnh thanh bình, lại thêm vài nét chữ gợi danh tính thiên tử. Quả là tuyệt bút !

14 - *Tại sơn vô hổ lang*

Thất thập nhị hiền tướng

Phụ tá thánh quân vương

.....

Tỵ nhân vi tướng

Thìn Tuất vi quân sư

Vùng rừng núi Tản Viên (Ba Vì) đặc biệt không có hổ lang ác thú, 72 vị tôi hiền phò tá bậc thánh vương. Thất thập hàm ý rất nhiều nhân tài có đức độ , là những phò tinh chung quanh sao Ngưu, chủ tinh sáng láng của quẻ Phục Viêm Bang.

Thần núi Tản gọi là Trụ Quốc Đại Vương, đời vua Lý Nhân Tông lập đền thờ trên ngọn núi thứ nhất có 20 tầng tháp. Thần núi Tản rất linh thiêng, Cao Biền phải sợ, ngay Chúa Trịnh Sâm (1767-82) đi dẹp loạn miền Tây, muốn leo lên núi cũng không được, mưa gió hốt nhiên nổi lên , quân sĩ lạc đường, không tìm ra lối trèo.

Hai câu cuối : người tuổi Tỵ làm tướng, người tuổi Thìn và Tuất làm quân sư , không có trong nhiều bản in, chúng tôi ghi lại để tồn nghi.

15 - *Thượng đại nhân bất nhân*

Thánh ắt dĩ vong ân

Bạch hổ kim đài ấn

Thất thập cổ lai xuân

Bốn câu này không rõ nghĩa đen và nghĩa bóng. Chỉ có hai chữ gợi ý là chữ bạch (Bạch Sĩ) và chữ kim (phương Tây). *Thất thập cổ lai xuân* : phải chăng thánh xuất vào tuổi thất thập ?

16 - *Ký mã khu dương tâu*

Phù kê thăng đại minh

Trư thử giai phong khởi

Thìn Mão xuất thái bình

Nghĩa : Ngựa hay đuổi dê chạy, giúp gà lên sáng chói, bọn chuột heo nổi như ong, Thìn Mão xuất thái bình.

Bàn : Nếu nói Mã là năm Ngọ, Dương là Mùi (dê), Kê là Dậu, rồi Năm Thìn năm Mão... thì suốt 400 năm sau Trạng Trình biết bao nhiêu năm Thìn năm Mão ! Bốn câu này nếu là Sấm Trạng thì ứng vào khoảng thời gian gần đời Trạng Trình hoặc do người sau tùy cơ tạo tác ra không rõ thời điểm.

Bốn câu rất phổ biến sau đây cũng rơi vào trường hợp mù mờ như trên :

Long vĩ xà đầu khổ chiến tranh

can qua xứ xứ khởi đao binh

Mã đề dương cước, anh hùng tận

Thân Dậu niên gian kiến thái bình

Nghĩa : Đuôi rồng đầu rắn khổ chiến tranh, can qua xứ xứ khởi đao binh, móng ngựa chân dê anh hùng hết, năm Thân năm Dậu thấy thái bình.

Bàn : Dường như bốn câu này xuất hiện vào khoảng 1940-45 nói về Đệ Nhị Thế Chiến, cuối Thìn 1940, đầu Rắn 1941 bắt đầu đại chiến... năm Thân 1944, năm Dậu 1945 thấy thái bình ? Những câu loại *rồng rắn dê ngựa* này được tung ra rất nhiều từ khoảng 1930 tới nay, giống như một trò chơi chữ đánh vào ước vọng của quần chúng ! hoặc phản ảnh mặc cảm tự cao của người muốn làm bậc tiên tri phán ra thánh ngôn nào đó (complex of grandiosity) ? Nếu là Sấm Trạng Trình tất phải liên quan tới chủ đề và phải có mốc thời gian để suy diễn.

Bốn câu sau đây cũng giống trường hợp trên, nhưng dụng ý tuyên truyền rõ ràng hơn :

Cửu cửu càn khôn dĩ định

Thanh minh thời tiết hoa tàn

Trực đảo dương đầu mã vĩ

Hồ binh bát vạn nhập Trường An

Cuối Ngọ (1954 ?), đầu Mùi (1955 ?), tám vạn Hồ binh vào Thủ đô, trời đất đã định chín chín, thời tiết thanh minh hoa tàn.

Cửu cửu mà giải là 81 hoặc 99 thì không thể đúng vì Sấm ký không dựa trên dương lịch ! Nếu nói là bộ đội Việt Minh vào Hà Nội năm 1954 thì không vào tiết thanh minh và không có 80,000 quân !

17 - Đoàn phương phúc địa giáng linh

Cửu trùng thủy ứng long thành ngũ vân

Phá điện thiên tử giáng trần

Dũng sĩ nhược hải mưu thần như lâm

Bốn câu chữ nho làm theo thể lục bát này không phải là sấm Trạng Trình vì thể thơ lục bát viết bằng chữ nho chỉ mới xuất hiện từ thế kỷ XIX khi thơ nôm lục bát đã rất thịnh hành.

Tuy vậy nội dung lại rất sát với chủ ý của sấm Trạng Trình : Thánh nhân xuất ở phương Tây (*Đoàn phương*), chín tầng cao mây ngũ sắc hiện điềm lành trên Long thành (*Thăng Long ?*), *phá điện* thiên tử giáng trần, dũng sĩ phò tá như biển, mưu thần nhiều như rừng cây.

Đã bao bút mực đổ ra giải nghĩa chữ mật *Phá Điện*, nhiều người cho là chữ điện với nét phá là chữ *Thân* , thiên tử xuất vào năm Thân ! Lỗi đoán không cơ sở này sai hoàn toàn và làm Sấm Trạng Trình mỗi ngày một mù mờ thêm. Dựa vào ý chính chủ đề của Sấm Trạng là thánh nhân xuất ở phương Tây, núi Tản, có thể diễn dịch chữ *điện* phá ra bốn bờ ruộng thì lộ ra chữ *thập*, *nhân thập* là tên Thánh Tản, xin xem phần giải ở trên.

Ngoài bốn câu vừa kể chắc do người sau thêm vào với thiện ý làm sáng thêm ý nghĩa Sấm Trạng, còn một số câu lục bát khác, được chép trong nhiều sách, nhưng nội dung không hợp với chủ ý Sấm Trạng, và có nhiều phần do người sau tùy thời viết ra :

Càn khôn phú tài vô lường

Đào viên đỉnh phí quân dương tranh hùng

Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết

Đảo Hoành sơn tam liệt ngũ phân

Ta hồ vô phụ vô quân

Đào viên tán lạc ngô dân thủ thành

Nghĩa : Trời che đất chở khôn xiết kể, vườn Đào vạc sôi bầy dê tranh hùng, nhị ngũ thư hùng chưa quyết định, vùng Hoành sơn chia ba xẻ năm. Than ôi không cha không vua, Đào viên tán lạc dân ta thủ thành.

Đoạn này có thể nói về cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn giữa Trịnh, Nguyễn hoặc Tây Sơn- Nguyễn vào thế kỷ 17-18 xảy ra quanh vùng Hoành Sơn Thuận hóa (Huế).

Sáu câu lục bát sau đây rất đáng nghi ngờ, có thể được bịa đặt vào thời 1945-1948 khi Thủ tướng Trần Trọng Kim từ chức và xuất dương :

Trần công nãi thị phúc tâm

giang hồ xử sĩ Đào Tiềm xuất du

*tướng thần hệ xuất Y Chu thứ ky phục kiến Đường Ngu thi thành hiệu xưng thiên hạ thái bình
Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia.*

Nghĩa : Trần công chính là người tâm phúc, giang hồ xuất du như xử sĩ Đào Tiềm, trong đám quần thần nẩy ra người hiền như Y Doãn, Chu Công, sau này lại được thấy cảnh thái bình như thời Đường Nghiêu Ngu Thuấn.

Hai câu chót không ăn khớp với bốn câu trên vì *Trần công là tướng thần không lẽ xưng hiệu thái bình ?* nước Nam đã là quốc gia cả nghìn năm , không lẽ phải chờ *Đông Tây vô sự* mới thành một nước ! Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm không thể viết những câu như thế !

Ngoài ra một bài thơ chữ nho khác, được chép trong nhiều bản quốc ngữ in sau năm 1945, không có trong bản 1930 của Sở Cuồng Lê Dư và bản 1945 của nhà Đại La là bài sau đây :

Ô hô ! thế sự tự bình bồng

Nam, Bắc hà thời thiết lộ thông

Hồ ả sơn trung mao tận bạch

Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng

Kê minh ngọc thụ thiên khuyh

Bắc Ngu xuất Lam điền nhật chính Đông

Nhược đãi ưng lai sư tử thượng

Tứ phương thiên hạ thái bình phong

Bản dịch ra quốc văn của ông Ngự Phổ Giác :

Than ôi thế sự thật bình bồng

Nam, Bắc chùng nào thiết lộ thông

Hồ ẩn trong non, mao thấy trắng

Kinh ngoi ngoài biển huyết loang hồng

Gà kêu cây ngọc trời nghiêng

Bắc Trâu tới Lam điền nhật chính Đông

Tới lúc ưng về sư tử dậy

Thái bình mới tỏa khắp non sông.

Xem nội dung có thể thấy bài này được làm vào khoảng trước sau 1945, tác giả vô danh (một nhà sư ?) nói tới đường xe lửa (thiết lộ) Nam Bắc, tới tên Hồ và Mao, nhắc tới Gà (năm Ất Dậu 1945 ?)... Ba câu cuối vẫn dựa vào Sấm Trạng Trình : Trâu (Ngưu tinh) , Điền (phá điền thiên tử giáng trần), phải chờ tới bậc anh hùng (chim ưng, sư tử) xuất hiện thì đất nước mới thật sự thái bình.



Bảo Sơn Thiên Tử Xuất - Hình ba ngọn Tản Viên

PHẦN SÁM CHỮ QUỐC NGŨ

Phần Sám chữ quốc ngữ trong nhiều bản in dài khoảng 400 câu, thường viết theo thể lục bát hoặc song thất lục bát, cũng có khi xen thể ngũ ngôn, lục ngôn, thất ngôn.

Phần này có thể được phiên ra từ ba bản nôm của Trường Viễn Đông Bác Cổ : *Trình Tiên Sinh Quốc Ngữ*, *Trình Trạng Nguyên Sấm Ký Diễn Ca*, *Trình Quốc Công Sấm*.

Phân Sám chữ quốc ngữ không có giá trị chân xác bằng Sám chữ Nho vì nhiều lý do :

- Thời Trang Trình, thế kỷ XVI, **chưa có thể thơ lục bát** hoặc thể này mới phôi thai trong giới bình dân. Hơn một trăm bài thơ Nôm của Bạch Vân Thi Tập còn lại đều làm theo thể thất ngôn bát cú (bảy chữ tám câu) , thỉnh thoảng có bài sáu câu sáu chữ, không có bài nào làm theo thể lục bát.

- Viết bằng chữ Nho tiện cho Sám văn vì nhiều khi phải dùng tới ẩn ngữ, chiết tự, kinh Dịch, tinh đầu...vốn là ưu điểm diễn đạt *hàm súc* của Hán tự.

- Suốt 400 năm qua, thời Nho học, kẻ sĩ biết *trọng chữ nghĩa* của cổ nhân, ít ai dám bôi bác tác phẩm của người khác, lại càng không dám mạo danh một vị danh nho như Trang Trình để bịa đặt hoặc thêm thắt. Vì thế phần Sám chữ Nho tương đối giữ được nguyên tác, trong khoảng 90-100 câu, chỉ độ 16-20 câu (20 %) đáng nghi ngờ, đa số các câu khác đều phản ánh trung thực chủ đề của Sám Trang Trình. Một vài sửa đổi của vua Tự Đức (như đổi họ Lý ra họ Nguyễn) rất vụng về không ăn khớp với câu khác và với đại thể, nên các nhà Nho thời xưa đều phân biệt được.

- Từ 1930 tới nay, chữ quốc ngữ được sử dụng và thể lục bát rất phổ biến, lại thêm nhiều phe phái tuyên truyền trong hai ba thế hệ tranh chấp, nên phần Sám quốc ngữ bị thêm thắt xuyên tạc, thay đổi, nhiều khi trắng trợn và vô nghĩa.

Tuy vậy việc nhận ra nguyên bản không phải là không thể làm được. Một khi đã đọc toàn phần Sám chữ Nho, lấy được đại ý và tìm thấy chủ đề, đọc sang phần chữ quốc ngữ sẽ phân định được ngay chính giả.

Dựa vào tiêu chuẩn trên, *xoay quanh chủ đề Thánh nhân xuất*, chúng tôi luận giải sau đây những câu Sám đích thực hoặc những câu do cổ nhân (nhà Nho, nhà Sư...) viết thêm diễn nghĩa Sám Trang mà không có tà tâm xuyên tạc. Việc ghi hết các câu Sám ra đây không cần thiết vì lẽ không có bản Sám nào là chính bản, ngay cả những bản đầu tiên (1930) cũng sai sót.

1 - *Xem ý trời có lòng khai thánh*

Đốc sinh hiền điều đỉnh hộ mai

Chọn Đẩu, Thai, những vì sao cả

Dùng ở tay phụ tá vương gia

Bắc phương chính khí sinh ra

Có ông Bạch Sĩ điều hòa hôm mai

Đoạn này dùng khoa chiêm tinh , tính chu kỳ tinh đầu để tìm ra thời thánh xuất, sự tụ hội của các vì sao trên nền trời nước Việt, ở đây là sao Ngưu (chủ tinh, xem phần chữ Nho) và sao Đẩu, sao Thai trên phương Bắc vốn là phương chính khí theo Dịch lý. Danh hiệu Bạch Sĩ của Thánh nhân được nhắc tới nhiều lần trong bộ Sám. *Bạch* liên hệ tới tên Thánh, *Sĩ* hàm chữ Nhân, tức thánh Tản Viên. Tản Viên Sơn Thánh là một trong tứ bất tử của dân tộc Việt, ngài hóa thân vào một nhân vật để trị nước an dân.

2 - *Lại nói sự Đà giang sinh thánh*

Hoàng phúc xưa đã định Tây phong

Lầu lầu thế giới sáng trong

Lồ lộ mặt rồng, đầu có chữ vương

Rõ sinh tài lạ khác thường

Thuần Nghiêu là chí, Cao Quang là tài

Chữ Đà giang bị vua Tự Đức đổi là Hoàng giang, một con sông gần vùng phát tích của họ Nguyễn (Gia Miêu, Thanh Hóa), đổi như vậy dễ nhận ra vì câu sau Tây phong (Tây phương ?) ăn khớp với Đà giang, thuộc phương Tây đối với Thăng Long hoặc đối với Bạch Vân Am nơi Trạng Trình nhìn sao chép Sấm. Sau này có cơ quan tuyên truyền đổi thành : *Lại nói sự Nam Đàn sinh thánh*, Nam Đàn thuộc Nghệ An, phía Nam !

(Ông Phan Khắc Hòe cũng đã thuật lại năm 1945 chính ông đã đặt ra câu sấm : *Đụn sơn phân giải, Bò đái thất thanh, Nam đàn sinh thánh* để thuyết Bảo Đại thoái vị - Tạp chí CS 11-82 Hà Nội).

Đại Ý : Thánh nhân trị nước thanh bình nhân đạo như thời Nghiêu Thuần, tài giỏi như Hán Cao Tổ, Quang Vũ Đế trong sử Trung Hoa..

3 - *Đời này thánh kế vi vương*

Đủ no đạo đức văn chương trong mình

Uy nghi dung mạo khác hình

Thác cư một góc kim tinh phương đoài

Đoạn này mô tả dung mạo đức độ thánh quân vương, ngài xuất từ phương Đoài (tây phương, kim tinh). Thê thơ lục bát cho thấy đoạn sấm được viết vào thời sau, thế kỷ 18-19-20, như một công trình chú giải Sấm Trạng Trình bằng thơ nôm. Có thể đưa ra giả thuyết là Trạng Trình không viết Sấm, chỉ đọc một số quẻ Dịch (như quẻ Càn thuần quái cho học trò là Trương Thời Cử) hoặc quẻ Thái Ất... các môn sinh ghi nhớ sao chép lại, từ đấy lời Sấm được truyền đi, bằng chữ hoặc bằng lời. Một số quẻ tiên tri như vậy dần dần được chú giải thêm bằng thơ nôm sau này trong giới nhà Nho, nhà Chùa...tới thời hiện đại Sấm Trạng Trình trở thành một công trình tập thể.

3 - *Nói cho hay Khảm cung rồng dấy*

Chí anh hùng xem lấy mới ngoan

Chữ rằng lục thất nguyệt gian

Ai mà nghĩ được mới gan anh tài

Thánh nhân (rồng) dấy lên ở phương Bắc (Khâm cung), vào thời gian lục thất. *Lục thất nguyệt gian* có thể dựa trên lịch Thái Ất (?), trên vận thất khai (?), cụ Ba La không giải rõ mà chỉ nói Thánh nhân xuất vào thời này, nhưng trước khi xuất thì " *phương Bắc phải mạnh lên đã rồi mới tới đúng thời* ". Chữ lục thất giống sấm Nostradamus nói về tháng 7 tháng 8 dương lịch 1999, tức tháng 6 tháng 7 âm lịch chẳng ? Nếu vậy thì đây là đoạn sấm tính chu kỳ tinh đầu kỷ càn như sấm Nostradamus. Chúng tôi nghĩ chữ *lục thất* đã được xử dụng trong cả bài sấm của Sư Vạn Hạnh, như vậy đây là một ẩn ngữ hoặc một cách tính chiêm tinh lý số mà bây giờ không mấy ai thấu triệt.

4 - *Bốn phương chẳng động can qua*

Quần hùng các xứ điều hòa làm tôi

Bấy giờ rộng mở quy khôi

Thần châu thu cả mọi nơi vẹn toàn

Thánh nhân xuất bốn phương an tĩnh, mọi người mọi phe qui phục, bờ cõi mở rộng, thần châu bao gồm châu Kinh châu Dương khi xưa thuộc địa phận Bách Việt sẽ thu lại vẹn toàn cho nòi giống.

5 - *Xem tượng trời biết đường đời trị*

Ngẫm về sau họ Lý xưa nên

Dòng nhà để thấy dấu truyền

Ngẫm xem bốn báu còn in đời đời

Xem thiên văn biết nước Việt sẽ tới đời thịnh trị, nhà Lý thời xưa về sau lại dấy nghiệp lên. Bốn báu đời Lý để lại cho nước Nam ta là Tháp Báo Thiên, Phật Quỳnh Lâm, Vạc Phổ Minh, Chuông Phả Lại, còn gọi là An Nam tứ khí do quốc sư Nguyễn Minh Không chủ xướng như là dấu ấn của triều đại vương đạo thịnh trị.

Triều Lý khởi đầu vào năm Canh Tuất 1010, được 215 năm, thì bị họ Trần diệt. Trong các vương triều Việt Nam, đây là vương triều dài liên tiếp nhất và tương đối nhân đạo nhất sau đời Hùng Vương.

Đồng dao có câu :

Bao giờ rừng Báng hết cây

Đầm Long hết nước

Lý nay lại về

Rừng Báng và Đầm Long gần Đình Bảng, đất phát tích của họ Lý một ngàn năm trước. Nay rừng Báng cây đã chặt hết, đầm Long đã lấp từ lâu, vậy là tới chu kỳ họ Lý trở lại chẳng ?

6 - *Lại nói sự Đà giang sinh thánh sông Bảo giang thiên định ai hay lục thất cho biết ngày đây phụ*

nguyên ấy thực ở rày Tào Khê

có thầy Nhân Thập đi về tả phù hữu trì cây cỏ làm binh

giốc hết sức sửa sang vương nghiệp giúp vạn dân cho đẹp lòng trời ra tay điều đình hộ mai bấy giờ mới biết là tài yên dân lộ là phải nhọc kéo quân thấy Nhân ai chẳng mến Nhân tìm về

Năm Giáp Tý về khuê đã rạng lộ ngũ tinh trình tượng thái hanh ơn trên vũ thí vân hành kẻ thơ Ký túy, kẻ canh Xuân đài bản đồ chẳng sót cho ai nghìn năm lại thấy mọi nơi vẹn toàn

Đoạn này nhắc lại Bảo giang và *lục thất*, hai chữ lục thất chưa thấy tài liệu nào giải được rành mạch. Có thể chắc rằng đây là một cách tính trong kinh Dịch, Thái Ất... để cho mốc thời gian từ đó có thể tính ra chính xác thời điểm xuất hiện của " *Ngũ tinh tụ Bảo giang* " và " *Đại nhân cư chính trung* ". Trong đoạn sấm khác cũng có câu tương tự :

Quyển vàng mở thấy sấm trời từ Đình đôi đời chí lục thất gian

Trong khi chờ đợi các bậc cao minh nghiên cứu lý số tinh đầu để xác định, may thay trong đoạn số 5 và số 6 người xưa đã cẩn mật để thêm một mốc nữa đánh dấu thời điểm thánh xuất : Câu " Ngẫm về sau họ Lý xưa nên " được nối tiếp ở đoạn sau : " Nghìn năm lại thấy mọi nơi vẹn toàn ". Như vậy đã khá rõ khi ta đọc liền lại hai câu là *nghìn năm sau họ Lý lại thấy mọi nơi vẹn toàn*. Triều Lý khởi đầu năm 1010, khoảng nghìn năm sau là 2010, hợp với câu Sấm : *Canh, Tân, tàn phá* (Canh Thìn 2000, Tân Tỵ 2001), *Tuất, Hợi phục sinh* (2006-2007), *nhị ngũ dư bình* (nhị ngũ có thể là năm nhuận tháng 5 ?) sẽ thái bình.

Hai câu sấm khác cũng diễn tả tương tự :

Chó nọ vầy đuôi mừng Thánh chúa ăn no ủn ỉn, lợn kêu ngày

Chó là năm Tuất, Lợn là năm Hợi, cùng hợp vào câu " *Tuất,Hợi, phục sinh* ".

Câu " *thấy Nhân ai chẳng mến Nhân tìm về* " và câu trên " *có thầy Nhân Thập đi về* " nhấn mạnh khéo léo những chữ Nhân ám chỉ tên thánh Tản và cũng hàm ý nhân nghĩa đạo đức của bậc Thánh quân vương.

Chữ Giáp Tý có thể bị vua Tự Đức đổi vì năm Giáp Tý (1804) là năm vua Gia Long được Tàu phong vương mặc dù lên ngôi từ năm Nhâm Tuất (1802). Nếu suy diễn *một nghìn năm sau nhà Lý đúng*, thì câu đó phải đọc là năm Mậu Tý 2008 đi liền sau 2 năm *phục sinh* Bính Tuất 2006 và Đinh Hợi 2007. *Nếu là năm Giáp Tý chu kỳ sau, 2044, thì lại không ứng hợp với câu nghìn năm lại thấy mọi nơi vẹn toàn (sau nhà Lý)*.

Chữ Đà giang bị đổi thành Hoàng giang, chữ *phụ nguyên* (chiết tự thành chữ Nguyễn) cũng có thể đã bị sửa vào đời Nguyễn.

Tưởng cũng nên kể ra ở đây một sự kiện lịch sử lý thú là con cháu Hoàng tử Lý Long Tường lưu lạc sang Hãn Quốc từ *bảy trăm năm nay* , đã trở về thăm đền Lý Bát Đế tại Đình Bảng, Kinh Bắc, và lễ tổ vào năm 1997. Như vậy một phần nào lời Sấm đã bắt đầu ứng nghiệm và đang mở dần dần ra.

Theo lời Bức sư Ba La, Sư Vạn Hạnh đã biết núi Tản Viên là tổ sơn, Bảo giang, Bảo Sơn có đại thể phong thủy nên đã đặt đất cho nhà Lý để nghìn năm sau tái phát thánh vương, lấy đại địa tối linh phối hóa vào Nhân Thập Bạch Si với đại hồng vận non sông.

Năm 1963, một nhà Chiêm tinh Ấn Độ sang Việt Nam và đã nhìn thấy ma khí trong dinh Độc Lập, sau ngày chính biến 11-1963, ký gia Phan Nghị trên báo Ngôn Luận đã tường thuật cuộc phỏng vấn bị kiểm duyệt trước đó, bài tường thuật có 2 điểm rất đáng chú ý :

Một là nước Việt Nam có nhiều cơ hội để thống nhất, hai là ông (Chiêm tinh gia Ấn) nhìn thấy một vì sao rất sáng trên vòm trời Khảm phương nước Việt, báo hiệu sự giáng thế của một đại nhân.

7 - Chờ cho động đất chuyển trời bấy giờ Thánh mới nên trai anh hùng dù cho ai chữa biết tường nhất thổ thời sĩ khảm phương thuở này

ý ra lục thất gian nay thời vận đã định tuần này hưng vương trí xem nhiệm nhật cho tường Bảo giang thánh xuất trung ương thuở này

Trong 8 câu này lại thấy *Bảo giang, Khảm phương* chỉ phương hướng thánh xuất, ba chữ *lục thất gian* chỉ *định tuần này hưng vương*. Đọc đoạn này càng thấy rõ hai chữ *lục thất* là chìa khóa Tử vi tinh đầu xác định thời điểm hưng vương, thánh Tản hóa thân xuất hiện trên vòm trời Việt với chủ tinh sao Ngưu ở trung ương và các phụ tinh rực sáng chung quanh Khảm phương. Chìa khóa đó nằm trong Thái Ất, Tổng Trì Tam Ma Địa, Quẻ Dịch...mà hiện tại không còn mấy ai thấu triệt. Có thể Trạng Trình đã sử dụng nhiều khoa lý số- trong đó phải có khoa chiêm tinh- để đi đến một quẻ tiên tri vận số quốc gia ngũ bách niên hậu. Điều này Sư Vạn Hạnh đã làm trước Trạng Trình 500 năm và đã sử dụng khoa Tổng trì Tam Ma Địa với ảnh hưởng chiêm tinh học Tuyết sơn Hy Mã do các nhà sư Tây Trúc mang sang trung tâm Luy Lâu (thuộc Kinh Bắc). Bài Sám của Vạn Hạnh được ghi trong chính sử có ba câu kết đáng chú ý :

Đoài cung ẩn tinh Lục thất niên gian thiên hạ thái bình.

Đoài cung, phương Tây, và lục thất gian được nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần trong Sám Trạng Trình. Có thể Trạng Trình chỉ xác định lại lời tiên tri của Vạn Hạnh. Vạn Hạnh nhìn ra ẩn tinh một ngàn năm sau và Trạng Trình cũng nhìn ra năm trăm năm sau bằng cùng một khoa lý số học. (Xin xem phần Sám Vạn Hạnh) .

8 - Tìm lên đến Thạch Bàn Khê có đất sinh Thánh bên kia cuối làngchẳng tìm thì đến Bình gia Thánh chưa sinh Thánh báo ca địa hình nhìn xem phong cảnh cũng xinh Tả long triều lại có thành đợt vây Hữu hổ uốn khúc giang này Minh đường thất diệu trước bày mặt tai đằng xa thấy một con voi cúi đầu quen bụi, trông về hồ sau ấy diềm Thiên tử về châu tượng trưng Đế thánh, tộ lâu trị đờiĐến đời thịnh trị còn lâu....

Đoạn này của hậu thế dựa trên Sám Trạng đi tìm đất sinh Thánh và mô tả phong thủy địa lý của ngôi đại địa đó. Thạch Bàn Khê là khe suối Thạch Bàn nơi Sơn Tinh tức Thánh Tản lựa chọn ngự giá : "*Vương đi lên núi Thạch Bàn đầu non Vân Mộng mà ở...*" theo *Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp*.

Câu *Thánh chưa sinh Thánh* có nghĩa là Thánh Tản chưa hóa thân vào một vị Thánh vương. Về phương diện phong thủy người ngắm đất thấy Tả long, Hữu hổ, Minh đường và một thế đất hình con voi. *Hữu hổ uốn khúc giang này* cho biết tay hổ bên dòng sông, Bảo giang tức Đà giang vốn là tay hổ (tả long hữu hổ) theo địa lý vùng đất Hồng Đà, Tam Đảo Tản Viên. *Đến đời thịnh trị còn lâu* cho thấy đoạn này đã được viết khá lâu, có thể từ thế kỷ XVIII- XIX.

9 - *Trí xem nghiêm ngặt cho tường Bảo giang Thánh xuất trung ương thuở này Vua ngự Thạch Bàn xa thay đại ngàn vắng vẻ những cây cùng rừng*

Vua còn cuốc nguyệt cày mây phong điều vũ thuận thú rày an thân phong đặng, hòa cốc chứa chan Vua ở trên ngàn có ngũ sắc mây Chính cung phương Khảm vẫn xoay thực thay Thiên tử là tay trị đời...

Đoạn này mở rộng đoạn trước : *Vua ở Thạch Bàn bên Bảo giang trong khu rừng vắng vẻ. Vua chưa xuất, còn cuốc trăng cày mây chờ thời.*

Người biết chiêm tinh lý số thấy được mây ngũ sắc hiện ra nơi Khảm cung phương Bắc, thấy chu kỳ tinh đầu tụ hội trên giang sơn gấm vóc với sao Ngưu tinh trung ương rực rỡ.

Có thể đoạn Sám này được viết ra không lâu (thế kỷ XIX ?) vì người viết đã thấy ngũ sắc mây tức điềm lành, mà điềm lành không thể hiện ra mấy trăm năm trước.

10 - *Đời ấy những quỷ cùng ma chẳng còn ở thật người ta đâu làcây bay lá lửa đời ngàn một làng còn mấy chim đàn bay ra bốn phương cùng có can qua làm sao cho biết nơi hòa bảo thânchiến trường chón chón cát làm kẻ nằm đầy đất kẻ trằm đầy sông*

Nói về cảnh tao loạn. Lúc sinh thời, Trạng Trình đã sống trong nội chiến, ông tiên đoán 8 đời sau " *binh qua khởi trùng trùng* " cho tới thời " *Ngưu tinh tụ Bảo giang* " mới thanh bình thật sự. Những câu trên không biết ứng vào thời loạn nào, không thể xác định được thời gian.

11 - *Xem Đoài cung đến thời bắt tạo thấy vĩ tinh liệu đạo cho mau nguôi lòng tham tước tham giàu tìm nơi tam hiểm mới hầu bảo thân trẻ con mang lệnh tướng quân ngõ oai đã dậy, ngõ nhân đã nhường...*

Vĩ tinh, sao chổi, là điềm rất xấu đối với Đông và Tây. Năm 1910 sao chổi Halley có đuôi dài hết chân trời, các lần xuất hiện trước vào năm 1531, 1607, 1682, 1758... lần gần đây nhất là năm 1986. Cổ nhân thấy sao chổi, mây thành (mây đen kín và trắng băng chân trời như bức thành đen dài) chiêm nghiệm là loạn lạc binh biến xảy ra. Năm 1949 có mây thành xuất hiện ở miền Bắc và chiến tranh kéo dài suốt 25 năm.

Hai câu cuối nhiều người cho là ứng vào cuộc chiến Việt Nam vừa qua, đàn bà trẻ con thiếu niên cũng được dùng vào chiến trận. Nơi tam hiểm có người cho là núi cao, sông sâu, rừng rậm, nhưng nếu ẩn thân vào những nơi đó thì phải vào thời xưa mới bảo thân được, thời nay chiến tranh bom đạn không còn nơi nào trốn tránh an toàn.

12 - *Một cơn sấm dậy đất bằng Thánh nhân ra mới cứu hăng sinh linh lực thao văn vũ tài tình*

mới hay phú quý hiển vinh lạ lòng Tam công gặp hội vui mừng bõ khi cá nước vẫy vùng biển sông bõ khi chém rắn vẽ rồng bõ khi non Bắc ải Đông mịt mù bõ khi kẻ Việt người Hồ bõ khi kẻ Sở người Ngô xa đường.

Sau chiến tranh khốc liệt, Thánh nhân mới xuất đề trị dân vớ về trăm họ. Ba bậc hiền thần - Tam công - sẽ cùng Thánh vương gánh vác non sông, bõ khi xa cách mỗi người một phương. Đoạn này có thể ứng vào giai đoạn hiện tại khi dân Việt tản mát khắp năm châu, kẻ Việt người Hồ, kẻ Ngô người Sở. Có câu Sấm khác : *Tỵ nhân vi tướng, Thìn, Tuất vi quân sư*, có thể ứng vào ba vị Tam công cột trụ đó không ?

13 - *Đoài phương thực có chân nhân quân tiên khởi nghĩa chẳng phân hai người vừng nền Vương cha truyền con nối dõi muôn đời một mối xa thư bề kinh tẩm lạng bằng tờ trắng thanh ai chẳng ơn nhờ gió xuân Ấu vàng khỏe đặt vững chân càng bền thế nước Vạn Xuân lâu dài.*

Bậc chân nhân xuất ở phương Tây cùng thất thập nhị hiền tướng (xem phần Sấm chữ Nho), phân phân từng bách khởi, nhiều nhiều xuất Đông chinh, đây là cuộc đại tập hợp dân tộc, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn của quân tiên phá chấp, từ bi đại lượng, không một giọt máu đỏ. Lúc ấy núi sông sẽ vững âu vàng, thế nước Vạn Xuân lâu dài Vương đạo.

GẠM LỘC SẤM BẢN

Qua 13 đoạn Sấm gồm 105 câu kể trên, chúng tôi hy vọng đã chắt lọc được những ý chính của tập Sấm quốc ngữ khoảng 400 câu tương truyền là Sấm Trạng Trình. Những câu khác, khoảng 300 câu, chúng tôi không bàn luận vì rơi vào những trường hợp sau :

1- NHỮNG CÂU KHÔNG PHẢI LÀ SẤM TRẠNG

Những câu Sấm (16 câu) do cụ Phó Bảng Nguyễn Can Mộng sáng tác vào thời 1930 sau khi Pháp thả bom Cổ Am để tiêu diệt các nhà ái quốc :

... Tan tác Kiến kiêu An đất nước

Xác xơ Cổ thụ sạch Am mây

... Cha con nhà Vĩnh, Bảo cho hay

Các địa danh Kiến An, Vĩnh Bảo, Cổ Am thuộc vùng khởi nghĩa của Quốc Dân Đảng Việt Nam.

Hoặc câu : *Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây*

Tám gà chữ Nho là Bát Kê, ám chỉ Toàn quyền Thực dân Pasquier (đọc âm giống chữ Bát kê !) bị nạn máy bay chết cháy thời đó. Một nhà Nho cùng thế hệ với các cụ Sở Cuồng, Nguyễn Can Mộng... là cụ Ba La (1870 ?-1973) cho biết thời 1930, để thức tỉnh lòng yêu nước và vận động tinh thần chống Pháp, một số nhà Nho đã đặt ra nhiều bài thơ loại bí hiểm như sấm ký để truyền trong quần chúng. Cụ Phó Bảng Nguyễn Can Mộng cũng là người viết ra bài Văn tế Cá Sấu với tên Hàn Thuyên để đề cao văn chương chữ Nôm đã có dấu tích từ thế kỷ XII ! Nhưng cũng chính nhờ các nhà Nho yêu nước đó mà mọi người mới tìm về cội nguồn dân tộc và hãnh diện với kho tàng tinh thần của tổ tiên lưu truyền

lại.

2 - LẤN LỘN :

Ngoài vài bản đáng tin cậy nhất như bản của Sở Cường (1930), bản Nam Ký (1945), nhiều bản sau này in lẫn cả bài Sấm của Sư Vạn Hạnh vào Sấm Trạng Trình :

Hòa đao mộc lạc

Thập bát tử thành..

Hoặc những câu đồng dao, ca dao như :

Bao giờ ngựa đá qua sông

Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng

Có khi người sau dựa vào một biến cố lịch sử rồi viết ra cũng gọi là sấm :

Đầu cha lộn xuống chân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi

Chữ Quang (Quang Trung) có chữ Tiểu ở trên, chữ Cảnh (Cảnh Thịnh con vua Quang Trung) cũng có chữ Tiểu ở dưới, được 14 năm thì dứt.

3 - Rất nhiều câu thơ đặt ra với dụng ý TUYÊN TRUYỀN hoặc chống đối , rồi gán cho Sấm Trạng Trình từ thời nhà Nguyễn tới hiện đại :

... Dục lòng chinh chích u mê thập trên tư dưới nhất đề chữ tâm để loài bạch quỷ Nam xâm...

Thập trên tư dưới là chữ Đức, với chữ Dục ở câu trên là vua Dục Đức hay Tự Đức, để Pháp xâm chiếm Việt Nam.

Đến thời thiên hạ vô quân làm vua chẳng dễ làm dân chẳng lành gà kêu cho khi dậy nhanh phụ nguyên số đã rành rành cáo chung.

Năm Gà (Dậu 1945), năm Khỉ (Thân 1944), nhà Nguyễn (phụ nguyên) hết số.

Sau khi Mỹ thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản lại thấy truyền khẩu hai câu :

Nguyên tử giản cầu kinh Nhật Bản

Phong lôi hỏa thạch chấn Hoa Kỳ

Hai câu khác :

Chùng nào sen mọc biển Đông

Cha con nhà Nguyễn bé bỏng nhau đi...

Có người giải là hoa Sen (Liên hoa) chỉ Liên Xô bành trướng về phương Đông, có người giải là thời Nhật mang Sen thả ở sông ao, là lúc nhà Nguyễn phải ra đi.

Sau này câu trên được đổi thành : *Chừng nào trúc mọc quanh thành...* để chỉ huy hiệu cây trúc của họ Ngô ở miền Nam !

Khi Phan Bá Vành khởi loạn (1827 thời Minh Mệnh) cũng đặt ra câu sấm :

Trên trời có sao tua rua

Dưới đất có vua Ba Vành

Thời 1949-50 lại xuất hiện câu sấm :

Bao giờ đá nổi lông chim

Hồ kia cạn nước ngựa tìm về quê

Đá chỉ Tưởng Giới Thạch, lông chim Mao Trạch Đông, Hồ chỉ Hồ Chí Minh...

Hoặc câu :

Bao giờ đường sắt đen xì

Voi đi trên giấy Tây thì về Tây

cũng là loại sấm bình dân sáng tác văn chương truyền khẩu mà thôi.

Tất nhiên cho tới hiện tại vẫn còn những câu sấm bịa đặt do các phe phái truyền ra như " *lại nói sự Nam Đàn sinh thánh* " của phe này, hoặc câu " *bao giờ điều đỏ đứt dây, ma vương điện toán cộng thây đầy đường* " của phe khác, càng chứng tỏ tầm ảnh hưởng của Sấm Trạng Trình mỗi ngày một lan rộng và vì thế việc phân định chính giả lại càng cần thiết hơn.

4 - Những câu không có giá trị tiên tri, chỉ là lời thơ mang chất đạo đức KHUYÊN RĂN như:

Một câu là một nhiệm màu

Anh hùng ngẫm được mới hầu giá cao

Chốn Đông Nam là lò khổ ải

Tránh cho xa kéo mắc đao binh

Lại giận đảng nam nhi chí cả chó vôi vàng tất tả chạy rong học cho biết lý cát hung...

5 - Những câu chứa đựng NĂM THÁNG MƠ HỒ không thể định mốc thời gian như :

Hùm già lạc dấu khôn về mèo non chi chí tìm về cố hương

Tý, Sửu, Dần, hội Thánh hội Thân... hội Tiên hội Phật hội ông lão già...

Gà đâu sớm gáy bên đường chẳng yêu thì cũng bất tường chẳng không

có thể là những câu làm ra từ thời xưa, ứng với một hoàn cảnh lịch sử nào đó vào năm Tý năm Sửu, năm Gà năm Mèo... từ những thế kỷ trước mà nay không còn giá trị tiên đoán tương lai nữa.

Hàng trăm câu sấm trong nhiều bản in rơi vào trường hợp 4 và 5, không liên hệ tới chủ đề Thánh nhân xuất của Sấm Trạng Trình.

CƠ BÚT

THÁNH MẪU LIỄU HẠNH

VÀO THỜI VUA TỰ ĐỨC

Dân gian có câu :

Tháng Tám giỗ Cha

Tháng Ba giỗ Mẹ

Tháng Tám giỗ Đức Thánh Trần, hóa thân của Phù Đổng Thiên Vương, tháng Ba giỗ Mẹ là giỗ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, là hai vị trong Tứ Bất Tử dân tộc : *Phù Đổng, Chử Đồng Tử, Tản Viên Sơn Thánh* và *Liễu Hạnh*. Tuy phát sinh sau ba vị kia cả ngàn năm, Thánh Mẫu Liễu Hạnh lại được sùng kính tôn thờ như một tín ngưỡng dân gian lan rộng khắp nơi, từ Phủ Giầy Nam Định, tới Chùa Thiên Minh Lạng Sơn, vào đền Sòng Thanh Hóa, ra Tây Hồ Thăng Long, vào Sóc Hương Nghệ An...đâu đâu cũng hiển linh thiêng liêng. Ca dao có câu :

Nước sông Thương bên đục bên trong

Núi đức Thánh Tản thắt cổ bông

mà lại có Thánh sinh

Ở trên tỉnh Lạng có thành Tiên xây...

Nguyên ngài là con gái thứ của Ngọc Hoàng Thượng đế, giáng trần vào Rằm tháng Tám năm 1557 đời Mạc Phúc Nguyên tại Vụ Bản, tên Giáng Tiên. Năm 18 tuổi kết duyên với Trần Đào Lang và năm 21 tuổi, mừng 3 tháng Ba, thì hóa về cõi Tiên. Sau đó Ngài lại hiện lên an ủi mẹ, chồng, rồi biến mất. Những lần tái giáng sau này Ngài biến hiện, lúc làm thiếu nữ ngâm thơ dưới trăng, lúc trụ trì nơi danh lam thắng cảnh, lúc làm bà lão chống gậy, lúc ngồi gốc tùng gảy đàn. Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan (1528-1613), một học trò của Trạng Trình, đã có lần gặp ngài thị hiện khi đi sứ Tàu về qua Lạng Sơn và đã dựng đền thờ Mẫu tại vùng biên giới; lần sau ở Tây Hồ một đêm trăng Trạng Bùng cùng hai người bạn khác họ Lý, họ Ngô xướng họa với một thiếu nữ khuê các *mặc áo đỏ*. Lúc kết bài : "*Trăng tròn soi một bóng Tiên thôi* " mới biết là Ngài thị hiện. Về sau, Phủ Tây Hồ được coi là một linh địa nay vẫn còn hương khói ngay giữa Hồ Tây, Hà Nội.

Sự thờ cúng Thánh Mẫu "*Xuất thế vi Tiên, giáng thế vi Phật* " phản ánh tâm thức Mẹ hiền từ bao bọc, một nguyên lý Mẹ bên cạnh nguyên lý Cha hùng dũng che chở. Sau này cùng dân tộc Nam tiến, nguyên lý ấy lại hoá vào một Thiên Mụ (tương truyền Bà *mặc áo đỏ* quần xanh giống Chúa Liễu Hạnh !), một Thiên Y A Na, một Bà Đen, phù hộ độ trì cho dân lành.

Vua Tự Đức là một người có văn học thường chú tâm tới văn hóa tín ngưỡng truyền thống. Nhà Vua đã từng ngự giá tới thăm đền thượng Tản Viên Sơn và đã từng đọc và sửa Sám Trạng Trình, Truyện Kiều...Trong lúc chính sự rối ren, Thực dân xâm lăng chiếm đất, ngài đã cử sứ thần tới cầu Thánh Mẫu

Liễu Hạnh tại đền Sòng xin phụ tiên giáng cơ bút về quốc sự nguy biến.

Phép phụ tiên thời xưa có quy luật chỉnh tề : người cầu phải tắm rửa sạch sẽ, ăn chay ba ngày, bày hương án hoa rượu, lại có một mâm gạo để Tiên giáng bút. Bút của Tiên là một cành đào bẻ từ nhánh phía Đông vào buổi sương sáng. Hai ba người hầu ngâm cổ thi để tạo bầu khí, một người phù hương vào mặt và tay người ngồi đồng, khi thấy đồng đảo đảo là lúc Tiên sắp giáng. Người cầu tấu lạy và Tiên gõ bút đào vào mâm gạo mà viết thật nhanh, một người hầu bút trông nét trên gạo mà thảo ra giấy.

Bài Cơ Bút đền Sòng nổi tiếng này đã được phổ biến từ thời tiền chiến và được in trên nhiều sách báo, đặc biệt có những câu rất giống với chủ đề Sấm Trạng Trình :

*1 - Hoành sơn một giải ra vào Cuộc kêu vọng đế, Cáo gào giả vương cung trắng đã sẵn trời dương
giang sơn lại mở một trường Xuân Thu*

Bốn câu mở đầu nói ngay về thời suy vi của Triều Nguyễn tại Huế dùng chữ Hoành Sơn của Trạng Trình chỉ cho Nguyễn Hoàng : *Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân*, nay thì Cuộc kêu vọng Đế (chữ Cuộc vừa nghĩa con chim Cuộc vừa hàm âm Quốc gia), chẳng còn vương đế, mà chỉ có bọn ma cáo giả làm vua ! Âm dương đảo lộn (*cung trắng* là âm đối với *trời dương*), giang sơn loạn lạc tranh chấp như thời Xuân Thu Chiến Quốc.

*2 - Tên đâu ba mũi phục thù khen cho Khắc Dụng bày trò cho con ngọn cờ phát phối đầu non
Thạch Thành mèo lại bon bon chạy về dậm trường lai láng máu dê con quay ngả trắng ba que cuộc tàn*

Đoạn này nói khá rõ về lá cờ vàng ba sọc, tiếp nối của nhà Nguyễn với Quốc trưởng Bảo Đại, một giai đoạn xoay vần tới tàn cuộc, với máu đổ lai láng của người Tây dương (dê). Tất cả chỉ là trò bày đặt. Chữ *Khắc Dụng, Thạch Thành mèo lại*... chúng tôi không thấy tài liệu nào giải rõ những điển tích này. Riêng chữ Thạch nếu là bộ Thử thì có nghĩa là con chuột lớn , phải chăng là chơi chữ mèo, chuột đuổi nhau ? Thạch Thành còn là địa danh gần đền Sòng (Thanh Hóa) , Khắc Dụng có thể là tên một nhân vật địa phương thời đó chăng ?

3 - Trời Nam mở vận Viêm Bang

Chân nhân đâu đến những phường thầy tăng

Đồng dao lại có câu rằng :

Non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ

Bấy giờ quét sạch thử ly

Ai ơi nhớ lấy thiên kỳ kéo lằm

Nhưng rồi nước Việt Nam sẽ tới vận Viêm Bang, trở lại thời vương đạo Lạc Long Hùng Vương . Chân nhân của hồng vận này không đến từ bọn Tây phương (thầy tăng nói lái là thằng Tây) mà là một bậc tên Bạch Sĩ (*trắng răng*), như Sấm Trạng Trình đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Đây là đại vận cường

quốc Viêm Việt với bậc chân nhân dẫn dắt nổi lên từ non xanh. Bây giờ quét sạch bọn chuột (*thử*), bọn hồ ly (*ly*) đẩy là thiên cơ (*ky*) mà toàn dân cần ghi tạc. Đoạn này Thánh nói một cách khinh miệt bọn Tây xâm lăng và trấn an bằng cách hé lộ thiên cơ về thời rục rờ của đất nước sẽ tới.

Cũng cần ghi nhận là Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, một môn sinh của Trạng Trình, đã hai lần được Thánh Mẫu thị hiện, vậy có liên quan gì giữa Sấm Trạng và bài Cơ bút này không ? Hay tất cả đều cùng phát khởi từ một tầng thức cộng thể dân tộc ?

4 Đương khi sấm sét âm âm ấy là khí số để găm trị bình vũ phu mà bức thư sinh long ô chấp cả máy anh Thủy Hoàng

Sau thời binh lửa sẽ tới thời bình trị, bọn vũ phu độc ác bức bách thư sinh hiền lương, tới thời " *long ô* " thì vũ phu bằng mấy bạo chúa Tần Thủy Hoàng cũng không làm gì nổi. *Long ô* có thể hiểu là rồng đen, nhưng hiểu theo chữ nôm thì ô là ô dù che mưa nắng, tức lọng *tản* , hợp với ý Bạch Sĩ và Thánh Tản Viên xuất trong Sấm Trạng. Tản (*ô*), *long* (*rồng*) càng rõ ý bậc đế vương Bảo sơn thiên tử xuất hiện.

5 - Nực cười cho lũ bàng quan

Cờ tàn mà lại tính đường đẩy xe

Thôi thôi mặc lũ thẳng hề

Gió mây ta lại đi về gió mây.

Bốn câu kết thúc cơ bút thấy rõ lời lẽ của một giáng tiên, nhìn trần thế như trò hề, cuộc cờ đã tàn mà tục nhân vẫn chưa nhìn ra, còn loay hoay tính chuyện đẩy xe lên dốc ! Giống như hai câu của Nguyễn Khuyến :

Vua chèo còn chẳng ra gì

Quan chèo thì có khác chi thẳng hề !

Tất nhiên giá trị của phụ tiên cơ bút khó bằng Sấm ký Chiêm tinh vì không dựa trên một khoa học lý số nào. Đã có nhiều cơ bút chỉ phơi bày tâm thức ước ao của người cầu cơ và nét bút lúc giáng có khi chỉ là tiếng vọng từ tiềm thức hay vô thức trào ra. Nhưng đây là một bài giáng cơ bút cách đây hơn trăm năm, tại một ngôi đền " thiêng nhất xứ Thanh ", do Vua cầu và do Thánh Mẫu linh thiêng nhất đất Việt chủ giáng. Giá trị của bài này có tầm ngang với những huyền khải như huyền khải Fatima, huyền khải Malachy (nhà tiên tri Ái Nhĩ Lan nhìn thấy tên của tất cả chư vị Giáo hoàng La Mã từ thế kỷ XI). Hơn nữa phối kiểm với Sấm Trạng Trình lại thấy cùng một tiên đoán chủ đề : vận Viêm bang, Thánh xuất và Bạch Sĩ. Cho nên Thánh Mẫu, Trạng Trình... cho dù không nói những lời tiên tri chính xác thì cũng cho ta những lời vàng ngọc vang lên từ Tầng Thức Lạc Việt, phổ độ chúng sinh bằng *pháp môn huyền vi* của các ngài.

PHỤ CHƯƠNG: TIÊN TRI TÂY PHƯƠNG VÀ ĐẠI CHUYỂN VẬN KỶ NGUYÊN MỚI

Thế kỷ XX chấm dứt như màn kịch thu hẹp của thiên kỷ cũ : suốt 2000 năm nhân loại Đông Tây đã sống trong chiến tranh loạn lạc, tranh chấp quân sự, chính trị, tôn giáo... những thành quả rực rỡ về khoa học kinh tế, từ cuộc cách mạng kỹ nghệ 200 năm trước tới cuộc cách mạng điện tử thế kỷ XX, đều kéo theo những biến động tàn sát và nhân loại vẫn chưa thấy thời đại Nghiêu Thuấn hòa đồng hạnh phúc thanh bình : *Thực dân, Cộng sản, hai cuộc Đại chiến* tiêu diệt cả chục triệu nhân mạng, các cuộc chiến địa phương do tranh chấp ý thức hệ...gây chết chóc và bạt rẫy hàng triệu dân lành, những xô xát tôn giáo, tài phiệt, phong kiến v.v..đã làm cả hoàn cầu, trừ một số ít, lâm vào cảnh bi thương. Tiếng cười của giới này là tiếng khóc của giới kia, đỉnh cao của phe này là thung lũng của phe khác...rút cuộc 5 tỉ người sống trong tình trạng vong thân, không nô lệ thân xác thì cũng bị trói buộc tinh thần, không khổ sở vì bá quyền thì cũng căng thẳng trong hệ thống xã hội phi nhân.

Riêng thế kỷ XX những khốn khổ cơ cực lên tới cao độ vì tranh chấp trở thành quốc tế lan rộng châu này sang châu khác, thậm chí các bộ tộc bán khai cũng bị liên lụy, chưa biết đọc chữ đã bị buộc vào tranh đấu tư tưởng, tôn giáo. quyền lợi... do các đầu óc điên đảo từ tháp ngà xa xôi tạo ra, đang sống hồn nhiên với rừng núi bỗng phải ngồi xe tăng mang vũ khí tối tân đi giết đồng loại !

Trong cuốn sách thời danh " *Hành Trình Về Phương Đông* " của B. Spalding (*Journey To The East-1924*) bản dịch của Nguyên Phong, một đạo sư Ấn Độ, Babu, đã tiên đoán từ đầu thế kỷ XX như sau : *"..mỗi chu kỳ kéo dài khoảng 100 năm, nhưng cứ 25 năm cuối lại có các biến chuyển gây ảnh hưởng cho chu kỳ kế tiếp...Cuối thế kỷ 20 phong trào Duy Vật sẽ xup đổ, hiện tượng nghiên cứu các giáo lý bí truyền sẽ bắt đầu. "* (tr. 60-62) Một pháp sư khác, Hamoud, gốc Ai Cập, lại tiên đoán không kém thần diệu như sau : *" sự khai quật các ngôi cổ mộ Ai Cập sẽ tháo cũi sổ lồng cho vô số âm binh...chúng sẽ mang nền tà giáo Ai Cập trở lại thế kỷ này...Một số pháp sư vốn là sư giả cõi âm sẽ đầu thai trở lại để tác yêu tác quái...Thế giới sẽ trở thành nạn nhân của thứ tôn giáo ma quái này.....trước khi chết họ sẽ di chúc yêu cầu ướp xác họ và xây dựng những nhà mồ vĩ đại bằng đá như họ đã từng làm trong quá khứ... "* (tr. 207-208).

Nhưng sự xup đổ của Cộng Sản, với các nhà mồ xác ướp còn nằm trơ, vẫn chưa giải quyết xong những tranh chấp khác, sâu xa hơn, nền tảng hơn, đó là vấn đề tôn giáo và thế lực tài phiệt quốc tế. Cả hai quyền lực ghê gớm này, với tín ngưỡng quyết liệt, với vũ khí tối tân, có thể sẽ đối địch trong trận thư hùng Armageddon mà đa số các nhà tiên tri Tây phương đều cùng đi tới một kết luận.

Trong việc phác lược một chiến lược sinh tồn cho dân tộc, một trường kế **hợp tung đa vàng**, khai phóng một **nền văn minh cảm dũa** Đông Á sâu rễ bền gốc, thiết tưởng không thể bỏ qua một khía cạnh nào, một yếu tố nào, dù là yếu tố khoa học huyền bí dự báo, với xác suất thấp hơn khoa học vật lý. Nhưng nếu sự sinh tử của vạn vật trên trái đất và vũ trụ là một huyền nhiệm, nếu biên cố lịch sử nhiều khi vượt luận lý quy nạp diễn dịch, thì tại sao lại không khai quật những kho tàng cổ học để tìm phương tiện cho cuộc hành trình tâm thức vũ trụ huyền vi ?

Vì thế chúng tôi lược khảo sau đây những tiên đoán của các nhà tiên tri cổ kim Tây phương về năm

cuối của thế kỷ 20, năm tiên định 1999, để so sánh với các nhà tiên tri Việt Nam, hầu xác định thời điểm đại canh tân thế giới.

BÁC SĨ NOSTRADAMUS, MỘT TRẠNG TRÌNH TÂY PHƯƠNG, ĐÃ TIÊN ĐOÁN GÌ VỀ NĂM 1999 ?

Nostradamus tên thật là Michel de Notredame, tên chữ La tinh là Nostradamus, sinh ngày 13-12-1503 tại St Remy nước Pháp. Nhà tiên tri nổi danh nhất Tây phương này sống cùng thời với Trạng Trình nước ta vào thế kỷ thứ 16, cách đây non 500 năm. Ông đặc biệt nổi tiếng về tài đoán trước những chuyện xảy ra rất chính xác về thời gian và tên tuổi như tên Pasteur, Napoleon, Hitler, Franco...

Ông sinh trưởng trong một gia đình Do Thái khá giả, cha ông làm nghề buôn ngũ cốc, một người anh làm thẩm phán, ông nội biết khoa chiêm tinh Do Thái và truyền dạy cho cháu. Thời ấy người Do Thái bị kỳ thị nặng nề ở khắp Âu Châu nên để sinh tồn tùy cơ, gia đình ông phải cải sang đạo Thiên Chúa La Mã vào năm 1501, nếu không sẽ phải rời khỏi Provence trong vòng 3 tháng.

Có học giả cho rằng tổ tiên ông thuộc bộ tộc Do Thái Issachar là một bộ tộc chuyên về chiêm tinh. Ngay từ thuở nhỏ học ở Avignon cậu bé Nostradamus đã nổi danh là "*le petit astrologue*". Năm 21 tuổi ông vào Đại học Y Khoa Montpellier, được 2 năm ông tạm rời ghế nhà trường để đi cứu trợ nạn Dịch hạch đang đe dọa cả miền Nam nước Pháp, ông chặn được nạn dịch và có tiếng trên toàn quốc từ đó. Ông trở lại trường Y khoa học tiếp và sau khi tốt nghiệp ông mở phòng mạch hành nghề vào năm 1529 tại Agen.

Vì vợ (ông có hai đời vợ) và hai con thơ bị chết bất ngờ vì bệnh dịch, ông thất vọng chán nản, lại thêm bị kỳ thị về gốc tích Do Thái, ông bỏ nghề đi lang thang khắp nơi gần 10 năm trời. Chính trong hoàn cảnh này ông phát triển khả năng tiên tri thiên phú. Một lần ở Ý ông gặp một tu sĩ trẻ tuổi dòng Franciscan tên là Felice Peretti, ông vội quỳ xuống và nói : "*Con xin quỳ bái đức Thánh Cha*", 19 năm sau khi Nostradamus chết, năm 1585, vị tu sĩ trẻ tuổi đó trở thành Giáo Hoàng Pope Sixtus đệ V !

Năm 1538 ông mắc vạ miệng vì phê bình một nhà điêu khắc nặn tượng Mẹ Đồng Trinh là "*nặng quỳ*", ra tòa Giáo Tra (Inquisitions) ở Toulouse ông bào chữa là "*tôi chỉ nói pho tượng nặng xấu như quỳ mà thôi !*". Có lẽ thời gian ông rời Pháp đi lang thang cũng có mục đích tránh áp lực tôn giáo, mãi gần 40 tuổi ông mới trở về sống trong vùng Orval, tiếp tục tiên tri và sau đó đi Marseilles cứu trợ nạn Dịch. Năm 1544 ông tới Salon vừa hành nghề Y khoa vừa xem chiêm tinh. Năm 1547 ông lấy vợ lần thứ hai với một góa phụ trẻ và giàu có, Anne Gemelle. Giai đoạn này ông đã được khắp Âu châu biết tiếng, ngay cả văn hào kiêm y sĩ Rabelais (1494-1553) cũng tới học hỏi ông. Hàng đêm ông ngồi trước một thau đồng đựng đầy nước đặt trên giá ba chân, chăm chú cả giờ tập trung tư tưởng và nhìn thấy và nghe tương lai hậu vận từ thau nước.

Năm 1550 ông in tập *Almanachs* một tập niên giám tiên đoán về thời tiết khí hậu mùa màng, tập này bán rất chạy mặc dù nhiều tiên đoán sai về thời tiết ! Đồng thời trong khoảng thời gian này ông viết tập Sấm ký Tiên Tri "*Prophéties*" gồm những bài thơ 4 câu ngắn như kệ, nhiều khi dùng ẩn ngữ để che bớt ý nghĩa vì sợ làm thương tổn người khác và nhất là sợ va chạm tới tôn giáo. Phần đầu từ Tập I tới Tập VII được in vào năm 1555 mang tên *Les Prophéties de M. Nostradamus*

Mãi tới năm 1568, hai năm sau khi ông mất, tập *Les Prophéties* mới được in ra toàn bộ gồm 7 tập

trước và 3 tập sau chưa in vào năm 1555, toàn tập gồm 942 bài. Vợ ông , một người đàn bà có học thức, và Chavigny môn đệ trung thành của ông , tiến sĩ luật khoa và giáo lý, là hai người soạn in Toàn tập Sám ký. Vài học giả nghi là Chavigny có thể thay đổi vài câu Sám trong 3 tập cuối VIII- IX- X.

Mỗi Tập gồm 100 bài bốn câu, mười Tập gồm 1000 bài, riêng Tập VII chỉ có 42 bài không hiểu vì sao, có thể Nostradamus chỉ viết tới đây là hết thần hứng, hoặc đau ốm, hoặc Toàn tập Sám ngưng ở đây với 642 bài, còn 300 bài sau (ba Tập in nối sau) là do Chavigny và bà vợ lục lợi bản thảo cũ và xếp đặt vào chẳng ? Điều chắc chắn là trên toàn Âu Châu xuất hiện nhiều câu sấm mạo danh Nostradamus, có bài sáu câu do cháu ông viết cũng có thời được truyền ra ! Tuy vậy tình trạng giả mạo không đến nỗi trầm trọng như Sám Trạng Trình bên ta, vì có bản in ngay lúc Nostradamus còn sống.

Tập Sám theo ông viết, tiên đoán biến cố cho tới năm 3797 nghĩa là hơn 2000 năm lịch sử tính từ thế kỷ XVI. Hầu hết những sự việc Nostradamus tiên tri đều xảy ra sau khi ông tạ thế, tuy vậy một lời tiên tri về cái chết của vua Henry đương thời năm 1559 làm danh tiếng ông nổi dậy như sóng cồn : ông đoán nhà vua sẽ chết oan nghiệt vì 2 vết thương từ một vũ khí trong lúc tập dượt trên sân đấu võ. Việc xảy ra đúng hệt với thần nhãn của Nostradamus : nhà vua trong lúc thí võ dượt đấu với bá tước Montgomery không may bị ngọn dáo đâm qua mắt vào tới tận cổ họng :

...par fingulier duelle

dans caige d' or les yeux luy creuera

deux claffes, un, puis mourir, mort cruelle...

Centuries XXXV (claffes = fracture, vết thương - lời tiên tri này đã được một nhà tiên tri khác, Luc Gauric của Giáo hoàng Paul III đoán tương tự vào năm 1556).

Hoàng hậu Catherine vốn tin lý số rất khâm phục vờ ông lên Paris xem bói, cố vấn và sau đó hai người trở thành đôi bạn khăng khít. Khi lên Paris ông được thi hào Ronsard làm một bài thơ chào đón xung tưng. Được vài năm, trước áp lực của triều đình, lại thêm bị phong thấp, Nostradamus phải trở lại Salon.

Đêm hôm 1-7-1566 đệ tử ông là Chavigny vào chúc ông ngủ ngon, ông trả lời : " *Sáng mai khi mặt trời mọc , thầy sẽ không còn ở đây !* " Sáng hôm sau ông chết ngời lạnh cứng trên ghế. Theo lời dặn, ông được chôn theo thế đứng thẳng trong nghĩa địa nhà thờ St Martha ở Salon vì không muốn " *thường nhân dẫm trên xương cốt mình* " , vợ ông dựng một tấm bia bên mộ xin " *hậu thế đừng phá giấc ngàn thu* ". Ông căn dặn mộ ông đặt vào khoảng giữa cổng lớn nhà thờ và bàn thờ trong khuôn viên tu viện Franciscan. Có giai thoại nói rằng năm 1700 khi cải táng người ta thấy trên cổ hài cốt có một tấm đồng ghi rõ : 1700 ! Điều chắc chắn là năm 1792 vào thời Cách Mạng Pháp hỗn quân hỗn quan, một bọn lính say rượu đập phá mộ ông và vứt tung xương cốt, ông Thị trưởng Salon cho nhặt lại được một số xương và cải táng với tấm bia xu thời " *..mộ cũ được mở ra vì những lời tiên tri rất đúng về Tự Do...* ", sau này tấm bia cũ của vợ ông lại được hoàn về bên mộ mới khi cao trào cách mạng đã lắng xuống.

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TRẠNG NOSTRADAMUS

1 - Trong thời gian ở Paris, Nostradamus bị phong thấp phải nằm dưỡng bệnh hơn 10 ngày. Một hôm ông đang nằm ngủ bỗng bị một gia nhân hàng xóm gõ cửa om sòm. Ông thức dậy bức tức, tên gia nhân chưa kịp ngỏ lời ông đã nói ngay : " *Mất có con chó mà cũng làm rộn lên, đi về hướng Orleans mà tìm sẽ thấy* ". Quả nhiên tên gia nhân gõ cửa định hỏi về chuyện mất chó, chưa kịp hỏi thì ông Trạng đã biết trước và đoán ngay con chó đang ở đâu !

2 - Một buổi chiều tối ngồi ở cửa nhà tỉnh Salon, một cô bé đi ngang qua chào ông : " Chào ông Nostradamus " (*Bonjour, Monsieur de Nostradame*), ông chào lại : " Chào cô bé " (*Bonjour fillette*) . Khi trở về cô bé lại chào hỏi và lần này ông đáp lại hơi khác : " Chào bà trẻ " (*Bonjour petite femme*) . Thì ra ông đã biết cô bé đi vào rừng cây ôu yếm bạn trai và không là con gái nữa !

3 - Hồi ở Paris vào Triều ông thấy một cậu bé 10 tuổi đang chơi ở gần cung vua, ông tới xem quý tướng nhưng cậu bé sợ chạy mất. Sáng hôm sau người hầu cố tình không cho cậu bé mặc áo để Nostradamus xem tướng. Ông thấy nốt ruồi quý trên mình cậu bé và bảo mấy người hầu : " *sau này chủ nhân các ông sẽ làm vua nước Pháp !* " Cậu bé ấy là anh em chú bác với vua Henri III, sau này trở thành vua Henri IV thống nhất Pháp với vùng Navarre. Câu chuyện này được chính vua Henri IV kể lại với lời dí dỏm ; " *lúc họ không mặc áo cho tôi, tôi lại tưởng là sắp bị ăn đòn !* "

4 - Trong giai đoạn bỏ nhà đi lang thang vì vợ và hai con bị chết, ông gặp gia đình Florinville và gia chủ một hôm muốn thử tài Nostradamus đã dẫn ông xuống chuồng heo và chỉ hai con heo , một con trắng, một con đen, rồi hỏi " *số phận hai con heo sau này ra sao ?* ", ông trả lời là " *con heo trắng sẽ bị chó sói ăn thịt, con heo đen thì bị làm thịt cho chúng ta ăn !* " Gia chủ bí mật dặn nhà bếp làm ngược lại : giết thịt con trắng làm cơm tối khoản đãi ! Đầu bếp theo lời, giết con heo trắng làm món đãi khách. Nhưng khi thịt để trên đĩa một con chó sói đã lén vào nhá hết thịt trong lúc người bếp đi ra ngoài ! Khi trở vào bếp, anh bếp đành mang con heo đen ra làm thịt thay thế. Lúc dọn lên, gia chủ không hay biết đã bảo Nostradamus " *đây là thịt con heo trắng đây !* ", ông nhất định nói không phải heo trắng và gia chủ phải gọi đầu bếp lên để xác định. Khi đầu bếp lên kể lại tự sự, cả nhà đều phải chịu tài thần toán của Trạng !

NHỮNG LỜI TIÊN TRI ĐÃ NGHIỆM ĐÚNG TRONG QUÁ KHỨ

1 - Tên Napoleon được Nostradamus viết lồi ẩn dụ là " *Pau.nay.loron* " nói lái ra là Napaulon Roy (C. VIII-1). Ông viết rõ là một hoàng đế sinh ở Ý, tóc chòm ngắn, sẽ làm thương tổn kiệt quệ nước Pháp. Ông còn tiên đoán ngôi sao Napoleon bắt đầu lên ở một tỉnh duyên hải (tức Toulon, nơi Napoleon đánh bại quân Anh năm 1793), sẽ cầm quyền độc tài 14 năm (11-1799 tới 4-1814), làm rung động Tây Ban Nha, Ý, Anh. Nostradamus còn đoán chính xác chiến bại Waterloo, Napoleon bị đi đày, trốn thoát và rồi chết cô đơn trên một hòn đảo đá vôi, dân cư thừa thớt 5000 người (tức St Helena).

2- Bác học " Pasteur sẽ được tôn sùng như thánh sống ". (*The lost thing is discovered, hidden for long centuries. Pasteur will be celebrated almost as a god/ Perdu trouué, caché de fi long fiecle, sera Pasteur demy Dieu honoré* - I-25).

3 - Thế kỷ sau Nostradamus, London sẽ bị cháy " *ba lần 20 và 6* " tức đám cháy năm 1666, " *tượng Đức Mẹ bị đổ xập và nhiều người chết* ".

4 - Tên Hitler được ông viết trước là " *Hister* ", sinh ra ở miền núi non nước Áo, trong gia đình bình dân, mà rồi số phận không rõ ra sao !

Chùm Đức Quốc Xã này được mô tả là người ác độc " antichrist " thứ nhì sau Napoleon, sẽ bị bại trận mà cái chết không được rõ ràng (thiêu năm 1945 hoặc trốn đi Nam Mỹ ?). (*Plus part du champ encontre Hister sera... II-23*).

5 - Đoán đúng tên nhà độc tài Franco, Tây Ban Nha. (*De Castille Franco fortira l' affemlee... IX-15*).

6 - Mọi tình của thế kỷ Vua Edwards VIII nước Anh thoái vị để lấy người yêu năm 1936 cũng được ghi trong sấm ký (*for being unwilling to consent to divorce.. the King of Isles shall be expelled...*).

7 - Thấy trước việc nước Mỹ lập quốc và thoát khỏi mẫu quốc là nước Anh (*free from British Isles*).

8 - Tiên đoán sáng chế tàu ngầm (*the fleet can swim under water*) và chiến đấu cơ (*wars for control of the clouds*).

NHỮNG LỜI TIÊN TRI VỀ CUỐI THẾ KỶ 20

1- Rồi một người từ Chính phủ Mỹ sẽ cầm đầu nước Anh. Nước Anh và nước Mỹ sẽ hợp nhất vào thời vua Reb (?) khi lãnh tụ dừng mãnh chống đạo xuất hiện :

*The London premier through American power will burden the island of Scotland with a cold thing
Reb the King will have so dreadful an antiChrist who will bring them all into trouble.*

(*Le chef de Londres par regne l' Americh, L'ifle Efcoffe tempiera par gellee : Roy Reb auront vn fi
faux antechrift Que les mettra treftous dans la meflee*)

X - 66

2- Cuối năm 1999 trận Đại chiến cuối cùng Armageddon sẽ xảy ra giữa Tây Phương và Ả Rập Hồi giáo với một lãnh tụ dừng mãnh (*a strong master of Mahammedan law*), một Antichrist thứ ba trong lịch sử, lãnh tụ ghê gớm này mang tên Mabus hoặc Alus. Chiến tranh tạo nên bệnh dịch, chết đói, tàn phá nhiều nước. Điềm báo trước là hạn hán, nóng cháy, động đất, mưa lụt khắp nơi :

Mabus will soon die and come destruction of people and animals...

II-62

His hand by bloody Alus behind (Sa main derniere par Alus fanguinaire...)

VI-33

So great a famine with a plague through a long rain shall come along the arctic pole

VI-5

Earthquake shall be so great in May Saturn, Caper, Jupiter, Mercury, in Taurus

X-67

The Arab prince, Mars, Sol, Venus, Leo the kingdom of the Church shall be overcome by sea toward Persia, very near one million Turkey, Egypt, Ver. Serp. shall invade

V-25

(Caper là Capricorn, Ver là Verseau, Serp. là Serpent chòm sao độc).

3 - Nhưng rồi Thiên thắng Ác, một lãnh tụ tài ba, một thánh vương sẽ đưa Nhân loại vào thiên kỷ mới trong an bình 750 năm :

Mars and the Scepter will be in conjunction a calamitous war under Cancer, Shortly after, a new King shall be appointed who for a long time , shall pacify the earth

VI-24

Theo chiêm tinh, sao Mars và Jupiter (Scepter) chỉ hội chiếu vào ngày 21-6-2002, sau đó bậc Đế vương mới xuất hiện :

There shall be peace for 7 and 50 years Joy to mankind ...

X-89

LỜI BÀN

1- Câu sấm tứ tuyệt nổi tiếng về giai đoạn Thế chiến " mười phần chết bấy còn ba " này là đoạn sau đây :

In the year 1999 and seven months from the skies shall come an alarming powerful King to raise against the great King of Angolmois before and after, Mars shall reign at will.

Nguyên bản Pháp ngữ (cổ văn, sấm văn khác với Pháp ngữ hiện đại) :

L'an mil cens nonante neuf sept mois Du ciel viendra vn grand Roy deffraieur Refusciter le grand Roy d' Angolmois

Auant apres Mars regner par bon heur

X-72

Câu đầu và câu cuối cho mốc thời gian và tình đầu rõ ràng : tháng 7 năm 1999, trước sau sao Hỏa tinh mặt sức ngự trị. Sao Mars tượng trưng của bạo lực, chiến tranh, tàn phá sẽ là chủ tinh của thời điểm.

Hai câu giữa khó giải đoán vì là ẩn dụ. Theo nhiều nhà chiêm tinh Tây phương muốn giải đoán phải đào sâu vào chiêm tinh học vì Nostradamus không những là một thiên nhân thiên phú, ông còn được chân truyền khoa chiêm tinh đầu số của cha ông gốc Do Thái. Khoa này bắt nguồn từ truyền thống huyền bí Kabbalah Do Thái, là một bộ phái của Do Thái Tây Ban Nha Trung Cổ khoảng thế kỷ 11-12. Bộ phái này cũng thuộc gốc chiêm tinh đầu số cổ xưa của dân Chaldea vùng Mesopotamia giữa hai con sông Tigrates và Euphrate cách đây 4500 năm. Từ vì Tây phương hiện tại bắt nguồn từ đây và khoa Chiêm tinh ấy được gọi là Chiêm tinh chính thống (orthodox or judicial astrology).

Nostradamus khi viết câu sấm quan trọng trên đã dựa vào vận hành tinh đầu để tiên tri lịch sử nhân loại. Nhìn vào tinh đầu năm 1999 lấy *mốc Nguyệt thực 28-7-1999 và Nhật thực 11-tháng 8-1999 sẽ thấy đầu số pháp của Nostradamus*. Ông Trạng cho cả hai hiện tượng cùng xảy ra vào tháng Bảy 1999 vì lịch thời đó sai lệch với lịch Gregorian 11 ngày (*lịch Gregorian đổi ngày 4-Oct. 1582, mừng 5 Oct. thành 15 Oct. 1582.*)

Như vậy nhật thực 11 tháng 8, 1999 theo lịch cũ thời Nostradamus vẫn còn vào cuối tháng 7, 1999 !

Nguyệt thực 28-7-99 có sao Thái dương và Mercury ở cung Leo và Thái Âm với Neptune ở cung Aquarius, câu sấm " *great King of Angolmois* " còn có bản in là " *great King of Jacquerie* " chỉ nguyệt thực, Jacquerie là tên cuộc nổi dậy của nông dân vào năm 1358 chống lại chính quyền phong kiến sưu cao thuế nặng. Cuộc nổi dậy chung quanh Paris này đã bị đàn áp đẫm máu với hơn 20,000 người chết. *Angolmois viết lái chữ Mongolois chỉ vua đến từ phương Đông (Hung Nô)*.

Nhật thực 11-8-1999 sao Thái Dương, Thái Âm đều ở cung Leo. Uranus ở cung Aquarius. Nhật thực ghê gớm " *an alarmingly powerful king* " bao che từ Bắc Đại Tây Dương , qua Đại Tây Dương tới Anh, Pháp, Đức, Áo, Hung, Lỗ...rồi bóng đen phủ khắp Trung Đông Iran, Iraq, Thổ Nhĩ Kỳ, tới tận Pakistan và Ấn Độ.

Nostradamus đặc biệt nhấn mạnh tới hai hiện tượng này vì các tinh đầu ở vị trí đối chiếu mãnh liệt " *grand cross* " trên bản đồ chiêm tinh :

Leo-Aquarius và Taurus-Scorpio là những cung tứ hướng, với sao Hỏa tinh Mars đối chọi với Saturn vào khoảng Nhật thực. Những cái cũ, cơ cấu truyền thống (Saturn) sẽ bị lật đổ, tàn phá (Mars , cộng với Sun và Uranus xung chiếu Saturn và Jupiter), đúng với câu sấm :

*In the year that Saturn and Mars shall be fiery
the air shall be extremely dry in many countries*

IV-67

(vào năm sao Saturn và Mars nộ cuồng
trời nóng khô hạn hán bốn phương...)

Sao Uranus tiêu biểu đột biến tương tự sao Mars, nằm ở cung Aquarius từ 1995 tới 2003, giống vị trí

Uranus từ ngày 19/12/1920 tức thời Đệ Nhất Thế Chiến và thời Cách Mạng Nga Sô. Năm 1914 là năm xảy ra vụ một chính khách Áo bị sát thủ người Serb ám sát, vụ này gây rắc rối quốc tế và châm mồi Đại Chiến.

Các nhà chiêm tinh Tây Phương cũng so sánh bản đồ tinh đầu tương tự giữa năm **1990** (khi Iraq tấn chiếm Kuwait) và năm **1999**. Năm 1990 Nhật thực cũng nằm ở cung Leo và Nguyệt thực ở cung Leo-Aquarius, cũng có sao Mars đi qua cung Taurus, trong khi 1999 sao Mars đối chiếu với Jupiter và Saturn ở cung Taurus. Cả hai năm 1990 và 1999 Thái dương đều ở cung Leo. Điều khác biệt là trong nhật thực nguyệt thực 1999 số tinh đầu hội chiếu gấp đôi năm 1990, với cường độ mãnh liệt bội phần tới mức độ " *alarming* " nhân loại. Những nguyên cớ của chiến tranh Trung Đông và quân điều phạt Bão Sa Mạc Desert Storm, cũng phần nào trở lại vào năm 1999 với những thành phần cũ, lý do cũ, nhưng ở chiều kích vĩ đại bao quát cả Trung Đông, Âu Châu và lan tới Ấn, Hồi.

Một biến cố lịch sử quan trọng khác đã xảy ra quanh thời gian khi tinh đầu trên trục Leo-Aquarius là ngày : 28-7-1914 đại chiến thứ I bắt khởi đầu với sao Thái dương và Mercury ở cung Leo, Uranus ở cung Aquarius.

Nostradamus khi viết " *the alarming powerful king* " có thể đã ám chỉ Leo và " *great king of Jacquerie* " để ám chỉ Aquarius. Leo là biểu tượng của anh hùng cá nhân, Aquarius biểu tượng quần chúng.

Nói tổng quát, tháng 7-1999, vào thời điểm nhật-nguyệt thực, trên địa điểm bóng tối đi qua, trận thư hùng quyết liệt sẽ tới, " mười phần chết bảy còn ba ", các thế lực tư bản, chính trị, tôn giáo, quân sự... sẽ lâm trận, trước khi nhân loại từ bỏ Thời cũ *Age of Pisces* (the Visionary) để đi vào vinh quang thanh bình của Thời mới-*Age of Aquarius* là thời cải cách (the Reformer).

2 - Chiêm tinh gia nhìn vận hội qua chu kỳ nhật nguyệt thực và các chu kỳ tinh đầu hội chiếu. Truyền thống Đông Tây, từ các bộ lạc, xã hội cổ xưa, đều xem nhật nguyệt thực là điềm rất xấu. Sao chổi, động đất, mây thành...là những điềm bất tường. Loài người xưa nay đều tin vào Trời Đất, tiểu và đại vũ trụ đều có liên quan như hình với bóng. Cho nên xem điềm trời và nhìn tinh tú có thể đoán ra biến động xã hội lịch sử. Năm 1999 nhìn tổng quát bản đồ chiêm tinh có :

Sun- Moon ở Leo

Mars ở Scorpio

Saturn ở Taurus

Uranus ở Aquarius

tất cả đều ở vị trí miếu vượng. Riêng sao Neptune có chu kỳ 1998-2012 là ngôi sao thay cũ đổi mới của kỷ nguyên Aquarius, vào tháng 4-1999 sẽ xung chiếu với Saturn ở Taurus. Vì thế *nhiều thay đổi trên thế giới sẽ khởi đi từ năm 1998 để rồi mãnh liệt hơn vào năm 1999*.

Mang **so sánh chu kỳ tinh đầu** với các **biến cố lịch sử** trọng đại có thể thấy sự hội tụ giống nhau của các tinh đầu vào cùng vị trí, thí dụ :

Ngày Hoàng đế *Caesar* bị ám sát 20 tháng 2 năm 44 trước TL và ngày TT J. Kennedy bị ám sát đều có các sao Mars, Venus, Mercury nằm ở cung Capricorn.

Ngày 24 tháng 7 năm 579 tới 2-8-579 *Giáo hoàng Gregory* phải bỏ La Mã đi tìm viện trợ chống với quân xâm lăng Lombards (tiểu quốc Đức vùng Elbe) và ngày 18-7-1999 tới 28-7-1999 theo Sám Nostradamus X-72 đều có sao Neptune ở cung Pisces, Saturn ở Taurus, Mars ở Scorpio, Venus ở Virgo, Mercury ở Scorpio, Sun ở Leo.

Ngày 27-11-1241/13-12-1241 quân *Mông Cổ* xâm lăng Đông Âu so với ngày 11-12-1999/21-12-1999 (đoạn V-48 và V-54 nói về một Antichrist từ phương Đông tiến công Âu châu) có các sao Mars và Moon ở Aquarius, Sun và Mercury ở Sagittarius, Jupiter ở Aries-Taurus, Saturn ở Virgo, Leo ở Taurus.

Ngày 31-3-1967 / 5-9-1967 khi quân *Đức* vượt sông *Danube* xâm lăng Hy Lạp so với 4-1-2010 / 6-10-2010 (đoạn I-72 và V-48) các vì sao hoàn toàn nằm vào vị trí giống nhau : *Mars* ở Leo-Virgo, *Venus* ở Taurus, Gemini, Cancer, *Mercury* ở Aries -Taurus, *Sun* ở Aries, Taurus, Gemini, Cancer, *Moon* ở suốt 12 cung.

* Riêng ngày 1 tới 3 tháng 5, 2000 tất cả các sao chính Mars, Saturn, Jupiter, Venus, Mercury, Moon, Sun đều nằm trong cung Capricorn (cung số 10). Tất cả các sao trên đều chiếu thẳng góc - square - với Neptune và Uranus là hai sao có đặc tính thay cũ đổi mới.

Hiện tượng **nhật thực** cũng được các chiêm tinh gia nghiên cứu tỉ mỉ để chứng minh tầm quan trọng đối với các đại biến lịch sử. Thí dụ như Giáo chủ Hồi giáo *Mô Ha Mết* sinh đúng ngày nhật thực 3 tháng 8-566, nhật thực này bắt đầu che phủ xứ Nam Dương rồi qua tới Trung Đông, về sau các xứ nằm trong vùng nhật thực đó trở thành Hồi Giáo. Ông trùm Cộng Sản, *Karl Marx*, gốc Do Thái-Đức, sinh đúng ngày nhật thực 5-5-1818, vùng nhật thực này bao trùm đất Nga.

Năm 1947 *Pháp* tái chiếm Việt Nam và khai hỏa đúng ngày nhật thực nên 8 năm sau bị bại.

Nhật thực 1998 vào ngày 22 tháng 8, cách hai ngày sinh nhật của ông Clinton (19/8/46), ở 28 độ Leo, nên ông Tổng Thống này bị đại hạn nặng nề. Trong nhật thực 1998 sao Mars và Venus ở cung Leo, đối chiếu với Neptune và Uranus, 7 sao khác cộng với Nhật Nguyệt vây quanh định tinh Regulus là sao tiêu biểu Nguyên thủ, nên nhiều vị nguyên thủ quốc gia bị mất chức hoặc mệnh chung : TT Sokarno bên Nam Dương bị lật (tháng 5/98), TT Kolh sau 16 năm bị thay thế ở Đức (9/98), các nguyên thủ bị xuống hoặc thân bại danh liệt như Thủ Tướng Nhật Bản, TT Mỹ, TT Yeltsin... và tới cuối năm 1998 còn có thể xảy ra thêm. Chưa kể Hồng Kông sau một thế kỷ đã trở lại với Trung Hoa và cờ Anh quốc đã hạ xuống, đây là tác dụng thay đổi của Neptune và Uranus.

3 - Nostradamus và Trạng Trình có nhiều điểm giống nhau : cùng xuất hiện vào thế kỷ 16, cùng đỗ đại khoa, cùng có thiên tài tiên tri từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Riêng việc Nostradamus khi chết chôn đứng đã bị một hai tác giả Việt Nam mang đặt vào giai thoại Trạng Trình, có tác giả lại thay đổi đi là Trạng Trình khi chết dặn con cháu chôn nằm xấp, sau cải táng đặt lại thành nằm ngửa và thấy trong áo quan có lời đoán trước về chuyện chôn xấp ngửa đó ! Có lẽ trong thời Pháp thuộc nhiều vị đọc sách Pháp ngữ về Nostradamus đã lẫn lộn chăng ?

Điểm khác biệt là tập Sám Centuries còn nguyên vẹn nên người sau khó thêm bớt, còn Sám Trạng Trình chỉ truyền khẩu, bản xưa bị tam sao thất bản nên hậu thế thêm thắt bịa đặt rất nhiều.

4 - Trong Sám Trạng Trình có câu :

Chữ rằng lục thất nguyệt gian

Ai mà biết được mới gan anh tài

Câu lục bát này đáng nghi ngờ do người sau đặt ra vì thể thơ lục bát chưa có vào thế kỷ 16 và Trạng Trình không bao giờ dùng thể lục bát trong thơ nôm. Chữ *lục thất nguyệt gian* có thể đã được lấy từ câu sấm *tháng 7 năm 1999* của Nostradamus ?

5 - Trong Đại chiến 1999, nhật thực đi qua Pakistan và Ấn Độ. Với vũ khí nguyên tử thử nghiệm bất ngờ vào tháng 5-1998, phải chăng lời tiên tri của Nostradamus đã bắt đầu manh nha ứng nghiệm nếu hai nước này dính líu tới thánh chiến sắp tới ?

6 - Hai câu sấm lưu truyền ở Việt Nam từ nửa thế kỷ nay :

Mười phần chết bảy còn ba

Chết hai còn một mới ra thái bình

cũng không phải là sấm Trạng Trình vì là thể lục bát xuất hiện sau này. Có lẽ khoảng Đệ II thế chiến một tác giả vô danh nào đó đã dựa vào Sám Nostradamus để giải rộng ra.

7- Nostradamus không tiên tri nhiều về Hoa Kỳ trong Đại chiến 1999. Có một câu sấm nói về *một thành phố Mới* sẽ bị tiêu hủy, phải chăng đó là New York, vì tầm quan trọng của nó bên bờ này Đại Tây Dương ?

The skies shall burn at 5 and 40 degrees the fire shall come near the great new city (lửa trời đốt cháy vĩ độ 45 gần một thành phố mới)

VI-97

hoặc :

Earthshaking fire from the center of the earth will cause tremors around the new city (Ennofigee feu du centre de terre fera trembler un tour de cité neufue..)

I-87

(Ennofigee = earthquake, gốc chữ Hy Lạp, thuộc sao Neptune). Một đoạn khác nói về nước uống ở New York sẽ bị nhiễm hoặc bỏ thuốc độc :

The garden of the world near the New City

in the ways of the hollow mountains

It will be seized and plunged in the tank

forced to drink water poisoned with sulphur.

X-49

New city (Cité neufue) hẳn là New York, và The Garden of the world gần đây có thể là New Jersey sát cạnh vì New Jersey còn được gọi là tiểu bang " Garden State ".

Vả lại nếu xảy ra Đại chiến thứ III, chắc chắn Hoa Kỳ không thể đứng ngoài. Lời tiên tri về nước Anh cho thấy nước này sẽ bị đại họa đến nỗi một nhân vật từ Mỹ phải sang lãnh đạo, hai nước có cùng một chính quyền. Như vậy Hoa Kỳ đã liên quan tới Đệ I và Đệ II Thế chiến, sẽ còn bị lôi cuốn vào kỳ thứ ba, ở Trung Đông và Âu Châu.

8 - Không thấy Nostradamus nói gì đến Á Đông, Tàu, Nhật...có thể Á Đông sẽ tránh được hiểm họa " trâu bò húc nhau " kỳ này chăng ? Chỉ thấy các chiêm tinh gia nhắc tới Hồi quốc và Ấn Độ. So với Sấm Trạng Trình, thời điểm sắp tới, Viễn Đông Bách Việt có Thánh nhân xuất đưa toàn dân vào kỷ nguyên thanh bình vương đạo suốt 500 năm, như vậy có thể suy rằng Việt Nam đã bị chiến tranh ma hành quỷ phá liên tục nửa thế kỷ nên nay được yên ổn đi vào vận hội mới.

9 - Nostradamus nhấn mạnh tới những thiên tai đặc biệt là động đất, nóng cháy, hạn hán, hồng thủy do nhiệt độ địa cầu tăng làm chảy băng Bắc cực, động đất lớn, mưa đá to như quả trứng (*hail shall fall bigger than an egg*), song song với dịch hạch, chết đói...:

Le tremblement fi fort au mois de May

Saturne, Caper, Jupiter, Mercure au Beuf, Venus auffi Cancer, Mars, en Nonnay,

Tombera greffe lors plus groffe qu' vn euf

C-X-67

(Beuf là Taurus, Nonnay là Virgo, auffi là aussi = also, euf là egg).

Sau này, thế kỷ 20, Edgar Cayce cũng tiên đoán giống như vậy. Hiện tại, 1998, hiện tượng thời khí bất thường El Niño, nóng cháy, lụt, cuồng phong... cho thấy dường như lời sấm đang ứng nghiệm, báo hiệu điềm bất tường cho nhân loại trước ngưỡng cửa thế kỷ 21. Gần đây, các chuyên gia khí tượng thế giới còn đặc biệt quan tâm tới hiện tượng Bão Mặt Trời (*Sun Storm*), vì mặt trời là một khối lửa lỏng và nóng tới 2 triệu độ, mỗi ngày lại nổ 1-2 lần, phóng ra các điện tử (particles) làm rung chuyển các tầng lớp điện từ trường (electromangetic) trong vũ trụ, tạo ra một đám mây nóng lan tỏa với tốc độ 2 triệu miles một giờ, khi đám mây cuồng nộ này chạm vào từ trường trái đất có thể làm đảo lộn dòng điện và khí hậu, hiện tượng này đã làm vùng Quebec, Canada, mất điện vào năm 1994, phá vệ tinh thông tin Telestat . Các trận Sun Storms này cứ 11 năm lại xảy ra, lần trước vào năm 1989, lần tới vào năm 2000 !

Ngoài ra mỗi năm vào ngày 17 tháng 11, trái đất đều phải đi qua " bụi trường " (debris field) của sao chổi Tempet-Tuttle, các hạt bụi tuy nhỏ nhưng có vận tốc 158.000 miles/ giờ, khi cọ sát làm điện từ trường trái đất bị rối loạn và làm các vệ tinh nhân tạo (hơn 500 quả) bị tổn hại. Cứ mỗi 33 năm sự cọ sát lại mãnh liệt hơn năm thường vì trái đất phải xuyên qua vùng bụi trường dày đặc nhất, lần trước vào năm 1966, lần tới vào năm 1999 !

10 - Tập Sấm cuối là tập số 10 gồm nhiều bài nói về Tân kỷ nguyên với những lời tiên tri về Antichrist thứ III, trận chiến kinh thiên động địa, thiên tai, Giáo hoàng phải rời khỏi Vatican, một Thánh vương xuất hiện với một thời đại MỚI, tôn giáo mới v.v.. *Có thể* vì sợ đụng chạm đến giáo quyền rất mạnh và rất hẹp hòi của thời ấy (Sấm Nostradamus bị Giáo hội La Mã xếp vào loại sách cấm năm 1781) nên Nostradamus đã cố tình không in lúc còn sống (1555) và để lại cho vợ và môn đệ Chavigny in ra 2 năm sau khi ông mất (1568) :

Đoạn X-74 :

Not far from the great age of Millennium

when the dead will come out of their tombs

đường như muốn mô tả ngày ma vương quỷ sứ tung hoành.

Đoạn X-75 :

He will grow above all other kings of the Orient

nhắc tới một Antichrist vươn lên hàng đầu từ phương Đông.

Đoạn X- 93 :

The new Barque will go on voyages

Far and near they will transfer the Empire

Nói về Giáo hoàng La Mã (*La barque neufue*) di chuyển vì xa gần "*họ*" sẽ hoán chuyển Đế quốc.

Đoạn X-100 :

The great Empire will be for England

the all powerful for more than 300 years

Đây là bài chót thứ 100 của tập chót X Sấm ký, tiên liệu Đế quốc Anh chỉ tồn tại hơn 300 năm. Nếu tính từ thế kỷ 18 thì Đế quốc này sắp hết hồng vận.

URSULA SOUTHIEL (Mother Shipton) 1488-1561

Sinh năm 1488 tại Yorkshire , Anh Cát Lợi, cùng thời với Trạng Trình bên ta vào triều Mạc. Bà có di tướng xấu xí như quỷ, khổ người rất to và cồng, bà mẹ tên Agatha vốn là một mụ phù thủy, nên thuở bé bà phải bỏ học vì bị chúng bạn chế diễu. Bà rất thông minh và có năng khiếu tiên tri từ nhỏ, năm 24 tuổi lấy chồng làm thợ mộc, nổi tiếng rất sớm qua những bài thơ tiên tri về nhiều sự việc đương thời như đoán trúng việc vua Henry VIII xâm lăng miền bắc Pháp năm 1513, đoán đúng Công tước Duke of Suffolk bị chém đầu (bà nói rằng sẽ tới lúc *Công tước sẽ thấp lùn như tôi ! My love, the time will come when you will be as low as I am*- Duke of Suffokk bị chặt đầu năm 1554 !).

Cũng như Nostradamus, Bà bị giáo quyền đe dọa vì đoán Hồng Y Wolsey sẽ chết sớm ! Hồng Y Wolsey liền cử hai Giám mục tới tận nơi cảnh cáo và dọa sẽ ném bà vào lửa thiêu sống như thiêu phù thủy, bà thần nhiên rút chiếc khăn quàng ném vào lò than đang bốc lửa rồi nói " *để xem, nếu chiếc khăn quàng này cháy thì thân ta mới bị chết cháy !* ít phút sau, chiếc khăn quàng kéo ra khỏi lò than vẫn còn nguyên vẹn không cháy một sợi len !

Mãi tới năm 1646 các lời tiên tri của bà mới được thu thập lại và in thành tập *Collection of Prophecies*. Người sau nói có tới 18 bài đã xảy ra đúng như tiên đoán, kể cả vụ cháy lớn thiêu hủy London năm 1666. Ngày nay các bài thơ tiên tri của bà được truyền tụng phổ biến bên Anh quốc như những bài ca dao dí dỏm và rất ứng nghiệm

Under water man shall walk

shall ride and sleep and talk

in the air men shall be seen

in white and black and also green

dịch :

Dưới nước sâu, người ta đi, lái tàu, ngủ, nói chuyện,

Trên không, thấy được người, đủ màu, đen, trắng, xanh

đoạn này cho thấy từ 500 năm trước (cùng thời với Trạng Trình bên ta và Nostradamus bên tây) bà Shipton đã nhìn thấy thời đại tàu ngầm, điện ảnh, truyền hình !

Một đoạn khác nói trước thời đại xe hơi, điện thoại , vô tuyến :

Carriages without horses shall go and accidents fill the world with woe. Around the earth, thoughts shall fly in the twinkling of an eye.

dịch :

Xe không ngựa kéo vẫn cứ đi nạn khổ tai ương thật sâu bi ý tưởng bay vòng quanh mặt đất nháy mắt đến nơi thật lạ kỳ.

Một đoạn thơ khác lại mô tả tiên kiến thế kỷ hiện đại Âu Mỹ như sau :

*The women shall adopt a craze to dress like men and trousers wear and cut off all this lock of hair,
Then love shall die and marriage decrease the wives shall fondle of cats and dogs and men live
much the same as hog*

Dịch :

Đàn bà rồi sẽ điên cuồng

mặc quần mặc áo như tuồng đàn ông

cắt phăng lọn tóc bênh bông

tình yêu khô cạn vợ chồng hiếm hoi

vợ thời mèo chó ôm chơi

chồng thời heo lợn sống đời súc sinh

Bà cũng tiên tri về trận chiến quyết định Armageddon, tuy không rõ năm tháng, nhưng viết là cuộc chiến kéo dài 4 năm, vị vua từ xứ mặt trăng (xứ Hồi giáo) sẽ làm kinh hoàng cả thế giới, kéo nhiều nước vào vòng chiến (*Then shall come the Son of Man, having a fierce beast in his arms, which kingdom lies in the Land of the Moon, which is dreadful throughout the world,..and an eagle shall destroy castles of the Thames, and there shall be a battle among many kingdoms... and the fourth year shall be many battles for the faith and the Son of Man.*) .

Trận thánh chiến sẽ kéo dài 4 năm, sau đó thế giới sẽ được hưởng hòa bình thịnh vượng. Chữ " *eagle* " có người giải đoán gượng gạo là biểu hiệu của nước Mỹ (thời Bà tiên tri chưa có nước Mỹ !), nhưng cũng có thể là biểu hiệu của Đức, hoặc là loại vũ khí phi tiễn bắn vào nước Anh (*castles of the Thames*). Tiên đoán này cũng trùng hợp với Nostradamus và nhiều nhà tiên tri khác.

Bà Shipton mất năm 1561, hình bà được nặn sáp (wax) đứng tại nghĩa trang nổi tiếng Westminster Abbey bên cạnh Vua chúa như Edward VI, Queen Elizabeth I, Giames I, Oliver Cromwell, cho mãi tới năm 1839 mới bị bỏ đi.

LOUIS HAMON tức CHEIRO 1866-1936

Nhà tiên tri Anh nổi tiếng một thời tự phong hầu tước Count của Hoàng triều Anh Quốc, biệt hiệu trong giới bói toán là Cheiro, lấy chữ Hy Lạp, chỉ bàn tay. Ông tiên đoán bằng nhiều phương pháp như xem chỉ tay, chiêm tinh và số học. Ông sinh tại một làng ngoại ô Dublin, Ái Nhĩ Lan, cha người Anh, mẹ người Pháp rất tin chiêm tinh.

Năm chưa đầy 20 tuổi ông bỏ nhà sang Bombay, Ấn Độ, lúc ấy ông đã có tài tiên tri lại được học thêm khoa chỉ tay của đạo sĩ Bà La Môn và được huấn luyện học tập 3 năm với một đạo sĩ guru, nên năng khiếu bói toán của ông càng sắc bén rộng rãi hơn. Ông có viết một tập sách bàn về khoa lý số Ấn Độ mà ngày nay còn được các chiêm tinh gia Ấn dùng làm tài liệu khảo cứu. Sau khi rời Ấn ông đi chu du sang Ai Cập xem các mộ vua chúa và xin được một bàn tay của xác ướp Ai Cập. Ông luôn luôn mang theo bàn tay xác ướp này cho đến cuối đời.

Trở về London năm 24 tuổi, ông bắt đầu hành nghề xem chỉ tay và nổi tiếng tức thời. Ông xem cho Balfour, một chính khách, và đoán đúng ông này sẽ lên chức Thủ tướng. Ông đoán trước cho nhà văn Oscar Wilde 7 năm sau sẽ bị hạn nặng trừ phi thay đổi chính mình. Quả nhiên 7 năm sau đó Oscar Wilde bị tù vì tội đồng tính luyến ái.

Tới năm 27 tuổi ông thầy xem chỉ tay đã mài mê nghiên cứu được hơn 6000 bàn tay. Sau 3 tháng nằm bệnh ông sang Mỹ và đi diễn thuyết khắp nơi về khoa bói toán chỉ tay. Danh tiếng ông nổi lên như điều sau khi ghé vào tai tử tù H. Meyer nói rằng cứ yên trí sẽ không bị lên ghế điện, quả nhiên một ngày trước khi lãnh án, tội tử hình được đổi ra tù chung thân ! Cả nhà văn Mark Twain cũng tới gặp ông xem quẻ và ngay Tổng Thống G. Cleveland cũng nhờ ông xem chỉ tay. Ông đoán Tổng Thống Cleveland sẽ không có nhiệm kỳ thứ ba ! Một luật sư tên tuổi ở New York, cự Đại Tá thời Nội chiến , Robert Ingersoll phải thốt lên rằng " *tôi có thể không tin Chúa, không tin Quỷ, không tin người, chứ không thể không tin Cheiro !* "

Trở về Anh năm sau, 1894, ông được Bộ trưởng Quốc phòng Lord Kitchener vời vào xem chỉ tay. Ông khuyên năm 66 tuổi Lord Kitchener không nên đi tàu thủy. Nhưng năm 1916 vì nhiệm vụ Bộ Trưởng Lord Kitchener đã lên chiến hạm Hampshire đi Nga để gặp Nga Hoàng Nicholas II. Chẳng ngờ chiến hạm trúng mìn của Đức và bị chìm.

Năm 1900 ông được ban huân chương cao quý của Ba Tư vì đã báo trước cho Shah Ba Tư là sẽ có kẻ mưu sát nhà vua tại Hội chợ quốc tế Paris.

Năm 1911 ông dẫn dò nhà văn và nhà xuất bản nổi danh William Stead chó nên đi đâu bằng tàu thủy trong tháng 4/1912. Ông Stead không tin nên đã lên tàu Titanic và chết dưới lòng biển ngày 14-4-1912.

Các vua chúa Âu Châu lúc đó như vua nước Bỉ, vua nước Ý, vua Edward VII nước Anh đều tin tài bói toán của Cheiro. Qua Anh hoàng, ông được dịp gặp vua Nicholas II của Nga và đã đoán rằng năm 1917 là năm đại họa cho nhà vua và hoàng gia. Năm 1904 ông được Nga hoàng tiếp đón tại lâu đài Mùa Hạ ở St. Petersburg. Trong thời gian lưu lại Nga, ông gặp một ông đạo kỳ dị của Nga là Grigori Rasputin, cả hai kỳ phùng trong một trận thôi miên bất phân thắng bại không ai thôi miên được ai. Ông

tiên đoán Rasputin sẽ chết trên dòng sông băng giá Neva sau khi bị đánh thuốc độc, bị đâm và bị bắn. Điều này 11 năm sau đã xảy ra cho Rasputin y hệt lời tiên đoán.

Cheiro sống đời phiêu lưu và đầy sóng gió ái tình. Ông phải học võ jujitsu và mang súng tự vệ vì bị nhiều tình địch hăm dọa. Có lần ông lang chạ với một bà thân chủ và bị ông chồng nổi ghen đâm trúng sườn. Năm 1895 ông làm phóng viên chiến tranh trong thời chiến tranh Trung-Nhật và năm 1905 trong thời chiến tranh Nga-Nhật. Có tài liệu cho rằng trong thời Đệ I Thế chiến ông làm việc cho Mật vụ Anh và đã gặp Mata Hari, một vũ nữ khóa thân và cũng là một điệp viên nổi tiếng. Ông xem chỉ tay và đoán năm 1917 Mata Hari 37 tuổi sẽ gặp hạn. Năm đó nàng bị Pháp xử bắn vì tội gián điệp cho Đức.

Về những biến cố lịch sử trọng đại, Cheiro đã đoán trước được Đại chiến thứ I bùng nổ, cách mạng Cộng sản Nga và Tàu. Ông còn tiên tri được cả tên nước Israel do người Do Thái trở về lập quốc ở Palestin, nước Ấn Độ sẽ độc lập để rồi bị chia cắt thành Hồi và Ấn. Cheiro cũng đoán trước thời Franco độc tài ở Tây Ban Nha.

Những tiên đoán về tương lai thế giới gồm có :

- *Nhật và Tàu sẽ liên minh để chỉ đạo Á Châu.*

- *New York sẽ bị trận động đất lớn tàn phá.*

- *Không quân Nga sẽ san bằng London.*

- *Trận Đại chiến Armageddon sẽ bùng nổ khi Nga, Libya, Ethiopia , và Iran xâm chiếm Palestine.*

Cheiro sang Hollywood sinh sống vào năm 1930 , mở trường Siêu hình, xem chỉ tay cho nhiều tài tử và mất năm 1936 tại Hollywood Boulevard.

LỜI BÀN :

Ba năm tu học tại Ấn Độ với các đạo sĩ và chiêm tinh gia có thể là yếu tố chủ chốt phát triển khả năng tiên tri của Cheiro. Sau đó ông lại sang Ai Cập cảm về một bàn tay xác ướp, có liên hệ gì giữa khoa học huyền bí từ vùng sa mạc Ai Cập Trung Đông tới Hy Mã Lạp Sơn không ?

Trận chiến phân rõ trắng đen Armageddon tuy không nói rõ năm tháng như Nostradamus nhưng cũng tương tự vì nhắc tới các nước Hồi giáo và New York bị tàn phá vì động đất.

Vua Chúa, Bộ trưởng, Thủ tướng, Văn gia...đều tin vào tử vi lý số, thời xưa, thời nay, bên Tây, bên ta lòng người đều không khác nhau : tìm hiểu tương lai là chuyện nhân bản, không thể lẫn chuyện mê tín dị đoan với lý số học chân chính.

*BÃO, LỤT, CUÔNG PHONG, ĐỘNG ĐẤT, LỬA ĐÁT
CHÁY RỪNG, HẠN HÁN, NÚI LỬA , NÓNG CHÁY DA*

NHÀ TIÊN TRI SỐ MỘT HOA KỲ EDGAR CAYCE đã nói gì về Kỷ Nguyên Mới ?

Ông Đạo Edgar Cayce sinh năm 1877 tại một làng quê gần Hopkinsville thuộc tiểu bang Kentucky. Thuở nhỏ cậu Edgar học rất kém, năm lên 9 tuổi vẫn không biết đánh vần một chữ ngắn như chữ *cabin*. Một hôm ông bố kèm mãi không thấy con đánh vần đúng bèn bỏ ra ngoài và cho cậu bé nửa tiếng để ngồi ôn tập. Cậu bé Edgar thay vì ngồi học đánh vần lại thiu thiu ngủ, và lạ thay, trong giấc mơ màng cậu nghe thấy tiếng ai nói vào tai " *cứ ngủ đi, ta sẽ giúp con học* ". Nửa giờ sau bị đánh thức dậy và tiếp tục đánh vần, thì kỳ diệu thay, cậu đánh vần trơn tru không những một chữ mà cả một tập ! Hai bố con đều ngạc nhiên không biết " bà mẹ tiên " nào tối nay đã mở trí óc cho cậu bé lên 9 như vậy ?

Suốt thời niên thiếu Edgar đã nhiều lần đắm chìm trong những cơn mê sáng kỳ diệu. Có lần chơi đánh bóng khăng Mỹ-baseball- xương sống bị thương nặng, trong lúc hôn mê ông bảo mẹ ông đắp vào sống lưng một loại cao (poultice) nhờ đó ông bình phục rất nhanh . Edgar bỏ học khi mới lên lớp 9, rồi làm đủ mọi việc : thư ký, bán sách, bán bảo hiểm, làm nghề chụp ảnh... lấy vợ, sinh hai trai, ngày ngày đọc Kinh... nhưng diệu năng chữa bệnh đặc biệt mới là nghề tay trái thường xuyên của ông. Nhờ một người cùng tỉnh nhà biết thuật thôi miên giúp ông thiếp đi và mỗi lần nằm " ngủ " như vậy ông bật ra khả năng chẩn bệnh và trị liệu cho nhiều bệnh nhân.

Tên tuổi ông *Đạo Ngủ* bắt đầu được lan truyền, nhiều bác sĩ và khoa học gia tới tận tỉnh Hopkinsville xa xôi hẻo lánh để thử khả năng chữa bệnh của ông. Tờ báo Hearst mời ông lên Chicago ra mắt quần chúng, tên ông được nhắc tới trên nhiều tạp chí kể cả tạp chí Y khoa. Mỗi lần nhận được thư từ hỏi bệnh từ bốn phương gửi tới, ông nằm dài trên ghế, thở sâu như thiền định, thiếp đi trong cơn mê, đồng thời nghe bà vợ đọc to từng bức thư. Từ cơn mê ông phân định tật bệnh và chỉ dẫn cách chữa. Có lần ông chỉ cho một bệnh nhân bị bệnh đái đường dùng Jerusalem artichokes nấu thành nước uống giải (artichokes sau này được khoa học nghiên cứu là có chất tiêu giảm đường), ông thường mách bệnh nhân dùng dầu castor oil (loại thuốc xổ), và một loại thuốc đặc biệt nấu với sữa gồm lá cây, sulfur, muối, tartar. Ông còn nhìn được từng chi tiết ăn ở, quần áo bệnh nhân ở xa, có khi chỉ rõ lọ thuốc để ở học tủ nào trong Dược phòng để Dược sĩ biết chỗ tìm. Riêng ông, năm 21 tuổi cổ họng tự nhiên bị co thắt lại không rõ nguyên do y lý và không chữa được, sau phải nhờ tới thuật thôi miên mới bớt.

Từ đây về sau ông tập trung vào việc chữa bệnh , ai có tiền thì trả , không có thì chữa miễn phí. Năm 1927 những người hâm mộ gọi ông là " tâm thức vũ trụ " (*Universal consciousness*) và quyên góp xây hẳn một bệnh viện ở Virginia Beach cho ông chữa bệnh. Ông bị bắt 2 lần vì tội hành nghề Y khoa không có giấy phép và tội xem bói ở Nữ Uớc, nhưng cả hai lần đều được tha bổng.

EDGAR CAYCE NHÀ TIÊN TRI

Ngoài khả năng chữa bệnh kỳ diệu, ông đạo Cayce còn có năng khiếu tiên tri tài tình. Tháng Tư năm 1929 ông đã đoán trúng cơn khủng hoảng thị trường chứng khoán cho một broker mặc dầu khi đó thị trường chứng khoán Mỹ đang đà lên suốt mấy năm liền. Ông khuyên người broker có bao nhiêu cổ phần hãy bán hết đi. Người broker không nghe lời ông và 6 tháng sau bị khánh tận vì cuộc khủng hoảng Wall Street.

Ông đạo Cayce đoán trúng ngày khai chiến và ngày chấm dứt của hai cuộc Đại chiến thứ I và thứ II, ngày độc lập của Ấn Độ, Do Thái (ông đoán trước 15 năm việc lập quốc Israel), cái chết của Tổng Thống Roosevelt và Kennedy. Ông cũng biết trước cuộc khám phá tia Laser và ngày tìm ra Cuộn Kinh Thánh Biển Tử (Dead Sea Scrolls).

Năm 1926 ông tiên đoán rất đúng cuồng phong ở Nhật, động đất ở Cali, sóng thần ở Phi Luật Tân.

Gần 20 năm sau khi ông chết, các nhà khoa học huyền bí mang phân tích các tài liệu để lại và tiên đoán sai lầm là California sẽ trôi xuống biển vào tháng 4 năm 1969 ! Nhiều người tưởng thật dọn nhà đi khỏi Cali ! Thật ra ông Cayce không nói đích xác năm tháng nào, ông chỉ nói Cali sẽ bị thiên tai đó !

NHỮNG LỜI TIÊN TRI VỀ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Sau đây là lời tiên tri của Edgar Cayce về những năm chót của thế kỷ 20 :

- *Tự do dân chủ* sẽ lan rộng khắp thế giới kể cả Trung Hoa.
- Những *biến thái vật lý trên mặt địa cầu* có thể làm Bắc Âu rơi xuống biển trong nháy mắt, Nhật Bản sẽ bị động đất và núi lửa tàn phá, tiểu bang North và South Carolina, Georgia, nam Alabama sẽ chìm xuống lòng đại dương.
- *Thế Chiến thứ III* sẽ xảy ra vào năm 1999 và trong 1 năm chiến họa, văn minh thế giới hiện tại sẽ chấm dứt để nhường bước cho một thời đại hòa bình, *tâm linh, thịnh vượng mới, dài 1000 năm*.
- Cayce đặc biệt chú trọng tới *đại lục Atlantis* khi xưa chìm dưới biển sẽ trôi lên thành đất liền từ Vịnh Mexico tới bờ Địa Trung Hải. Ông nói về chuyện này tới gần 700 lần trong toàn bộ tiên tri.

Edgar Cayce tin vào luật luân hồi và năm 1936 trong cơn mê ông thấy mình sẽ tái sinh 200 năm sau, vào năm 2158, khi ấy Nebraska sẽ là bờ phía Tây của Hoa Kỳ. Ông thấy mình bay về hướng Đông nước Mỹ trên một máy bay hình dài tròn như điều xì gà, bay qua một hòn đảo đang có đông người dọn dẹp đất đá để xây cất thành thị, ông hỏi đây là nơi nào thì một nhân công trả lời là " *khi xưa đây là Nữ Uớc bán đảo Manhattan* " ! Thời này vẫn còn kỹ nghệ rải rác, nhà cửa làm bằng kính, tỉnh Norfolk, Virginia, trở thành một hải cảng vĩ đại.

Ngày 1 tháng Giêng năm 1945 ông Đạo Cayce nằm trong nhà dưỡng lão tại Roanoke, Virginia, tiên đoán là 4 ngày nữa sẽ là đám tang chính mình. Ông Đạo chết đúng 4 ngày sau đó. Ông thọ 67 tuổi.

Ông Đạo Ngủ để lại hơn 14000 lời đề cập tới hơn 10000 sự việc trong hơn 50 năm " đồng thiếp ". Hiện nay tại Hoa Kỳ, tên tuổi ông trong ngành khoa học huyền bí còn sáng chói hơn Nostradamus vì ông tiên tri nhiều về nước Mỹ, trong khi Nostradamus lại chú trọng vào Âu Châu, Trung Đông.

LỜI BÀN :

1 - Lời tiên tri về tự do dân chủ lan tràn toàn cầu đã nghiệm đúng. Trường hợp Trung Hoa (và vài nước khác như Việt Nam, Cuba...) đang trên đà cải hoán và thể chế dân chủ trước sau cũng sẽ tới. Cayce đã đoán đúng phong trào trở về tâm linh tôn giáo ở Nga Sô, biến chuyển này khởi đầu hành

trình tìm kiếm giá trị tinh thần mới trên toàn thể giới sau khi Duy vật và Duy Tâm tranh chấp nhau suốt cả trăm năm.

2 - Những thay đổi bất thường về khí hậu trên thế giới và Hoa Kỳ do ảnh hưởng El Niño có thể đã được Edgar Cayce cảm nghiệm và diễn tả là mặt đất biến đổi đột ngột - "*sudden physical changes in the earth surface*" hoặc trục địa cầu bị chệch- "*shifts in the polar axis*", từ đó ông tiên tri về những phần đất sẽ chìm xuống biển. Bờ biển Đông, Tây Mỹ, Trung bộ nước Mỹ đều không tránh khỏi biến đổi. Los Angeles, San Francisco sẽ bị tàn phá trước cả New York. Tuy vậy vùng an toàn theo Cayne vẫn là vùng Trung tâm Hoa Kỳ (Ohio, Indiana, một phần Illinois) . Trong khoảng thời gian 1958-1998 bản đồ thế giới sẽ biến đổi, ông thấy trước những trận cuồng phong, cháy rừng, động đất, núi lửa, hạn hán, đất lở...là những thiên tai đã và đang xảy ra.

Một nhà tiên tri Hoa Kỳ hiện đại, ông Gordon Scallion, một khoa học gia điện tử, cũng kinh qua những biến thái cơ thể giống Edgar Cayce : tự nhiên bị mất tiếng, nhìn suốt cơ thể bệnh trạng người khác, thấy luồng hào quang (điện từ trường ?) bao quanh người đối diện. Từ thập niên 80 tới nay, ông đoán rất đúng các thiên tai động đất, bão lụt tại California. Ông cũng cảnh giác về chuyển biến địa hình tại miền Tây và Nữ Ước giống như Cayce.

3 - Từ tháng 8 năm 1998, nhiều chiêm tinh gia Tây phương tiên đoán rằng sẽ có **một hay vài vị quốc trưởng, vua, giáo hoàng, chủ tịch... bị chết hoặc mất ngôi vị**. Suy luận này dựa trên các sao hội quanh nguyệt thực 8-8-1998 và nhật thực 22-8-1998. Với sao Mars và Venus nằm ở cung Leo, chính chiếu với sao Neptune và Uranus, thêm 7 sao nằm trên trục Leo-Aquarius, có Nhật và Nguyệt tam hợp **định tinh Regulus là sao của vua chúa quốc trưởng**. Vùng bị ảnh hưởng theo chiêm tinh Tây Phương là vùng Âu Mỹ, Trung Đông, Bắc Phi... và cả Ý-Vatican, trong **khoảng thời gian trước sau tháng 8 năm 1998**.

Edgar Cayce trong cơn mê sáng tiên tri cảm thấy những biến chuyển địa lý và thiên tai vào năm 1998. Ngày 22 tháng 7-1932 ông tiên tri thời đại mới, "*tân kỷ nguyên*" sẽ bắt đầu từ năm 1998.

4 - Cũng như các nhà tiên tri khác như Nostradamus, Jeane Dixon, Cheiro... Edgar Cayce đoán đại chiến thứ ba sẽ xảy ra vào năm 1999.

JEANE DIXON 1918-1997

NGƯỜI TIÊN ĐOÁN VỤ MUU SÁT TT KENNEDY VÀ MỘT ĐẠI NHÂN GIÁNG THỂ VÀO NĂM 1962

Bà Dixon người Đức, cùng cha mẹ sang California từ nhỏ. Theo lời bà kể lại, tại California bà gặp một người thầy bói gốc gypsy Bohemien cho bà biết là bà có năng khiếu tiên tri đặc biệt. Là một tín đồ Thiên Chúa Giáo La Mã thuần thành, bà cho năng khiếu ấy là hồng ân Thiên chúa. Bà thường nhìn vào quả cầu thủy tinh để tiên đoán và cũng dùng khoa chiêm tinh để bói quẻ.

Năm 1952 đứng trước tượng Virgin Mary tại nhà thờ St Matthew, thuộc Washington D.C. bà chợt thấy hình bóng tòa Bạch ốc với con số 1-9-6-0 trên nóc, bà còn thấy một người đàn ông trẻ tuổi, mắt xanh, tóc nâu, lơ lửng trước cửa chính, rồi trong thâm tâm bà bỗng có tiếng nói bảo rằng người đàn ông trẻ đó là một người thuộc đảng Dân chủ, sẽ được bầu làm tổng thống vào năm 1960, nhưng rồi bị chết bất đắc kỳ tử trong lúc đương nhiệm.

Chuyện này được kể nhiều lần và năm 1956 được đăng trên báo. Tháng 10-1963 bà còn nhìn thấy " *có một bàn tay tử thần bỏ báng hiệu ngoài cửa văn phòng Phó Tổng Thống Johnson đi !* ". Bà còn đoán tên kẻ ám sát có 2 vần và 5-6 chữ, chữ đầu trông như O hay Q, chữ sau chắc là S, chữ cuối cong dựng đứng ! (tên thích khách Oswald).

Tòa Bạch Ốc và ngay T.T. Kennedy tuy biết chuyện tiên tri nhưng chẳng ai tin vào bói toán . Ngày 22-11-1963 Bà Dixon dự buổi ăn trưa tại khách sạn Mayflower tại Washington D.C. với hai người bạn, bỗng nhiên bà nói " *không nuốt nổi, có chuyện ghê gớm xảy ra cho Tổng Thống bữa nay* ". Ngay lúc ấy dàn nhạc khách sạn ngưng lại để loan tin Tổng Thống Kennedy bị bắn tại Dallas và chết lúc 1 giờ trưa !

Nhiều tài liệu sách báo chứng nhận bà Dixon đã tiên đoán được vụ ám sát Thánh Gandhi, Martin L. King, Robert Kennedy, cái chết của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Dag Hammarskjold, Ngoại Trưởng Dulles, vụ Marilyn Monroe tự tử, cuộc nổi dậy của người Mỹ da đen thập niên 1960.

Vài việc đoán sai như : Trung Cộng gây chiến năm 1958, Nga Sô đưa người lên mặt trăng trước Mỹ, bà giải thích : " *vì đôi khi nhìn thấy biểu tượng nhưng giải đoán sai đi* ". Bà cũng tiên đoán hàng loạt những vụ tự tử xảy ra trên đất Mỹ, có thời lời tiên tri này bị cho là sai, nhưng nhiều đợt tự tử do các giáo phái gây ra trong những năm gần đây cho thấy bà có phần đúng !

Jeane Dixon tiên đoán *thế chiến khốc liệt sẽ xảy ra vào năm 1999*. Hoa Kỳ sẽ bị những lực lượng man rợ từ thế giới thứ ba (third world) tấn công và nước Mỹ sẽ phải trả giá bằng máu lửa cho những bằng hoại luân thường đạo lý. Bà cũng tiên tri số tử vong rất lớn vì vũ khí vi trùng, một Giáo hoàng bị ám sát và Thiên Chúa Giáo La Mã bị đối phương tấn công hữu hiệu về mặt lý tưởng giáo điều (*ideological attack*).

Ngày 5 tháng 2 năm 1962 nhìn qua cửa sổ xuống đường đột nhiên bà Dixon thấy tất cả biến thành sa mạc và lại thấy Hoàng hậu Nerfertiti và Vua Ai Cập Pharaoh Akhenaten bỗng một trẻ sơ sinh lơ lửng

cho đám đông hoan nghênh mừng rỡ. Bà giải đoán là một đại thánh nhân đã xuất hiện mang lại hòa bình đoàn kết cho nhân loại và phải vào năm 1999 thế giới mới nhìn thấy. Mấy năm sau bà giải đoán lại là đứa bé đó không phải thánh nhân mà chính là một Antichrist sẽ ngự trị thế gian từ Jerusalem ! Ngày 5 Feb. 1962 rất đặc biệt vì tất cả các sao Sun, Moon, Mercury, Venus, Mars, Jupiter, Saturn đều nằm ở cung 11 Aquarius, báo hiệu sự xuất thế của một đại nhân vật cho kỷ nguyên Aquarius thay kỷ nguyên Pisces .

LỜI BÀN :

Khác với Nostradamus và Edgar Cayce , cả hai chỉ nói tới New York trong cơn binh lửa hoặc trong thiên tai, bà Dixon cho rằng đại chiến thứ ba sẽ xảy ra ngay cả trên đất Mỹ.

Thời 1960 không ai không biết tới J. Dixon. Bà học khoa tiên tri của một người gypsy du mục, dân gypsy từ xứ Tiệp này có nhiều người chuyên về khoa bói toán chỉ tay, họ từ truyền thống nào không thấy có tài liệu nghiên cứu. Xem cách bà bói bằng lối nhìn vào quả cầu cũng thấy có điểm tương tự như Nostradamus nhìn chăm chú vào thau nước. Có lẽ đó là cách định tâm để nghe lời linh diệu, như nhập thiền để quán chiếu quá khứ tương lai.

Bà Dixon thấy một đại lãnh tụ xuất thế vào năm 1962, nếu vậy thì năm nay vị đó đã 36 tuổi, theo năm ta là tuổi Nhâm Dần (Dần là con hổ, Nhâm biến vì vương, là vua). Đây là nhân vật của kỷ nguyên canh cải Aquarius (Aquarius = Reformer), thay thế kỷ nguyên Pisces vốn được coi là kỷ nguyên của Jesus Christ . Có thể vì áp lực tôn giáo mà bà Dixon đã cải chính giải đoán lúc đầu và nói lại nhân vật ấy là một Antichrist chăng ? Nhìn các tinh tú vào ngày Bà thấy đứa bé chào đời ở vùng sa mạc Trung Đông, với 7 tinh tú hội tụ một cung, có thể khẳng định là có sự xuất thế của một đại nhân ảnh hưởng tới toàn thể nhân loại, thiện hay ác, lại là chuyện khác.

MALACHY O ' MORGAN 1094-1148

MỘT NHÀ TU ĐỌC THẤY TRƯỚC TÊN HIỆU CỦA CHUR VỊ GIÁO HOÀNG LA MÃ SUỐT 900 NĂM KHÔNG SAI MỘT LẦN !

HAI VỊ GIÁO HOÀNG SAU JOHN PAUL II SẼ CHỨNG KIẾN CƠN BINH LỬA KINH KHỦNG NHẤT LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

THỜI ĐIỂM THẾ CHIẾN VÀ ANTICHRIST TRÙNG HỢP VỚI SÁM KÝ NOSTRADAMUS.

Malachy O'Morgan là một tu sĩ Ái Nhĩ Lan có tài tiên tri đặc biệt về tên tuổi xuất xứ của 112 vị Giáo hoàng La Mã , từ Celestin II năm 1143 tới hiện tại. Theo nhà tu biệt tài này thì sau Giáo hoàng John Paul II hiện tại, người sẽ kế vị tên là " *Gloria Olivae* ", sau đó vị Giáo hoàng cuối cùng mang danh " *Petrus Romanus* " là người sẽ chứng kiến cảnh binh lửa đại họa xảy ra tại Rome nơi " *đô thành trên bảy ngọn đồi bị tàn phá* " (*the seven hilled city will be destroyed*).

Sinh trưởng trong một gia đình giàu có và trí thức tại vùng Armagh, từ nhỏ Malachy đã say mê tôn giáo huyền bí và theo học với một nhà tu khổ hạnh. Năm 20 tuổi đã được phong làm cha xứ Armagh, ông thực hiện nhiều cải cách trong nhà thờ và nổi danh về tài chữa bệnh bằng phép lạ. Gần tuổi 40, ông được thăng chức Tổng Giám mục nhưng 5 năm sau từ bỏ giáo quyền để trở về với đời sống bình dân.

Năm 1139, là một thường dân, ông đi hành hương Vatican. Tại đây ông lại được cử làm Khâm sứ Tòa thánh cho Ái Nhĩ Lan. Năm 1148, lần cuối viếng Vatican, ông tự đoán cho mình : sẽ chết vào ngày lễ cầu hồn 2-11-1148 tại Clairvaux, một tỉnh nhỏ ở Pháp. Lời tiên tri đúng một trăm phần trăm !

Trong những ngày hành hương, Malachy " *nhìn* " thấy tên hiệu chư vị giáo hoàng và ghi lại vẫn tất không quá 4 chữ, ngoại trừ đối với vị cuối là Petrus Romanus. Bản tiên tri này bằng chữ La tinh, dùng ẩn ngữ, chơi chữ... chỉ tên tuổi, hương quán, phù hiệu tông phái hoặc chức vụ trước khi lên ngôi của vị Giáo hoàng.

Thí dụ như Giáo hoàng Adrian IV lên ngôi năm 1154 được tiên đoán bằng câu " *De Rure Albo* " có nghĩa đen là " từ xứ Alban " (Anh quốc), hoặc nghĩa bóng là " từ một xứ trắng ", vị này đích thực là một người Anh từ tu viện St Albans, từng làm khâm sai tại các nước Bắc Âu tuyết trắng như Thụy Điển, Na Uy...

Giáo hoàng Pius III trị vì ngắn ngủi 26 ngày vào năm 1503 được bản tiên tri ghi là " *De Parvo Homine* " có nghĩa đen là " từ một người bé nhỏ ", vị này tên tục tiếng Ý Piccolomini là một người bé nhỏ !

Mặc dù lời tiên tri viết ra từ khoảng 1139-48, mãi tới năm 1595 một nhà tu kiêm sử gia Arnold Wion, dòng Benedictine, mới tìm thấy trong thư các Vatican và đã mang ra công bố tại Venice. Theo nhiều tài liệu, Malachy đã mang bản tiên tri trao cho Giáo hoàng Innocent II và ngài đã niêm phong cất đi !

Thấy những câu tiên tri quá đúng, Giáo hội và các học giả vội phủ nhận giá trị và cho rằng bản tiên tri của Malachy từ thế kỷ 16 trở đi chỉ là giả tạo. Nhưng từ thế kỷ 16 đến giờ lời tiên đoán của Malachy vẫn không sai mấy may ! Thí dụ Giáo hoàng Benedict XV trị vì vào năm 1912-1922 trong thời Đệ Nhất Thế chiến được ghi danh trong bảng là " *Religio de populata* " có nghĩa là tôn giáo bị phí thải (religion laid waste), nghĩa bóng là tôn giáo bị đàn áp tiêu diệt ở Nga Cộng, nhân mạng bị phí hoài cả triệu vì chiến tranh, vì chết dịch...

Giáo hoàng Clements XIV, 1769-75, được ghi là " *Ursus velox* " có nghĩa là " con gấu nhanh ", đích danh hiệu vẽ con gấu chạy trên tấm khiên của gia tộc vị này !

Giáo hoàng Gregory XVI, 1831-46, có tên trên bảng là " *De balneis Etruriae* " nghĩa là từ bồn tắm ở Etruria (Ý). Vị này quả thực trước đó thuộc dòng tu ở Etruria và đã đôn đốc việc khảo cổ đào bới các bồn tắm ở địa điểm đó.

Giáo hoàng John XXIII, 1958-1963, được tiên đoán là " *Pastor et Nauta* " tức " pastor and sailor ", trước khi lên Giáo hoàng, ngài đã làm chánh tòa Venice, một hải cảng nổi tiếng, khi họp đại hội Ecumenical Council năm 1962 biểu hiệu được chính ngài lựa chọn là một thập tự giá và một con tàu !

Giáo hoàng kế vị, Paul VI có câu tiên tri chỉ danh " *Flos Florum* " tức " hoa của các loài hoa " (flower of flowers). Trên tấm khiên huy hiệu của ngài quả có 3 cánh hoa fleurs-de-lis !

Giáo hoàng John Paul I lên chức năm 1978 và mất 34 ngày sau đã được Malachy thấy trước là " *De Medietate* " nghĩa là từ vàng trăng khuyết (from the half moon). Có thể hiểu theo hai nghĩa : nửa đường đứt gánh, hoặc vì tên tục của ngài là Albino Luciani với nghĩa đen là "ánh sáng trắng " (white light) tức vàng trăng khuyết.

Lời tiên tri ý nhị nhất là về Giáo hoàng hiện tại : " *De Labore Solis* " có nghĩa là từ lao lực mặt trời (from the toil of the sun), vị Giáo hoàng đầu tiên sau 456 năm này không phải gốc Ý mà lại là con dân xứ Krakow thuộc Ba Lan, là nơi Copernicus đã lao lực hồi thế kỷ XVI để minh chứng trái đất xoay quanh mặt trời ! Cũng có học giả cho là *solis*, mặt trời, còn ám chỉ tuổi trẻ, John Paul II khi lên kế vị mới có 58 tuổi !

Vị tiếp theo sẽ mang danh " *Gloria Olivea* " tức vinh quang của cành olive (*glory of the olive*). Cành olive tiêu biểu cho hòa bình và cũng là biểu hiệu của dân Do Thái, theo Cựu Ước lẫn Tân Ước. Hiểu theo nghĩa này thì vị Giáo hoàng tới sẽ vào thời bình và người Do Thái sẽ cải sang đạo Cơ Đốc. Theo giải đoán khác thì Olive chỉ dòng tu Benedictine còn được gọi là Olivetans, dòng tu này từ thế kỷ thứ VI có St Benedict cũng tiên tri là một người trong dòng sẽ lãnh đạo Cơ Đốc giáo chống lại ác lực trong trận chiến kinh thiên động địa Armageddon trước ngày Apocalypse.

Vị Giáo hoàng cuối trong bản tiên tri mang danh " *Petrus Romanus* " tức Peter of Rome là vị gánh chịu cơn binh lửa thiêu hủy *thành đô trên bảy ngọn đồi* (the seven hilled city will be utterly destroyed) và đúng vào lúc " *Phán quan ghê tởm sẽ phán xét người đời* " (the awful Judge will judge the people).

Điều tiên tri trên rất giống lời tiên tri của Nostradamus về cảnh tượng chiến tranh xảy ra khắp Âu châu bao trùm nước Ý, Vatican. Chính Giáo hoàng Pius X trong một thoáng huyền cảm vào năm 1909 đã

tiên kiến được cảnh hãi hùng " *điều ta thấy thật kinh khủng ! không biết sẽ xảy ra vào thời ta hay vào thời sau ? vị Giáo hoàng nào sẽ phải rời Rome , bỏ Vatican, vượt trên bao xác nhà tu mà đi ?* " .

Thoáng huyền cảm này vẽ ra cảnh tượng thời đại chiến khi một Antichrist thứ ba, sau Napoleon và Hitler, sẽ mang đại họa reo rắc lên thế giới làm cả Trung đông lẫn Âu châu lâm vào cơn binh lửa, chết dịch, chết đói, hàng triệu triệu sinh mạng và nhà cửa thành thị ra tro như lời sấm dân gian bên ta diễn tả :

Mười phần chết bấy còn ba

chết hai còn một mới ra thái bình

LỜI BÀN :

- Bản tiên tri của Malachy có lẽ không dựa trên khoa chiêm tinh hay lý số mà là loại huyền Khải, được " mở ra " trong phút giây huyền diệu và ghi lại. Bản in năm 1902 tại Paris do chính Chánh xứ Baume, Abbott Joseph Maitre bảo trợ.

- Đã từng là một vị Tổng giám mục và Khâm sai Tòa thánh, Malachy không phải là người ngoại đạo đặt điều phương hại tới tôn giáo của mình. Vị tu sĩ này chỉ ghi lại những gì đã được huyền Khải, góp phần vào lịch sử kỳ diệu của nhân loại. Suốt non 1000 năm tiên tri không sai sót một câu, quả là thần ngôn thánh ngữ !

- Bản tiên tri Malachy phù hợp với thời điểm chuyển hóa lịch sử mà hầu hết các nhà tiên tri Tây phương như Nostradamus, Cheiro, Dixon... huyền Khải Fatima... đều cùng kết luận : cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, thế giới sẽ kinh qua một cơn sốt võ da trước khi chuyển mình sang một kỷ nguyên tâm linh nhân bản kéo dài cả ngàn năm !

HUYỀN KHẢI FATIMA BỒ ĐÀO NHA - 1917

Sau huyền khai mật ngôn Malachy, không thể không nhắc tới huyền khai Fatima vào năm 1917, thường gọi là huyền khai của Đức Mẹ hiện ra ở Fatima (Portugal Bồ Đào Nha) cho ba em bé chăn cừu Lucia Santos lên 10, Francisco lên 8 và Jacinta Marto lên 7 tuổi.

Đức Mẹ hiện ra tại Fatima, một tỉnh nhỏ nước Bồ Đào Nha Portugal vào thời gian có chính quyền chống lại đạo Thiên Chúa, nhóm chính trị chống đạo còn toan tính trong 2 thế hệ sẽ dẹp sạch đạo Thiên Chúa trên đất Bồ. Đức Mẹ hiện ra lần đầu vào ngày 13-5-1917 , lần thứ nhì vào ngày 13-6-1917 cách lần thứ nhất đúng một tháng. Lần đầu chỉ có ba đứa trẻ chăn cừu nhìn thấy và nghe được những lời huyền khai. Lần sau có thêm 50 người đi theo, lần thứ ba, 13-7-1917 có tới 5000 tín hữu . Ba đứa trẻ mô tả Người như một giai nhân trẻ, đẹp trên trời, những người khác không nhìn thấy hình dáng nhưng thấy một đám mây sáng láng . Lần thứ ba bé Lucia nghe thấy Bà dặn " *mỗi tháng đúng ngày 13 con hãy tới đây và vào tháng 10 ta sẽ nói cho con biết ta là ai và ta muốn gì, rồi ta sẽ làm phép thần thông để cho mọi người thấy và tin.*"

Ngày 13-8-1917, ba đứa trẻ không tới xem Bà hiển linh được vì bị chính quyền bắt nhốt, mặc dù bị dọa nạt, hỏi cung, dọa cho luộc sống, ba đứa trẻ vẫn một mực nói thật . Rút cục chính quyền phải thả ra, và ngày 19 cùng tháng 8 ba đứa trẻ lại được Bà hiển linh nhắc lại tháng 10 Bà sẽ hiện ra lần chót.

Nguồn tin lan đi khắp nơi nên ngày 13-10-1917 mặc dầu mưa bão, có tới 50,000-80,000 người kể cả báo chí, kéo tới chật kín cả khu quanh làng. Và rồi chuyện lạ đã xảy ra : mặt trời bỗng nhiên xoay tròn phóng ra tia sáng trắng, xanh lơ, xanh lá cây rồi tới màu đỏ như máu, người ta nhìn thấy mặt trời như tới gần trái đất rồi lại nảy như trái banh về vị trí cũ, cứ như thế ba lần. Hiện tượng này được người chứng kiến gọi là " *mặt trời nhảy múa* ".

Bà tiên (lúc đầu được gọi là Lady of Rosary) huyền khai cho ba đứa bé, tự xưng mình là Đức Mẹ Đồng Trinh (Virgin Mary), Bà nói rằng nhân loại phải ăn năn sám hối giác ngộ, nếu không thì 3 lời tiên tri của Bà sẽ xảy ra không thể tránh được. Lời tiên tri đầu tiên mô tả *Địa ngục* nơi cầm giam những kẻ không hối cải. Lời tiên tri thứ hai nói về *Đại chiến thứ hai* sẽ xảy ra trừ phi nhân loại cải hóa, khi nào trên trời hiện ra một luồng sáng lạ, khi ấy là điềm chiến tranh bộc phát và sẽ bộc phát vào thời Giáo hoàng kế tiếp.

Giáo hoàng kế tiếp, Pius XI, mất năm 1939, đã thấy khởi đầu thế chiến khi Đức Quốc Xã xua quân xâm lăng Ba Lan. Đúng như lời huyền khai tiên tri, đêm 25 tháng 1 năm 1938 một tia sáng lạ lung chiếu sáng rực cả bầu trời Tây Âu, có nơi ánh sáng mạnh đến nỗi nhân công làm ca đêm không cần thắp đèn ! báo chí thời đó gọi là " *ánh lửa địa ngục*". Vào đêm hôm đó, Hitler đang sắp kế hoạch tấn chiếm Ba Lan hai tháng sau, tháng 3, 1938 mở đầu thế chiến điên rồ ! Thật đúng lời thánh Virgin Mary : *khi nào các con thấy luồng sáng kỳ lạ là dấu hiệu của Thượng đế cho biết chiến tranh, đói khát, sẽ trừng phạt nhân loại và phương hại tới Giáo hội và Thánh Cha (Holy Church and Holy Father)*.

Lời huyền khai thứ ba hiện còn được giữ kín. Đây là lời tiên tri về thế giới và giáo hội La Mã sau đệ nhị thế chiến, những lời này đã được Lucia viết xuống vào năm 1943 và trao cho Giáo hoàng với lời

căn dặn là chỉ được mở ra vào năm 1960. Theo tác giả tập Bách khoa Tiên tri (Encyclopedia of Prophecy) Omar Garrison, nguồn tin từ giới thân cận Giáo hoàng John XXIII là tu sĩ Padre Pio, cho biết sau khi đọc lời tiên tri huyền khải thứ ba, ngài đã " *run sợ đến gần như muốn ngất xỉu vì kinh hoàng* " !

Năm 1968, Padre Pio chết, phóng viên chuyên môn về giáo sự Vatican là Domenico Del Rio dường như đã có được tài liệu bí mật ấy. Theo nhà báo Del Rio , sau khi phỏng vấn Giáo hoàng John Paul II, Đức Giáo hoàng chỉ nói " *nội dung bản tiên tri rất đáng chú ý , nói tới cả triệu triệu người chết bất ngờ từ phút giây này tới phút giây khác* ". Tháng 5-1981 ngày 13, đúng 64 năm sau ngày Virgin Mary hiện ra ở Fatima lần đầu (13 tháng 5, 1917) , Giáo hoàng John Paul II bị mưu sát tại quảng trường St Peter Square.

Lời tiên tri thứ ba này đã là đề tài nghiên cứu tranh luận từ lâu trong giới lý số học Tây phương. Năm 1963, một tờ báo Đức đăng tải toàn bản tiên tri thứ ba này, theo đó một cuộc Đại chiến sẽ bùng nổ vào hậu bán thế kỷ 20, tàn phá tan tành nhiều nước, hành phạm giáo hội Thiên chúa giáo La Mã (*persecution of the Catholic Church*) cùng với việc ám sát một vị Giáo hoàng. Đa số các nhà nghiên cứu đều đồng ý về hai điểm trên mặc dù tài liệu báo chí không được Vatican công nhận hay phủ nhận.

Theo nhiều tài liệu tiết lộ thì lời tiên tri thứ ba còn bao gồm những chi tiết kinh khủng như Satan mưu đồ lên đứng đầu Giáo hội, đặt người chỉ huy dũng mãnh cầm quân gây chiến, sản xuất vũ khí hàng loạt, tạo tranh chấp nội bộ khiến hồng y, giám mục chống đối lẫn nhau. Thời kỳ đen tối này bệnh dịch, lụt lớn, binh lửa, vũ khí tối tân...làm triệu triệu người chết trong giây phút ! Nhưng rồi một bậc Thiên Tử sẽ xuất hiện để tiêu diệt ác tà và mang lại thanh bình vĩnh cửu cho thế gian vào Tân kỷ nguyên.

Trong số ba đứa trẻ chăn chiên, Lucia lớn nhất hiện còn sống , vị nữ tu này đã ngoài 90 tuổi và năm 1982 đã được Giáo hoàng viếng thăm tận nơi , bà sống biệt lập tránh mọi phỏng vấn. Hai đứa trẻ khác, bị bệnh cúm và mất ngay năm sau, 1918. Chính Đức Mẹ đã nói trước về sinh mệnh của ba đứa trẻ đặc biệt này ngay từ lần hiển linh đầu tiên. Ngay hiện tại còn có tin 12 vị Hồng y họp nhau suốt 14 tháng tại tu viện St Dismus bên Ý để nghiên cứu về lời tiên tri kinh dị này.

LỜI BÀN :

1- Đây không phải là lời tiên tri dựa trên chiêm tinh lý số mà là một huyền khải siêu linh từ bậc linh thánh của một tôn giáo lớn. Trong nhiều nền văn minh Âu Á, hầu hết mọi tín ngưỡng đều có hình ảnh một Bà Mẹ thiêng liêng che chở. Bà Mẹ này khi mang tên Maya sinh ra Đức Phật Thích Ca mà có người cho rằng rất gần với âm Maria, bà mẹ của Chúa Ky Tô. Cũng có khi, như ở Việt Nam, Bà Mẹ mang tên Chúa Liễu, Mẫu Thoải, Mẫu Ngàn... rất linh thiêng và đã hiển linh tại 3 nơi là : Sông Sơn, Phủ Giầy, Tây Hồ. Đức Mẹ đã hiển linh không phải ở một nơi mà ở nhiều nơi cho các tín hữu Cơ Đốc như La Vang, như Lourdes, ở vài địa điểm trên đất Mỹ với tượng chảy nước mắt v.v.. Nhiều Phật tử còn khẳng định thấy Phật Bà Quan Âm hiện ra trên biển Đông hải trong thập niên 80, áo trắng pháp phôi trên tòa sen..., cứu giúp thuyền nhân... Như vậy có thể diễn luận là hình ảnh một Bà Mẹ linh thiêng che chở là một tâm niệm phổ quát của con người. Chấp nhận phần linh thiêng trong con người " *linh ư vạn vật* " thì huyền khải là điều có thể chấp nhận được.

2 - Huyền khải tiên tri Fatima đã hoàn toàn đúng về Đệ II thế chiến , lời tiên tri thứ ba được tiết lộ lại rất gần với lời tiên tri của Nostradamus : một trận chiến Armageddon kinh thiên động địa tiêu hủy

nhieu nước vào những ngày tháng cuối của thế kỷ 20, một lãnh tụ Antichrist sẽ tàn phá man rợ gây cảnh địa ngục trần gian cho nhân loại khắp nơi kể cả La Mã, khi ấy " *người sống sót cũng chỉ mong được chết* ".

3 - Lời tiên tri thứ ba được mở ra vào năm 1960, Giáo hoàng John XXIII là vị có vinh dự được đọc và đã gần " *ngát xỉu vì kinh sợ* ". Giáo hoàng John Paul II hiện tại sau khi bị ám sát hụt (1981) đã tới thăm nữ tu Lucia, người còn lại độc nhất của huyền khải Fatima, vào năm 1982. Cả hai vị Giáo hoàng trên có thể đã cảm nghiệm thấy sự thiêng liêng và khẩn trương của thánh ngôn nên cả hai vị đã ra sức canh cải vượt bậc đạo Thiên Chúa Giáo La Mã với gần 1 tỉ tín đồ và một lịch sử truyền giáo cả ngàn năm : John XXIII (1958- 1963) với thông điệp *Bình an dưới thế* (*Pacem in terris*) và đại hội Công đồng Vatican 1962 mở đầu cho phong trào canh tân.

John Paul II hiện tại đã và đang thực hiện sứ mệnh cải thiện không ngừng nghỉ , từ việc quyết tâm chống phá thai đến việc công du tới tận châu Mỹ để ngỏ lời gần như xin lỗi với dân Maya về những quá độ của truyền giáo đoàn trong những thế kỷ trước... những sự việc ấy có thể phát xuất từ thiện chí sẵn có của các ngài nhưng cũng có thể là dấu hiệu cho thấy huyền khải thánh ngôn Fatima đã chứa đựng sức thúc đẩy :

Nếu nhân loại không cải thiện thay đổi thì thế gian kể cả Giáo hội sẽ không thể tránh được họa địa ngục Satan tới gần kề vào cuối thế kỷ này !

4 - Những người tỵ nạn Tây Tạng, kể cả Đức Đạt Lai Lạt Ma, kể lại rằng khi Trung Cộng tràn vào Tây Tạng, thời 1950, người ta thấy trước đó có động đất , nhật thực và đặc biệt là có *những tiếng động kỳ lạ như đánh nhau dưới lòng đất*. Họ tin tưởng rằng đó là trận đấu giữa thổ thần Tây Tạng và thần Tàu xâm lăng ! Diễn ra một cách khác, lịch sử nhân loại không phải là một *lịch sử thế tục* do loài người hoàn toàn tạo ra. Song song với **nhân sử còn có thiên sử**, còn có sức thần thánh đối chọi với ma quỷ, *thiện lực với ác lực, những lực đó vây bọc nhân loại nhìn theo quan điểm đa vũ trụ tam thiên đại thiên thế giới và đa chúng sinh cùng hiện hữu đa dạng trên thế gian*. Như vậy có thể thần Maya bị Tây Âu diệt bốn năm trăm năm trước (linh thần Mặt Trăng Ix Chel bị đập nát và thay bằng tượng Virgin Mary) nay lại tới thời vùng dậy . Satan dùng búa liềm nhuộm đỏ nước Nga được 70 năm thì bị tru diệt, đạo Hồi dùng gươm tiêu diệt thần xứ này thì sẽ có ngày bị thánh xứ ấy quật lại....Có người cho rằng Việt Nam khi xưa tiêu diệt Chiêm Thành, Chân Lạp, Phù Nam...nên suốt 100 năm bị thần thánh các xứ ấy báo oán theo luật nhân quả. Lời này mới nghe có vẻ mê tín dị đoan, nhưng khoa học hiện đại đang đi tới đa nguyên vũ trụ và luật nhân quả không có gì phản với vật lý vi tử. Vậy trước khi gạt bỏ (rule out) nên ghi lại để tồn nghi theo đúng phép khoa học.

5 - Theo lời tiên tri huyền khải trên thì nhân loại cũng không tận thế ! Sau đại chiến vẫn còn người sống sót và một bậc Thiên tử chí nhân chí thiện sẽ khai mở kỷ nguyên mới. Giới Thiên Chúa giáo thì cho rằng đây là Chúa Ky Tô tái giáng thế, Nostradamus một người gốc Do Thái thì không xác nhận như vậy mà chỉ tiên tri rằng một bậc Thánh nhân sẽ đưa nhân loại vào thời đại thanh bình mới khác với 2000 năm cũ. Riêng Viễn Đông không chắc gì đã bị vướng mắc vào họa chiến tranh của Tây phương với hai thế lực tranh chấp rất rõ rệt là Hồi giáo, Thiên Chúa Giáo và Do Thái đứng sau. Sầm Trạng Trình lại nói tới một bậc Thiên tử phát xuất vào thời kỳ này trên đất Việt để khôi phục lại thời " *thần châu thu cả mọi nơi vẹn toàn* ". Có thể biến động quốc tế lại giải được nước cờ bí của nước ta vào cuối thế kỷ này vì rằng, xét ra những nút thắt trên thế giới đều do các cường quốc Tây phương buộc vào !

6 - Năm 1961 tại một tỉnh nhỏ xứ Tây Ban Nha một em bé gái tên Mari Loli Mazon đã thấy Đức Mẹ hiển linh và nhận huyền Khải tương tự cùng với mấy em khác. Thời này truyền thông phim ảnh đã tiến bộ nên ghi lại được rõ ràng những hiện tượng kỳ lạ như bốn người lớn không lay động được một em bé, các em chạy ngược phía sau, mắt không chớp dù que diêm cháy để trước mắt... Các em đều thấy một cảnh tượng hãi hùng, nhân loại chết cháy, không nước uống... dường như Mari Mazon nhận huyền Khải và chỉ được tiết lộ thiên cơ 8 ngày trước đại biến !

CÁC LỜI TIÊN TRI KHÁC

KIM TỰ THÁP CHEOPS

Năm 1864, chiêm tinh gia Charles Smyth của Hoàng gia Anh là người đầu tiên vào trong Kim Tự Tháp vùng Giza nơi thờ vua Cheops, người khai sáng triều đại thứ tư của Ai Cập, ông đưa ra giả thuyết là con đường hầm dẫn tới phòng mộ vua có thể chứa đựng những lời tiên tri về lịch sử nhân loại. Những tảng đá trong đường hầm không những hàm chứa một cuốn lịch dài 6000 năm mà còn kèm theo ẩn dụ thẳng trảm lịch sử.

Từ cửa vào, điếm thấp nhất tới mộ vua đo được 4000 nấc (gọi là pyramid inches) tương ứng vào năm 4000 trước tây lịch, khoảng sau mộ vua đo được 2001 nấc, tương ứng với năm 2001 sắp tới. Trong đường hầm, tùy chỗ rộng, hẹp, cao, thấp, thẳng, queo... suy đoán ra những biến cố tương ứng, thí dụ khi con đường queo vào điếm có hình chiếc nĩa, rõ phải là phòng vua, rõ trái là phòng hoàng hậu, tương ứng đúng vào năm xuất hiện Chúa Ky Tô. Sau đó là một hành lang cao ráo tiêu biểu cho 1900 năm văn minh . Phần chót hành lang trở nên thấp hẹp tính ra là từ năm 1909 tới nay, đơn vị pyramid inch thay vì tương ứng với 1 năm lại tương ứng với 1 tháng. Khúc tương ứng với Đệ I thế chiến rất thấp phải cúi đầu mới qua lọt, sau đó lại cao lên để thở khoảng 10 năm, rồi lại thấp hẹp hẳn xuống tương ứng với 1936-1953 là Đệ II thế chiến và nhiều chiến tranh khác trên thế giới.

Từ sau 1953 thế giới dần dần yên ổn, bắt đầu từ năm 2001 nhân loại sẽ bước vào kỷ nguyên mới.

Điều đáng nghi ngờ ở đây là các nhà tiên tri Ai Cập nếu ghi lại lời tiên tri tất sẽ ám chỉ nhiều về lịch sử vong tồn của Ai Cập và Trung Đông, đằng này các học giả Tây phương lại chủ quan giải đoán toàn chuyện Âu châu và chuyện Thiên chúa giáo ! Dù sao có một điểm đáng chú ý là *năm 2001 cũng được ghi là năm khởi đầu kỷ nguyên mới.*

Cũng cần thêm rằng năm 1912 một xác ướp Ai Cập được mang chở trên tàu Titanic, đặt cạnh phòng thuyền trưởng. Có người cho là các xác ướp và mộ vua Ai Cập mang nhiều bí ẩn của giới tà đạo và họ để lại bùa chú tác quái (curse) làm tàu Titanic vỡ chìm ! ngoài ra theo tác giả sách Hành Trình Về Phương Đông, các xác ướp bị khai quật làm hồn các phù thủy tà sư được thoát ra, tác quái trên thế giới dưới dạng các nhà độc tài sắt máu, rồi khi chết xác lại được ướp như trước ! nếu thế thì Tàu và ta đều bị bợn tà sư này xâm phạm.

TIÊN TRI CỦA THỔ DÂN MỸ CHÂU

* **Bia ký Maya** xác định năm 2012 là năm tận thế của nhân loại. Theo các nhà khảo cứu bia ký mật ngôn Maya vùng Trung Mỹ thì từ một trăm năm trước Tây lịch, sấm ký Maya đã tiên đoán thế giới sẽ tận thế vào *ngày 21 tháng 12 năm 2012.*

Nguyên nền văn minh Maya (bao gồm từ Yucatan tới Honduras bây giờ) đã xuất hiện từ 4000 năm trước và đã nở rộ vào khoảng năm 250 tới 900 dương lịch. Thế kỷ XVI Thực dân Tây Ban Nha tới xâm chiếm đã tận diệt dân Maya và các nhà truyền giáo đã tẩy xóa tín ngưỡng cổ truyền, tôn giáo Maya và các thần thánh bị trở thành bất hợp pháp, các kinh sách cổ bị thiêu đốt ngoại trừ 4 cuốn viết

trên vỏ cây. Cuốn *Popol Vuh* là một trong vài kinh sách may mắn còn lại thuộc bộ tộc Quiché Maya. Văn hóa Maya thế kỷ 16 được ghi lại kỹ càng trong sách *Relación de las Cosas de Yucatán* do Giám mục Diego de Landa viết ngay sau thời xâm lăng. Nhờ đó ta biết được phần nào phong tục tập quán tín ngưỡng truyền thống của họ. *Đặc biệt họ sáng tạo chữ viết, toán học, lịch chiêm tinh rất chính xác không sai với lịch hiện tại và đã kiến trúc rất nhiều Tháp kỳ quan khắp vùng Trung Mỹ.*

**** Bia ký thổ dân Hopi** vùng Arizona ghi trên vách đá Black Mesa từ 2000 năm trước tiên đoán " chỉ đâu mà buộc ngang trời " *silver thread*, và " *màng nhện trên trời* " - *spider webs in the sky*- có lẽ mô tả nền văn minh chằng chịt giăng điện khắp nơi và tiên đoán được người Mỹ chinh phục mặt trăng (*the eagle to walk on the moon*) vào thời điểm trước khi nhân loại bước sang kỷ nguyên mới, từ kỷ nguyên thứ tư (4th world) hiện tại sang kỷ nguyên thứ V, đi qua *Ngày Thanh lọc* (*Great day of purification*). Một bậc Đại Giác (*Great Spirit*) sẽ trở lại với người Hopi để đưa vào kỷ nguyên vinh quang mới và thời đại của người da trắng -tiêu biểu bằng đường cao trở nên nghèo nàn trên bia ký- sẽ phai mờ đi.

Điều đáng chú ý là các trưởng lão Hopi nhấn mạnh tới cuộc đại chiến thanh lọc sẽ xảy ra, tàn phá thiêu hủy phần lớn trái đất nếu nhân loại không biết cải hoán lối sống vật chất phá hoại môi sinh thiên nhiên.

***** Thông điệp của bộ tộc huynh trưởng KOGI** kêu gọi nhân loại hãy tôn trọng *cơ thể mẹ đất, chớ phá hoại dãy xéo thiên nhiên, trái đất đang bị điêu tàn, thảm họa diệt vong của muôn loài chúng sinh gần kề...nhân loại sắp bước vào một thảm họa diệt vong lớn lao xưa nay chưa từng xảy ra. Tình trạng mẹ đất đã thực sự nguy kịch, nếu không thức tỉnh ngay thì sẽ quá trễ...*

Đây là nội dung thông điệp của một bộ tộc huynh trưởng sinh sống trên đỉnh núi Sierra Nam Mỹ từ bảy tám ngàn năm nay. Bộ tộc Kogi tự coi mình là đàn anh vì họ có trước hầu hết các sắc dân khác trên trái đất. Tuy không tiếp xúc với thế giới bên ngoài từ thời Tây xâm lăng gần 500 năm trước, năm 1993 họ đã đặc biệt cho nhóm phóng viên BBC vào thăm bộ tộc và yêu cầu chuyển thông điệp như một lời cảnh tỉnh nhân loại trước Đại hội Tôn giáo thế giới tổ chức tại Chicago tháng 9-1993 (BBC không hiểu tại sao họ ở biệt lập trên rừng núi mà lại biết có Đại Hội Tôn Giáo ở Chicago !). Cuốn phim phóng sự 3 ngày thăm viếng bộ tộc cổ nhất nhân loại, chưa bị yếu tố ngoại lai hư hoại, đã được trình chiếu trước Đại hội và chiếu trên đài PBS nhiều lần.

Nhìn phương pháp giáo dục của người Kogi, với 9 năm quay mặt vào tường, *diện bích để quán tâm*, xoay ông vôi đề định tâm, *thoại đầu quán* (*cho một đề tài để suy tư*), *mặc áo choàng trắng như áo tu, ăn rau lá trường chay, không tích trữ của cải đồ ăn, không săn bắn, không vũ khí...* người ta có cảm tưởng đây là một làng Thiên, với nền văn hóa rất gần với đất Phật Tuyết sơn và Đông phương.

Điều đáng chú ý là thông điệp cảnh giác nhân loại Kogi nhấn mạnh tới nguy cơ phá hoại môi sinh, hệ quả của nền văn minh kỹ thuật kỹ nghệ Âu Mỹ hiện tại, đào mẹ đất để khoan dầu, phá rừng, thải hóa chất, thán khí, thải đồ uế tạp ra sông biển... làm cả địa cầu tăng độ nóng (global warming), phá màn che chở ozone, phóng xạ nguyên tử... tất cả đã và đang gây tai họa đưa tới các thiên tai như động đất, hạn hán, lụt lội... Đây là điểm trùng hợp với lời tiên tri của Nostradamus, Edgar Cayce và của dân Hopi.

SO SÁNH TIÊN TRI TÂY PHƯƠNG VÀ VIỆT NAM

Các nhà tiên tri Tây phương, nhờ khoa Chiêm tinh rất chi tiết mạch lạc, đã để lại những tiên đoán rõ ràng về thời gian và nơi chốn. Từ Nostradamus tới Cayce, tất cả đều đoán về một đại biến chuyển vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, thế giới từ bỏ thời vận Pisces để đi vào thời vận Aquarius mới. Trước khi nhân loại được bình an, văn minh tinh thần được xiển dương, nhiều xứ sẽ phải trải qua một cơn binh lửa khủng khiếp. Đại biến này Tây phương gọi là Mega-event, sẽ là khúc quanh Canh Tân toàn bộ hệ thống văn minh, xã hội, mà ta đang sống. Những huyền khái Fatima, Malachy... cũng hướng về đại biến chuyển ấy.

Đối với vận hội các nước Á Đông đương thời, các nhà tiên tri Tây phương nhận xét như sau:

1 - *Nhật Bản* đã hết thời cực thịnh, hai năm 1999 và 2000 sẽ xảy ra nhiều biến động nội bộ đưa tới cách mạng xã hội, phải dăm năm sau mới ổn định lại.

2 - *Trung Hoa* sẽ lại lâm vào nội chiến, bắt đầu từ tháng 9-1999 tới tháng 2-2000. Chế độ Cộng Sản sẽ cáo chung cùng với xáo trộn toàn quốc và binh biến trong hai năm 2000 và 2001.

3 - Một chiêm tinh gia có tiếng của Hoa Kỳ, Noel Tyl, căn cứ trên ngày giờ khai sinh chế độ Xã Hội Việt Nam hiện tại (27-1976, 8 giờ 30 theo Radio Hà Nội), luận rằng mùa Xuân 2000 Việt Nam sẽ có va chạm với nước láng giềng, nhân đó xảy ra biến động lớn (sao Thái dương gặp Saturn, Uranus qua cung 7, chủ biến đổi - Cuối năm 2000 Jupiter gặp Thái dương, đầu 2001, Uranus chiếu Mars, Pluto chiếu Saturn, lại thêm Neptune, toàn những sao chủ thay đổi có lợi cho cách mạng canh cải.).

Sấm ký Việt Nam tuy không xác định thời điểm chi tiết , nhưng cũng đoán được đại cương mốc thời gian có Thánh Nhân xuất sau cơn " *sấm dậy đất bằng* ", đưa Việt Nam và có thể cả Đông phương vào thời " *Tứ hải lạc âu ca* " thái bình nghìn năm. Mốc thời gian này cũng sát với tiên tri Tây phương : đầu kỷ nguyên XXI, ngàn năm sau nhà Lý, khoảng Canh, Tân tàn phá (năm 2000-01) và Tuất, Hợi phục sinh (2006-07). Riêng Lạc Việt sau 500 năm bị tai họa chiến tranh, bá đạo hoành hành, ma vương yêu quái oán cừu, sẽ đi vào thời Vương đạo dưới bóng Nhân của bậc Đại Nhân đột khởi oai linh như ba ngọn Ba Vì.

Điểm cuối cùng, chung cho cả Đông lẫn Tây, là tạo nhân đức tất thay đổi được số mệnh, hướng thiện càng nhiều thì nghiệp dĩ cộng thể càng nhẹ. Tiên tri lý số có xác xuất linh động tùy theo Nhân Tâm thế gian vậy.

-- Hết --